



Sông Trà

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - PHÊ BÌNH VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

99-100
BỘ MỚI
2021

KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH NHÀ THƠ TẾ HANH (20/6/1921 - 20/6/2021)

* 100 năm ngày sinh Tế Hanh	
SÔNG TRÀ	03
* Những bài thơ tiêu biểu của nhà thơ Tế Hanh	
TẾ HANH	05
TẾ HANH - ĐỒNG CẢM VÀ TIẾP NHẬN	
* Mái trường làng và nhà thơ quê hương	
HOÀNG LAN QUYÊN	14
* Bình Dương không xa	
HỒ NGHĨA PHƯƠNG	18
* Ba lần gặp nhà thơ Tế Hanh	
PHẠM ĐƯƠNG	21
* Những kỷ niệm khó quên cùng nhà thơ Tế Hanh	
NGUYỄN KIM HUY	25
* Huế nhớ Tế Hanh	
NGUYỄN DU	30
* Tế Hanh - Sáng tác, dịch thuật và phê bình	
NGUYỄN HỮU SƠN	33
* Tế Hanh - Một đời thơ gắn bó với đất nước, quê hương	
LƯU KHÁNH THƠ	47
* Tế Hanh - Người thơ giữa hai bờ yêu thương	
LÊ DỤC TÚ	52
* Tế Hanh - Đời tôi thực hay mộng, đời tôi buồn hay vui	
Ý NHI	56
* Tế Hanh và những ngày nghỉ học để trò chuyện cùng hoa	
MAI BẢ AN	64
* Sông trong thơ Tế Hanh	
NGUYỄN ĐÌNH VĨNH	71
* Thơ tình Tế Hanh, đọc lại	
VĂN GIÁ	74
* Tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh	
TRẦN HOÀI ANH	79
* Chút tình tưởng nhớ quê hương xa cách	
CHÉ DIỄM TRÂM	87

THƠ VỀ NHÀ THƠ TẾ HANH

* Mùa hạ trên sông Trà Bồng	
HỒ NGHĨA PHƯƠNG	91
* Nhà thơ và cái hồ nhỏ	
Ý NHI	92
* Sông thơ vẫn chảy	
ẨN RI	93
* Kính lạy ông hai lạy	
NGUYỄN NGỌC HƯNG	94
* Khiêm nhường	
NGUYỄN NGỌC HƯNG	95
* Chiều muộn	
NGUYỄN KIM HUY	96
* Về Bình Dương nhớ Tế Hanh	
PHAN BÁ TRÌNH	97
* Trong trẻo một hồn thơ	
MỸ HƯNG	98
* Nhớ con sông xanh biếc	
MỸ HƯNG	99
* Dòng sông thơ	
LÊ VĂN THUẬN	100

NHẠC PHỔ THƠ TẾ HANH

* Về Đông Yên nhớ Tế Hanh	
TRẦN XUÂN TIÊN	101
* Cái giếng làng	
MINH CHÂU	102
* Hà Nội 1966	
THIÊN VƯƠNG	103
* Rét nàng Bân	
MAI BÁ ẮN	104
* Bìa 1: <i>Ký họa Chân dung Tế Hanh</i> của TRẦN NHƯÔNG.	
* Ảnh: ĐĂNG LÂM - NGÔ THANH BÌNH - TUẤN VŨ	

Sông Trà * Số 99 - 100 (Bìa mới) - 2021

Tổng Biên tập:
MAI BÁ ẮN

Ban biên tập:
TRẦN XUÂN TIÊN
NGUYỄN ĐĂNG LÂM
TRẦN CAO TÁNH

Trình bày:
MAI TUẤN VŨ

• Tòa soạn: 68 Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi
* Điện thoại: 0255. 3826790
* Email: tapchisongtra@gmail.com

• Giấy phép xuất bản số: 666/GP - BT/TTT do Bộ Thông tin & Truyền thông cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017.

• In tại Công ty TNHH MTV In Bình Định.
VPĐD tại Quảng Ngãi: 368 Lê Lợi, TP. Quảng Ngãi. ĐT: 0255. 3713268.

KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH NHÀ THƠ TẾ HANH
(20/6/1921 - 20/6/2021)

100 năm ngày sinh Tế Hanh

○ SÔNG TRÀ



Chân dung Nhà thơ Tế Hanh

20/6/1921 - 20/6/2021, đúng tròn 100 năm ngày sinh của nhà thơ Tế Hanh - một nhà thơ lớn của dân tộc nói chung và là niềm tự hào của quê hương núi Ấn sông Trà nói riêng.

Nhà thơ Tế Hanh tên khai sinh là Trần Tế Hanh, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1921 tại làng Đông Yên, phủ Bình Sơn; nay là xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Cha ông là Trần Tất Tố, làm nghề dạy học và làm thuốc. Ông có bốn anh em, trong đó người em út là Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Nhạc sĩ Trần Thế Bảo.

Thuở nhỏ, Tế Hanh học ở trường làng, trường huyện. Năm 15 tuổi, ông ra học tại trường Khải Định (tức Quốc học Huế).

Sẵn tính ham thích thơ, Tế Hanh bắt đầu sáng tác. Năm 1938, 17 tuổi, ông viết bài thơ đầu tiên: Những ngày nghỉ học. Sau đó, ông tiếp tục sáng tác, rồi tập hợp thành tập thơ Nghẹn ngào. Năm 1939, tập thơ này được giải khuyến khích của Tự lực văn đoàn. Năm 1941, Tế Hanh và thơ của ông gồm 4 bài (Quê hương, Lời con đường quê, Vu vơ, Ao ước) được Hoài Thanh và Hoài Chân giới thiệu trong cuốn Thi nhân Việt Nam (xuất bản năm 1942).

Tháng 8 năm 1945, Tế Hanh tham gia Việt Minh, làm công tác văn hóa, giáo dục ở Huế, Đà Nẵng; và là Ủy viên giáo dục trong Ủy ban Lâm thời thành phố Đà Nẵng. Cách mạng tháng Tám thành công, từ năm 1949 cho đến năm 1954, ông ở trong Ban phụ trách Chi hội Văn nghệ Liên khu V.

Sau Hiệp định Genève (1954), ông tập kết ra Bắc, công tác ở Hội



Nhà thơ Tế Hanh (thứ 2 trái sang) chụp ảnh lưu niệm cùng đồng chí Đỗ Minh Toại (thứ 3 trái sang) nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi cùng các đại biểu tại Đại hội VHNT Quảng Ngãi lần thứ I. (Ảnh: Ngô Thanh Bình)

Văn nghệ. Năm 1957, Hội Nhà văn Việt Nam thành lập, Tế Hanh tham gia Ban Biên tập Tuần báo Văn của Hội, và nhiều năm, ông còn là Ủy viên chấp hành và Ban Thường vụ của Hội.

Vào những năm 80 thế kỷ trước, ông lâm bệnh dài ngày. Ông qua đời vào lúc 12 giờ ngày 16 tháng 07 năm 2009 tại Hà Nội sau nhiều năm chống chọi với căn bệnh xuất huyết não. Tế Hanh ra đi để lại một gia tài thơ đồ sộ với hàng chục tác phẩm, xuất bản nhiều tập thơ dịch của các nhà thơ lớn trên thế giới.

Ông đã được nhận nhiều giải thưởng văn học: Trước Cách mạng tháng Tám - 1945, ông nhận Giải Tự Lực văn đoàn năm 1939; trong kháng chiến, ông nhận Giải thưởng Phạm Văn

Đồng do Hội Văn nghệ Liên khu V tặng. Đến năm 1996, ông chính thức được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật đợt 1.

Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Tế Hanh (20/6/1921 - 20/6/2021), trong điều kiện đại dịch Covid - 19 vẫn đang diễn biến phức tạp, không có điều kiện để tổ chức Lễ Kỷ niệm theo đúng nội dung chương trình dự kiến, Hội VHNT Quảng Ngãi thống nhất, Tạp chí Sông Trà số 99-100 sẽ là số chuyên đề Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của nhà thơ Tế Hanh gồm Khái lược tiểu sử tác giả, Trang thơ chọn lọc của Tế Hanh cùng những bài viết những sáng tác về cuộc đời và sự nghiệp nhà thơ Tế Hanh của các nhà nghiên cứu, văn nghệ sĩ trên cả nước♦

MỘT SỐ BÀI THƠ TIÊU BIỂU CỦA NHÀ THƠ TẾ HANH^(*)



Những ngày nghỉ học

Tặng Nguyễn Văn Bổng

Những ngày nghỉ học tôi hay tới
Đón chuyến tàu đi đến những ga
Tôi đứng bờ vờ xem tiễn biệt
Lòng buồn đau xót nỗi chia xa

Tôi thấy tôi thương những chiếc tàu
Ngàn đời không đủ sức đi mau
Có chi vương vís trong hơi máy
Mấy chiếc toa đầy nặng khổ đau

Bánh nghiền lăn lăn quá nặng nề;
Khói phì như ghen nỗi đau tê;
Lâu lâu còi rúc nghe rền rĩ;
Lòng của người đi kéo kẻ về

Kẻ về không nói bước vương vương...
Thương nhớ lan xa mấy dặm trường
Lẽo đẽo tôi về theo bước họ
Tâm hồn ngơ ngẩn nhớ muôn phương.

1938

(*) Những bài thơ này được in theo bản in tại Tuyển tập Tế Hanh, Nxb. Văn học, 1987.



Quê hương

*Chim bay dọc biển đem tin cá**

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông
Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.
Cánh buồm trương, to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về
Nhờ ơn trời, biển lặng cá đầy ghe,
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá.

1939

(*) *Câu thơ của phụ thân tôi (Chú thích của Tế Hanh).*

Chiêm bao

Chiêm bao bừng tỉnh giấc
Biết là em đã xa
Trên tường một tia sáng
Biết là đêm đã qua.

Ban ngày công tác bận
Ban đêm dành nhớ em.
Ban ngày ở miền Bắc,
Ở miền Nam ban đêm.

Dầu anh đâu, em đâu
Hai ta vẫn gần nhau
Giấc chiêm bao đêm trước
Soi sáng cả ngày sau.

5-56

Bão

Cơn bão nghiêng đêm
Cây gãy cành bay lá
Ta nắm tay em
Cùng nhau qua đường cho khỏi ngã
Cơn bão tạnh lâu rồi
Hàng cây xanh thắm lại
Nhưng em đã xa xôi

Và cơn bão lòng ta thổi mãi.

1957

Nhớ con sông quê hương

Quê hương tôi có con sông xanh biếc
Nước gương trong soi tóc những hàng tre.
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè,
Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng.
Chẳng biết nước có giữ ngày, giữ tháng
Giữ bao nhiêu kỷ niệm giữa dòng trôi?
Hỡi con sông đã tắm cả đời tôi!
Tôi giữ mãi mối tình mới mẻ,
Sông của quê hương, sông của tuổi trẻ,
Sông của miền Nam nước Việt thân yêu
Khi bờ tre ríu rít tiếng chim kêu
Khi mặt nước chập chờn con cá nhảy
Bạn bè tôi tụm năm tụm bảy
Bầy chim non bơi lội trên sông.
Tôi gơ tay ôm nước vào lòng,
Sông mở nước ôm tôi vào dạ
Chúng tôi lớn lên mỗi người mỗi ngã
Kẻ sớm khuya chài lưới bên sông
Kẻ cuốc cày mưa nắng ngoài đồng;
Tôi cầm súng xa nhà đi kháng chiến



Nhưng lòng tôi như mưa nguồn gió biển
Vẫn trở về lưu luyến bên sông;

Tôi hôm nay sống trong lòng miền Bắc,
Sờ lên ngực nghe trái tim thầm nhắc
Hai tiếng thiêng liêng, hai tiếng “miền Nam”
Tôi nhớ không nguôi ánh nắng màu vàng,
Tôi quên sao được sắc trời xanh biếc;
Tôi nhớ cả những người không quen biết...
Có những trưa tôi đứng dưới hàng cây,
Bỗng nghe dâng cả một nỗi tràn đầy:
Hình ảnh con sông quê mát rượi
Lai láng chảy, lòng tôi như suối tươi.
Quê hương ơi! Lòng tôi cũng như sông.
Tình Bắc Nam chung chảy một dòng,
Không gành thác nào ngăn cản được.
Tôi sẽ lại nơi tôi hằng mơ ước.
Tôi sẽ về sông nước của quê hương.
Tôi sẽ về sông nước của tình thương.



Giữa anh và em

Anh như người bốn phía mưa rơi
Em bỗng đến và cuộc đời hừng nắng
Giữa hai ta còn muôn vàn im lặng
Anh vẫn nghe xao động bao lời

Tưởng con sông đến khúc trôi êm
Mùa hạ hết và mùa thu sắp đến
Anh lại thấy lòng mình xao xuyến
Bởi một cái nhìn xa thẳm của em

Em biết không? Giữa anh và em
Không nói được nhiều hơn là nói được
Như khi chúng ta nhìn dòng nước
Giữa thuyền và bến, giữa bến và thuyền.

Ngày mai kia trong biển động liên hồi
Anh không thể giữ cả những gì yêu quý nhất.
Nhưng tình anh đối với em không thể mất
Như bao tình yêu chân thật ở trên đời.

Thu 79

Vườn xưa

Mảnh vườn xưa cây mỗi ngày mỗi xanh
Bà mẹ già tóc mỗi ngày mỗi bạc
Hai ta ở hai đầu công tác
Có bao giờ cùng trở lại vườn xưa?

Hai ta như ngày nắng tránh ngày mưa
Như mặt trăng mặt trời cách trở
Như sao hôm sao mai không cùng ở
Có bao giờ cùng trở lại vườn xưa?
Hai ta như sen mùa hạ cúc mùa thu
Như tháng mười hồng tháng năm nhẵn
Em theo chim đi về tháng tám
Anh theo chim cùng với tháng ba qua.

Một ngày xuân em trở lại nhà
Nghe mẹ nói anh có về anh hái ổi
Em nhìn lên vòm cây gió thổi
Lá như môi thâm thì gọi anh về
Lần sau anh trở lại một ngày hè
Nghe mẹ nói em có về bên giếng giặt
Anh nhìn giếng, nước sâu trong vắt
Nước như gương soi lẽ bóng hình anh

Mảnh vườn xưa cây mỗi ngày mỗi xanh
Bà mẹ già tóc mỗi ngày mỗi bạc
Hai ta ở hai đầu công tác
Có bao giờ cùng trở lại vườn xưa?

1957

Bài thơ tình ở Hàng Châu

Anh xa nước nên yêu thêm nước
Anh xa em càng nhớ thêm em
Trăng Tây Hồ vời vợi thâu đêm
Trời Hàng Châu bốn bề êm ái
Mùa thu đã đi qua còn gửi lại
Một ít vàng trong nắng trong cây
Một ít buồn trong gió trong mây
Một ít vui trên môi người thiếu nữ...

Anh đã đến những nơi lịch sử
Đường Tô Đông Pha làm phú
Đường Bạch Cư Dị đề thơ
Hồn người xưa vương vấn tự bao giờ
Còn thao thức trên cànkhê đào ngọn liễu
Phong cảnh đẹp nhưng lòng anh thấy thiếu
Bức tranh kia anh muốn điểm thêm màu
Có hai ta cùng tựa bên cầu
Cho mặt nước Tây Hồ trong sáng nữa
Lá phong đỏ như mối tình đượm lửa
Hoa cúc vàng như nỗi nhớ day dưa
Làn nước qua ánh mắt ai đưa
Cơn gió đến bàn tay em vẫy
Chúng mình đã yêu nhau từ độ ấy



Có núi sông và có trăng sao
 Có giận hờn và có chiêm bao
 Cay đắng ngọt bùi cuộc đời kháng chiến
 Nói sao hết em ơi bao kỷ niệm...

Những ngày buồn nghĩ đến thấy vui vui
 Những ngày vui sao lại thấy ngùi ngùi
 Anh không muốn hỏi nhiều quá khứ
 Ngày đẹp nhất là ngày rồi gặp gỡ
 Rồi Tây Hồ trắng xuống Bắc Cao Phong
 Chỉ mình anh với im lặng trong phòng
 Anh ngược nhìn bức thêu trên vách:
 Hai bóng người đi

một hàng từng bách
 Bàn tay nào đã dệt nổi lòng anh?
 Tiếng mùa xuân đem sóng vỗ bên mình
 Vợ vẫn tình chan

chập chờn mộng gối
Anh mơ thấy Hàng Châu thành Hà Nội
Nước Tây Hồ bỗng hóa nước Hồ Tây.
Hai chúng mình cùng bước dưới hàng cây.

1956

Mái trường làng và nhà thơ quê hương

○ HOÀNG LAN QUYÊN*

Hơn mười năm đã trôi qua, nhà thơ Tế Hanh đã đi vào cõi vĩnh hằng nhưng tiếng lòng của tác giả vẫn như còn ẩn hiện bên dòng sông xanh, trên con đường nhỏ; ở mảnh vườn xưa hay cái giếng đầu làng... Một trong những hình ảnh mang đậm dấu ấn đầu đời của ông là ngôi trường tiểu học Đông Yên - nơi mà khi lên bảy tuổi, Tế Hanh đã được người cha dẫn dắt đến học giờ đầu tiên: *“Trang giấy mới mở đầu thơm bát ngát”*. Mái trường ấy còn là nơi khởi nguồn tri thức, nuôi dưỡng tâm hồn, chấp cánh ước mơ cho nhiều thế hệ trên miền đất quê nghèo nước mặn đồng chua.

Vào những năm đầu của thế kỉ XX, nước ta bị thực dân Pháp đô hộ. Chữ Quốc ngữ dần thay thế cho chữ Nho. Tại làng Đông Yên, một số trí thức Nho học tiến bộ như Trần Nghĩa, Hoàng Đấp, Phạm Kinh, Trần

Tất Tố (cha của Tế Hanh) đã cùng tham gia các hoạt động của hội Duy Tân và phong trào *“Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”* của Phan Châu Trinh. Các Nho sĩ thường đem tài liệu chữ Quốc ngữ và Tân thơ về tuyên truyền cho dân làng tại ngôi chùa ở xóm Vĩnh Xương (làng Đông Yên). Vì vậy mà phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ nhanh chóng phát triển. Các bà mẹ thường truyền miệng nhau câu hát khi đi làm trên đồng ruộng hoặc lúc ru con:

*Chữ Quốc ngữ là vàng là ngọc
Khuyên bà con nên học làm đầu
Chữ ấy học chẳng bao lâu
Ra công vài tháng thuộc vần
là xong*

Hoặc:

*Dầu làm giàu của chất đầy non
Chi bằng để cho con ba chữ*

Từ tâm huyết của các nhà nho, đến năm 1922 một trường học (hợp pháp) sơ khai đã hình



Cây Dầu lai - Chứng nhân còn lại của ngôi trường làng Đông Yên thời đi học của Tế Hanh (Nay là Trường THCS Bình Dương). (Ảnh: Tác giả)

thành với hai lớp: Đồng ấu và Dự bị. Số lượng ban đầu chỉ có 15-17 học trò, sau đó tăng dần. Người dân nơi đây quen gọi nôm na là “Trường Chùa”. Thầy dạy kết hợp cả chữ Quốc ngữ và chữ Nho, vừa dạy vừa truyền bá tinh thần yêu nước; tuyên truyền, phổ biến thơ ca, hò vè có nội dung yêu nước chống Pháp; khơi dậy lòng yêu nước, thương nòi, cổ vũ đấu tranh đòi độc lập tự do; chống sưu cao thuế nặng...

Dần dần, dân làng đưa con đến học ngày càng đông. Không những hai làng Đông Yên, Mỹ Huệ trong xã mà các làng khác

cũng đến xin học. Vì vậy đến năm 1925 chính phủ Pháp cho dời trường lên vị trí mới ở làng Mỹ Huệ, thành lập luôn trường Tổng nhưng vẫn giữ tên là Trường Đông Yên. Trường được xây gạch ngói hàng hoàng, có mái hiên chạy dài trước cửa các lớp. Thời kì “trường ra trường, lớp ra lớp” được bắt đầu với bậc Sơ học yếu lược (gồm lớp Năm, lớp Tư, lớp Ba). Vì trường ở ngay trong làng nên phụ huynh vui mừng đưa con cháu đến học ngày càng đông. Vào một ngày đầu thu năm 1928, cậu bé Trần Tế Hanh cũng được thân phụ dắt tay đến trường, làm quen với nét chữ đầu đời trong niềm hân hoan, vui sướng vô cùng.

Trường Sơ học Đông Yên được Chính phủ bổ nhiệm Hiệu trưởng và đưa giáo viên có trình độ kinh nghiệm, lương tâm nghề nghiệp đến dạy. Trường tiếp tục phát triển và mở thêm lớp Nhì Đệ Nhất, lớp Nhì Đệ Nhị, lớp Nhất. Đến năm 1937 hình thành một trường Tiểu học hoàn chỉnh. Cổng trường treo cao tấm biển với dòng chữ: “Ecole Primaire officiel Đông Yên” (Trường Tiểu học Công lập Đông Yên”. Học trò phấn khởi thi đua học tập và hăng hái lao động trồng cỏ, trồng hoa và trồng cây bóng mát như cây bàng, cây phượng, cây dầu lai... tạo nên cảnh quan thật đẹp đẽ và mát mẻ.

Thuở ấy, học hết bậc Tiểu học được xem là người có trình độ học thức cao vì đã thông thạo tiếng

Pháp và chữ Quốc ngữ. Thi đậu tốt nghiệp Tiểu học được cấp bằng Primaire (Còn gọi là bằng Tốt nghiệp Tiểu học Đông Dương). Những năm tháng ấy thi cử rất nghiêm minh nhưng học sinh của trường luôn nằm trong tốp dẫn đầu của tỉnh Quảng Ngãi, có một số kì thi còn giành được vị trí thủ khoa, á khoa...

Tiếng lành đồn xa, năm 1937 các vị Tri phủ, Chánh tổng cùng thầy trò của trường tổ chức nghi lễ linh đình, trọng thể để đón ông Phạm Quỳnh - Thượng thư Bộ Giáo dục kiêm Tổng lý văn phòng Chính phủ Nam Triều Bảo Đại về thăm và được ông khen là một trong hai trường đẹp nhất tỉnh Quảng Ngãi.

Cậu học trò Trần Tế Hanh sinh ra trong một gia đình Nho giáo, được thừa hưởng tố chất từ người cha dạy chữ và yêu thích thơ ca nên từ nhỏ đã bộc lộ năng khiếu viết thơ vô cùng đặc biệt. Sau khi tốt nghiệp bậc Tiểu học trường làng Đông Yên với kết quả xuất sắc ông được gia đình cho theo học bậc Trung học ở trường Khải Định (tức trường Quốc học Huế). Mới 15 tuổi phải đi học xa nhà nên chàng trai hiền lành ấy nhớ nhà, nhớ quê da diết. Tại ngôi trường Quốc học này, vốn sẵn tính ham thích thơ ca và gặp gỡ quen biết thi sĩ Huy Cận nên Tế Hanh bắt đầu sáng tác và nhập cuộc với phong trào Thơ Mới. Cảm xúc nhớ thương đã tuôn trào thành dòng, thành mạch ngọt ngào và

tha thiết trong bài “Những ngày nghỉ học”, “Làng tôi” mà sau đó ông đổi thành “Quê hương”.

Mỗi kì nghỉ hè về quê, Trần Tế Hanh lại đến trường làng để thăm thầy cô, lớp học, thăm các cây do lớp mình trồng và còn chỉ dạy thêm cho đàn em nhỏ. Bác Đoàn Xảo (tức cố thiếu tướng Đoàn Y Thanh**) lúc sinh thời có kể lại như sau:

Hè năm 1938 chúng tôi học thêm anh Tế Hanh là nhà thơ - học sinh ở Huế về dạy. Trong dịp đó chúng tôi được đọc báo “Ngày nay” và sách của Tự lực văn đoàn như: “Gánh hàng hoa”, “Đoạn tuyệt”, “Giông Tố”. Chúng tôi say mê đọc thơ anh, thơ của Thế Lữ, Huy Cận... và cả tiểu thuyết “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố nữa. Anh Tế Hanh đã mang về cho chúng tôi một luồng gió mới, thổi bùng lên ý thức cá nhân. Từ những trang văn thơ đó, một chất men mới bắt đầu bùng sáng và thấm dần vào tâm hồn tuổi trẻ quê nhà. Chúng tôi muốn bung ra khỏi vòng cương tỏa chật hẹp, muốn thoát ra khỏi chốn thôn quê “*bùn lầy nước đọng*”; phải chống bất công, chống bọn cường hào gian ác... Chúng tôi bắt đầu nghĩ đến Dân tộc và Tổ quốc, Độc lập và Tự do, dù chưa định hình nhưng tình yêu và lý tưởng đã bắt đầu lờ mờ, manh nha trong đầu óc mỗi người.

Trong khí thế sôi nổi của những ngày Cách mạng tháng 8/1945, trường Đông Yên trở thành trụ sở chỉ huy khởi nghĩa của Tổng

Bình Hà, do hai đồng chí Nguyễn Công Say và Lê Đình Yên là học sinh cũ của trường lãnh đạo. Đồng đảo thanh niên vốn là học sinh cũ trường làng nay trở thành lực lượng chủ yếu, xung kích đi đầu, góp phần mang lại thắng lợi cho cuộc khởi nghĩa ở quê nhà.

Từ mái trường này, các thế hệ đã nối tiếp truyền thống Cách mạng “*cầm súng xa nhà đi kháng chiến*” trở thành những anh bộ đội cụ Hồ, anh Giải phóng quân... Họ có mặt trên khắp các mặt trận, góp phần tô thắm lá cờ vinh quang của Tổ quốc đi đến ngày toàn thắng. Trong hàng ngũ đó có cả nhà thơ Trần Tế Hanh.

Sau ngày thống nhất đất nước 1975, nhà thơ Tế Hanh lại về với con sông quê hương “*đã tắm cả đời tôi*” và cũng không quên đến thăm mái trường làng Đông Yên - nơi lưu dấu nhiều kỉ niệm thời niên thiếu. Thời gian đã làm ngôi trường xuống cấp, ngói phủ rêu phong, vách tường vôi loang lổ. Cảnh vật có nhiều đổi thay nhưng dường như lòng người không thay đổi. Chân chậm chậm bước, ông đi dạo một vòng quanh khuôn viên và dừng lại hồi lâu dưới gốc cây dầu lai ở góc sân trường. Vẫn còn đây dấu tích của ngày xưa! Cây dầu lai do lớp ông trồng và chăm sóc bây giờ đã trở thành cổ thụ, sừng sững, vươn cành tỏa bóng như nhân chứng của thời gian. Ông bồi hồi đưa bàn tay ấn nhẹ vào từng cái gai trên lớp vỏ sù sì của thân cây già như nhắm đếm

tìm kỉ niệm. Những gương mặt thầy cô, bạn bè thân thuộc cứ lần lượt hiện về, cuộn dâng nỗi nhớ... Trong buổi nói chuyện với học sinh của trường hôm ấy (bấy giờ là Trường Cấp I xã Bình Dương) ông đã nhắc nhở mọi người về truyền thống Cách mạng và truyền thống hiếu học trên mảnh đất quê mình; gửi gắm niềm tin và mong muốn thế hệ trẻ hãy nối tiếp, phát huy... Cái dáng vẻ hiền từ và giọng nói ấm áp, đậm đặc ngôn ngữ bình dân của nhà thơ trong thật gần gũi thân thương vô cùng. Cả sân trường im lặng, chúng tôi chăm chú lắng nghe như muốn khắc ghi từng lời.

Thời gian cứ trôi qua như dòng sông Trà Bồng luôn xuôi về biển cả. Mọi thứ trên đời đều có thể mất đi duy chỉ có tình yêu thương ở lại. Tình cảm của Tế Hanh đối với ngôi trường thời niên thiếu vẫn còn neo động mãi trong tâm hồn người dân quê tôi tựa như mạch nguồn sông suối - lặng lẽ, âm thầm nhưng đầy ắp yêu thương♦

Đầu Hạ - 10/5/2021

GHI CHÚ:

(*) Hội viên Hội VHNT Quảng Ngãi, người cùng quê với nhà thơ Tế Hanh.

(**) Cố thiếu tướng Đoàn Y Thanh - người làng Đông Yên - Bình Dương, là tác giả của hồi kí một đời quân ngũ” của Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

Bình Dương không xa

○ HỒ NGHĨA PHƯƠNG*

Cung đường đến với khúc sông quê trong thơ Tế Hanh cũng không quá xa, gần 2km nếu tính đường chim bay từ đầu cầu Châu Ổ phía bờ Nam đến cầu Bà Dầu thuộc xã Bình Dương. Còn đi vòng vèo hình chữ U cũng hơn 3km. Trước đây Bình Dương như một ốc đảo, để đến được nơi này không cách nào khác là phải đi dò dọc từ sau lưng chợ Châu Ổ mới và nhiều dò ngang khác. Vì xã Bình Dương quê hương của nhà thơ Tế Hanh bốn bên, tứ phía đều là sông nước dù có thể là khúc sông không rộng nhưng không thể nào lội qua dòng nước.

Từ khi học các lớp bậc phổ thông, tôi đã “ám ảnh” hai bài thơ về quê hương của nhà thơ Tế Hanh: Quê hương, Nhớ con sông quê hương. Và tôi ao ước một lần về thăm quê ông ở làng Đông Yên, xã Bình Dương để cảm nhận hết tình yêu của nhà thơ về quê hương yêu dấu của

mình. Cũng có thể nhà riêng của tôi cũng sát bờ sông Vệ, con sông lớn thứ hai của tỉnh nên những cảm xúc cho tình yêu sông là rất lớn.

Thật tình thì tôi đã đến vùng đất có dòng sông Trà Bồng nhiều lần, và có dịp quan sát từ đoạn cầu đường sắt (tàu lửa) bắc qua sông Trà Bồng, đến cầu Châu Ổ, cầu Bà Dầu, cầu Tre, cầu Trà Bồng (cũ và mới) rồi dòng nước ngập ngừng chảy ra cửa Sa Cần, hòa vào vịnh Dung Quất ra biển Đông. Con nước xà hai (chè hai) lững lờ trong đục theo nhịp thời gian, níu tôi về ký ức một thời tôi đã đến quê hương nhà thơ Tế Hanh (lúc ông còn sống). Ngày ấy, tôi chỉ nhớ là muốn xuống xã Bình Dương phải qua chiếc cầu tạm do dân lập (có thu phí) và con đường đất đá lởm chởm ổ voi, ổ gà bụi mờ mịt quẩn chân. Riêng khúc sông đoạn qua làng Đông Yên nơi còn nhà thờ từ đường họ Trần vẫn đáng vẻ xưa, dù đã



Một nét Bình Dương, quê hương nhà thơ Tế Hanh.

(Ảnh: Tuấn Vũ)

được kê bê tông và xây mới khu nhà lồng chợ Hòm. Dòng sông chỗ này đẹp đến nao lòng, dù bạn có đến vào buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều hoặc đêm trăng sáng. Tôi đã chụp không biết bao kiểu ảnh từ mùa xuân, mùa hạ, mùa thu đến mùa đông, đủ các góc độ vẫn chưa thấy thỏa lòng. Hàng cây bên sông ra lá nõn xanh hay đến mùa lá vàng khô rụng rơi lả tả, vẫn tạo dáng vẻ cho các nghệ sĩ nhiếp ảnh có những ảnh nghệ thuật chụp nét đẹp của thiên nhiên có sẵn, mà không cần các phần mềm chỉnh sửa. Do ảnh hưởng của đập bồi ngăn mặn phía dưới hạ lưu dòng sông, ở đây dường như dòng nước ngưng trôi, tạo một mặt phẳng như hồ. Bạn có

thể nhìn rõ đàn cá tung tăng bơi lội hay bất chợt thấy con cá tung mình đớp bóng tạo sóng lăn tăn đồng tâm, tan loãng trên mặt sông. Thỉnh thoảng, ta bắt gặp chiếc thuyền máy của người dân xuôi ngược trên sông tạo những con sóng vỗ òa vỗ bờ, xóa tan không gian lặng yên như bất tận khung cảnh hai bên bờ sông.

Nhà thơ Tế Hanh được sinh ra và lớn lên ở đây, ông đã uống nước giếng khơi và tắm mình trên dòng sông thời thơ ấu. Dù sau đó ông phải đi học xa, rồi đi kháng chiến trở thành nhà thơ nổi tiếng trên văn đàn trong nước. Tôi hình dung những năm tháng ở quê, ông đã thấm hạt sương giăng, đội nắng mưa bão

dòng nơi quê nhà. Chỉ tiếng gà gáy mỗi buổi sáng thôi đã làm ông thức giấc, từ nhà đi bộ ra bến sông chỉ có một quãng ngắn. Tự tay ông vốc một bụm nước rửa mặt thôi, cũng đủ cho ông cảm xúc về khúc sông quê lãng mạn nên thơ trước vườn nhà... Có lẽ, sau này ông có dịp trở về quê hương thăm lại “Vườn xưa” và con sông “Quê hương” vài lần và có những tác phẩm mới về quê hương. Nhưng bạn yêu thơ và chính những người dân quê ông luôn nhắc nhớ đến ba tác phẩm kinh điển dễ nhớ, dễ thuộc và đi vào lòng người là bài thơ: Quê hương, Nhớ con sông quê hương và Vườn xưa.

Người bạn đồng hành chuyến đi gần đây nhất, được tôi đưa đi thăm khúc sông quê ở Bình Dương đã thảng thốt: “Đẹp quá anh ơi! Không có nơi nào, có khúc sông quê đẹp như vậy, dù em cũng đã đến hầu hết các con sông trong tỉnh?”. Tôi là người quen thuộc từng ngõ ngách góc độ khung ảnh ở đây, mà mỗi lần đến thăm chơi vẫn bồi hồi xúc động, cứ đi lang thang dọc bờ Bắc từ đoạn trên cầu Bà Dầu đến dưới cầu tre gỗ. Tôi cùng một số bạn thân lặn lội tìm vài món ăn vặt dân dã dọc trục đường từ chợ Hòm xuống nhà thờ tộc họ Trần như: bánh bèo, bánh dúc, bánh gói... hoặc ngồi ở một số quán cà phê ven bờ trầm ngâm suy tư ngắm dòng sông. Ký ức về dòng sông

trong thơ Tế Hanh đã cho tôi cảm xúc sáng tác bài thơ “Dòng sông quê” được nhạc sĩ Duy Vũ, người con xã Bình Thạnh cuối dòng sông Trà Bồng đã đồng điệu cảm hứng phổ nhạc. Có lần, anh biểu diễn ca khúc phổ thơ của tôi trên sân khấu nhân dịp UBND huyện Bình Sơn và Hội VHNT tỉnh phối hợp tổ chức chương trình thơ nhạc kỷ niệm 05 năm ngày mất Nhà thơ Tế Hanh.

Dòng sông đi qua đời tôi và bạn, dù nắng mưa hay lụt bão, dù dòng nước trong hay đục thì cuộc sống vẫn cứ trôi. Bạn tôi đưa mắt nhìn xa xăm hoài vọng về thời xưa cũ, trong tiếng gió ru đưa buổi chiều đầu hạ nắng gắt, bầu trời bàng bạc mây trắng để tưởng nhớ đến “Nhà thơ Tế Hanh và con sông quê hương”. Bạn ấy hát lầm nhảm một đoạn ca khúc Dòng sông quê: “Có dòng sông xanh biếc lặng lẽ đôi bờ khát khao. Cánh buồm lay mơn man miền sóng vỗ... Dòng sông, dòng sông quê tôi... Con sông hiền hòa chảy vào lòng sâu thẳm... trên bến sông quê”. Bình Dương không xa, bạn tôi khẳng định như vậy và hứa cùng tôi sẽ về thăm con sông quê trong thơ Tế Hanh nhiều lần nữa!♦

GHI CHÚ:

(*) Hội viên Hội VHNT Quảng Ngãi.

Ba lần gặp nhà thơ Tế Hanh

○ PHẠM ĐƯƠNG*

Giờ mà đi khen thơ Tế Hanh thì khác nào khen Trung Quốc đông dân nhất thế giới! Rất nhiều nhà phê bình khen thơ Tế Hanh hay như thế nào rồi, nên có nói thêm thì cũng chẳng thể ... hay hơn những bài viết đó. Tôi chỉ nhắc lại một vài kỷ niệm với Tế Hanh nhân ông tròn 100 tuổi.

An tượng về Tế Hanh với tôi không phải là thơ của ông mà là khi nghe ông trò chuyện. Khác với người em ruột - GS nhạc sĩ Thế Bảo - luôn “mở hết volume” khi nói chuyện với bạn bè, Tế Hanh chỉ thủ thủ thù thù bằng chất giọng Quảng Ngãi đặc sệt, thậm chí đặc sệt luôn giọng Bình Sơn. Những ai là dân Quảng Ngãi “chay” sẽ phân biệt rõ điều này khi nghe ông nói chuyện.

Tôi có may mắn được gặp Tế Hanh ba lần. Tôi nghĩ, cách nhau cả ngàn cây số giữa Hà Nội và Quảng Ngãi, thời ấy đi

lại khó khăn mà được gặp một nhà thơ vang danh cả nước như Tế Hanh ngần ấy lần thì kể cũng... nhiều. Điều thú vị nữa là, cả ba lần ấy, đều để lại trong tôi những ấn tượng khác nhau, dù Tế Hanh là người rất kiệm lời khi trò chuyện với người ít tuổi hơn ông.

Lần thứ nhất

Năm 1993, trong dịp tham dự Hội nghị những người viết văn trẻ toàn quốc tại Hà Nội, mấy anh em “nhà văn trẻ” chúng tôi gồm Đặng Vũ, Phùng Tấn Đông (Hội An), Trần Kỳ Trung (Nhà xuất bản Đà Nẵng) và tôi, ghé thăm Tế Hanh tại số 8 Nguyễn Thượng Hiền (Hà Nội). Nhà ông quá chật chội, hình như được phân ở cùng với mấy gia đình khác trong một ngôi biệt thự cổ từ thời Pháp thì phải, nên chúng tôi đưa đứng kể ngồi ngay “phòng khách” nằm trên lối đi trước hiên nhà.



Cù Nguyễn Văn Vàng trông coi nhà thờ, nơi nhà thơ Tể Hanh cất tiếng khóc chào đời.
(Nguồn: baoquangngai.vn)

Đặng Vũ, với tư cách là người “thân nhất” với Tể Hanh- do trước đó anh theo học lớp trên đại học tại Hà Nội nên thường ghé nhà Tể Hanh, tranh phần làm M.C: “Tụi cháu đang tham dự hội nghị các nhà văn trẻ, sẵn dịp ghé thăm bác. Xin giới thiệu, đây là Phạm Dương - làm thơ, cùng quê Quảng Ngãi mình”; xoay sang người đứng cạnh: “Còn đây là Phùng Tấn Đông, quê Hội An, cũng làm thơ”. Vũ tiếp: “Còn cháu thì bác biết rồi, Đặng Vũ đây mà”. Đợi nhà thơ Tể Hanh gật đầu xác nhận, Đặng Vũ giới thiệu tiếp: “Còn đây là Trần Kỳ Trung...”. Chưa kịp nói hết câu: “viết

văn xuôi” thì Tể Hanh tiếp lời: “À ừ, mình cũng có đọc thơ Trung...”. Cả bọn nghe thế, chẳng thềm đính chính mà... nín cười chứ không thì bị sặc. Trần Kỳ Trung, sau khi chào tạm biệt, ra tới ngoài đường phố, rí tai tôi nói: “Nhẽ lúc này mình định nói: “Dạ cháu cũng đọc tiểu thuyết của bác rồi”, nhưng nghĩ lại mình cố kìm, nói thế vô lễ quá. He he”. Trong lần gặp tiếp theo (tức lần hai), tôi nhắc lại chuyện ấy, Tể Hanh thú nhận: “Mình nghĩ, Vũ nó giới thiệu ba bạn làm thơ cả ba thì anh cuối cùng tất nhiên là cũng sẽ làm thơ thôi. Vì cái anh nhà thơ ít khi đi với anh

nhà văn lăm”. Ra vậy, nhà thơ bị “trượt” theo logic câu chuyện. Người làm thơ thường bị “trượt” như thế. Nhà thơ bị cảm xúc nó dẫn dụ theo một logic thông thường trong ứng xử hàng ngày. Nhưng khi làm thơ thì lại khác, cảm xúc dẫn dụ nhà thơ theo một logic phi truyền thống. Tế Hanh rất “rạch ròi” chuyện này. Hèn chi thơ ông hay thế!

“Anh theo các phố đó đây

*Thêm yêu Hà Nội vắng đầy
cả em”*

Vắng mà “đầy” thì chỉ có thể là... Tế Hanh. Logic phi truyền thống là thế.

Lần thứ hai

Đầu khoảng vài năm sau, nhà thơ Nguyễn Thụy Kha có làm một loạt phim về chân dung các nghệ sĩ nổi tiếng, trong đó có Tế Hanh. Lần ấy, Thanh Thảo có trêu Thụy Kha, cũng là “đùa” luôn nhà thơ đàn anh Tế Hanh: “Hề Kha nó làm chân dung ai thì người đó thường là ngổm đầy anh à”. Nghe vậy, Tế Hanh cả cười: “Tuổi này thì sợ chi nữa Thảo hề”. Cả đoàn làm phim cười tung bụi đất.

Đoàn làm phim đưa ông về Dung Quất, ngay thôn Tuyết Diêm, chỗ cạnh Nhà máy Doosan bây giờ. Lý do đưa Tế Hanh về đây là lúc nhỏ, ông có theo cha về vùng này. Cha ông làm nghề dạy học nên suốt cả tuổi thơ, Tế Hanh gắn

với vùng Tuyết Diêm. “*Chim bay dọc biển đem tin cá*”. Phải là người gắn bó lâu năm với biển và chịu khó quan sát thì mới viết được câu thơ này. Con chim như một sứ giả báo tin vui cho dân làng chài là vậy.

Có lẽ trên 60 năm, Tế Hanh mới có dịp trở lại nơi đã gieo vào trí nhớ con trẻ của ông những âm thanh vỗ vụn trên bờ cát mỗi lúc chiều về. Thời cha ông dạy học ở đấy thế nào không rõ, nhưng hôm Tế Hanh về, làng quê đã khác. Ông đi dọc biển theo kịch bản của đạo diễn để ghi hình. Những bước chân dò giẫm trông đến là thương. Năm ấy, mắt nhà thơ cũng đã kém lăm rồi. Thanh Thảo thì luôn “cảnh báo” cho Tế Hanh về việc ông có thể “đạp mìn” của lũ trẻ con xả ra trên bãi biển bất cứ lúc nào. Ông bỏ ngoài tai lời cảnh báo ấy. Đầu phải chân ông bước mà là quá khứ đã dắt ông đi. Một khi đã đi trong quá khứ, nhà thơ sẽ bất chấp mọi rào cản.

Hôm đó đoàn làm phim có “qua bữa” khá đậm bạc vì hồi đó dưới Dung Quất chưa có quán xá gì. Cũng may là tại một quán cóc ven đường, người ta có bán bia Dung Quất. Tế Hanh đã uống một chai, không ngờ hình ảnh ấy cứ đi đi về về trong nhiều bài báo của nhà thơ Thanh Thảo sau này, khi ông có dịp “tuyên truyền” cho bia Dung Quất quê nhà.

Đoàn làm phim cũng có quay một số cảnh Tế Hanh “đi dọc biển” trên bãi biển Mỹ Khê - Sơn Mỹ. Cảnh cuối cùng trong phim có hai đứa trẻ con nghịch nước, chúng vui đùa chạy theo sau bước chân chậm chậm của nhà thơ. Hai đứa trẻ ấy giờ đã 30 tuổi, một đứa là thằng con đầu của tôi và con gái anh Đinh Anh Tuấn, từng làm ở Ban tuyên giáo Tỉnh uỷ trước đây. Thoắt cái mà đã thành chuyện xưa như quả thị của bà.

Lần thứ ba

Năm 2005, tôi được cơ quan Báo Lao Động điều động ra toà soạn một thời gian. Tôi ghé thăm Tế Hanh trong thời gian này. Năm ấy ông đã nằm một chỗ sau cơn đột quỵ trong lúc đọc thơ kỷ niệm 40 năm về đường Trường Sơn (1959-1999). Tế Hanh gần như sống thực vật, ông hoàn toàn không nhận biết bất cứ điều gì nữa. Là tôi nghĩ vậy khi thấy ông nằm đó, mắt nhìn vô cảm vào khoảng không trống rỗng. Thế nhưng tôi nhầm, anh Hải, năm ấy tầm 40 tuổi, quê Thanh Hoá, người chăm sóc đặc biệt cho nhà thơ kể rằng, chỉ có anh nói thì ông mới “nghe”! Không biết có sợi dây kết nối nào từ tiền kiếp để hai con người xa lạ ấy gặp nhau để rồi anh Hải gắn bó với nhà thơ đến khi ông mất.

Hải kể với tôi rằng, năm đó (1999), anh đi nuôi mẹ ở Bệnh

viện Việt-Xô. Bất ngờ một bệnh nhân nhập viện, nằm cạnh giường của mẹ anh. Hải thấy rất nhiều người “mặt rất quen” đến thăm và họ nói toàn chuyện văn chương. Dò la một hồi thì anh biết bệnh nhân đặc biệt đó là nhà thơ Tế Hanh. Vốn mê thơ Tế Hanh từ bé, mơ ước của Hải là làm sao anh có thể gặp thân tượng của mình dù chỉ một lần. Thế nhưng, lần gặp này lại rơi vào hoàn cảnh quá đổi bi thương. Anh có nói với người nhà nhà thơ Tế Hanh rằng, nếu được, cho anh được phục vụ cụ, bất luận điều kiện gì.

Mẹ Hải sau đó qua đời. Anh đưa mẹ về quê và lo tang cho bà rồi trở ra Hà Nội, tìm đến nhà Tế Hanh và gắn bó với ông từ đó cho đến khi ông mất (2009). Dĩ nhiên, gia đình của Tế Hanh không để cho anh Hải chịu thiệt thòi gì về kinh tế, song nuôi người ốm trong suốt 10 năm, chỉ có tình yêu thơ không bờ bến mới có thể chịu đựng được như thế khi hai con người ấy chẳng ruột rà máu mủ gì nhau.

Thật may mắn và hạnh phúc biết bao!♦

GHI CHÚ:

(*) Nhà báo, Nhà thơ, Báo Thanh niên.

Những kỷ niệm khó quên cùng nhà thơ Tế Hanh

○ NGUYỄN KIM HUY*

Thế hệ chúng tôi thuộc lòng thơ Tế Hanh khi còn ngày hai buổi đến trường, nhất là bài “Nhớ con sông quê hương” được học đi học lại ở các cấp. Vốn mê sách và yêu văn chương từ nhỏ, nhưng thời ấy ở quê nghèo chẳng có nhiều sách để đọc, tôi đã nghiền ngẫm đến thuộc lòng các nhà Thơ Mới ở các tập “Việt Nam Thi nhân” rồi “Việt Nam thi nhân tiền chiến”... may mắn tìm được, đặc biệt là thơ Tế Hanh, không phải chỉ vì mê thơ mà vì còn được biết quê nhà thơ ở sát bên quê Núi Thành, Quảng Nam mình - Bình Dương, Bình Sơn, Quảng Ngãi. Nhưng thú thật, ngày đó chỉ ngưỡng mộ say mê thơ, chứ có khi nào một đứa học trò nhà quê như tôi dám mơ tưởng đến một ngày sẽ được gặp nhà thơ, được làm việc trò chuyện và... dạo chơi cùng thi sĩ Tế Hanh thật ngoài đời!

Ngay cả khi tốt nghiệp đại học, rồi ở lại Trường làm Cán

bộ giảng dạy Khoa Ngữ văn ĐHSP Quy Nhơn, năm 1985 dẫn đoàn sinh viên đi sưu tầm Văn học dân gian ở Bình Dương, đưa các em đến thăm quê thăm nhà nhà thơ Tế Hanh dân dã bên cạnh dòng sông quê hương, tôi vẫn nghĩ đã là một duyên may hiếm có khi được cùng các em sinh viên dạo bước trong khu vườn nhỏ thơ mộng xanh mát nhà thơ từng chạy nhảy chơi đùa thời thơ ấu rồi...

Sau khi chuyển từ Trường ĐHSP Quy Nhơn về Nhà xuất bản Đà Nẵng công tác từ năm 1986, bắt đầu làm công việc biên tập sách, chủ yếu là sách văn học nghệ thuật, tôi mới có cái cơ duyên may mắn lớn trong đời là được gặp gỡ, làm việc với nhiều nhà văn nhà thơ, tiếp xúc với cả những tên tuổi mình yêu mến ngưỡng mộ từ hồi còn đi học, những tên tuổi lớn của nền Văn học Việt Nam hiện đại từ giai đoạn khởi đầu trước 1945: Khương Hữu Dụng, Huy Cận,

Xuân Diệu, Tế Hanh, Nguyễn Tuân, Tô Hoài... Và những ngày gặp gỡ, làm việc với Nhà thơ Tế Hanh thực sự là những ngày may mắn, vinh dự và hạnh phúc, để lại trong tôi những kỷ niệm nhỏ mà khó phai mờ trong cuộc đời gắn bó với văn chương sách vở của mình...

... Cuộc gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi với các nhà thơ Huy Cận, Tế Hanh là vào một năm đầu những năm 90 thế kỷ trước. Khi ấy, Nhà xuất bản Đà Nẵng chủ trương biên soạn và xuất bản bộ Văn, Thơ, Lý luận phê bình Văn học Miền Trung thế kỷ XX, có tham vọng làm công việc tổng kết một thế kỷ Văn học ở khúc ruột Miền Trung vốn giàu thành tựu văn học, có nhiều đóng góp ấn tượng cho cả Văn mới lẫn Thơ mới Việt Nam xuyên suốt một thế kỷ. Tuyển tập Thơ chúng tôi mời Nhà thơ Huy Cận làm Chủ biên, các nhà thơ Tế Hanh, Ngô Thế Oanh, Thanh Quế, Nguyễn Trọng Tạo, Xuân Tùng, Thanh Thảo là thành viên Hội đồng tuyển chọn. Nhà văn Đà Linh, tức Tổng biên tập NXB Nguyễn Đức Hùng phân công tôi biên tập cả ba bộ Văn, Thơ, Lý luận phê bình, gần như là kiêm luôn công việc Thư ký của các Hội đồng tuyển chọn. Khi bản thảo đã tập hợp tương đối đầy đủ, một ngày đẹp trời cuối năm 1994, Nhà xuất bản mời các nhà thơ trong Hội đồng Tuyển chọn

về Đà Nẵng để họp Hội đồng thống nhất bài vở Tuyển tập lần cuối. Chúng tôi lên sân bay đón các nhà thơ, về đến khách sạn Thu Bồn, vừa vào phòng, nhà văn Đà Linh giới thiệu các thành viên Nhà xuất bản, đến nhà văn Trần Kỳ Trung:

- Dạ đây là nhà văn Trần Kỳ Trung...

Thì nhà thơ Tế Hanh nói ngay, rất hào hứng:

- Biết biết, tôi đã đọc thơ anh rồi, thơ rất hay rất hay!

Chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau, rồi không kìm được cùng phá lên cười, vì anh Trần Kỳ Trung chỉ chuyên viết truyện ngắn, chưa bao giờ đặt bút làm thơ, anh còn có cả tập truyện ngắn “Độc - Nhà thơ” rất nổi tiếng lúc bấy giờ, được chuyển thể làm kịch bản phim truyền hình - tập truyện châm biếm đả kích một cách sắc sảo các nhà thơ dỏm, vì ảo tưởng bị mê hoặc trở thành nhà thơ mà phá nát cả một cánh rừng nguyên sinh để xuất bản thơ!!!

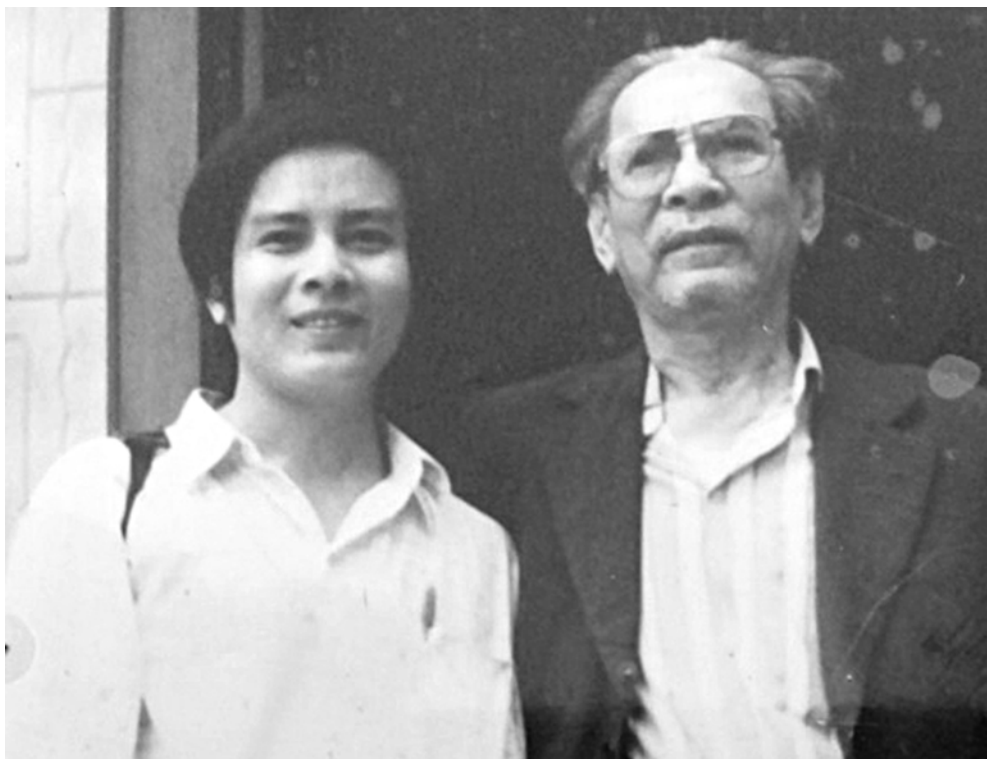
Nhà thơ Ngô Thế Oanh bảo:

- Cụ mình tinh quái lắm, cụ cứ nghĩ bây giờ thì ai cũng mê thơ làm thơ!

Nhà thơ Thanh Quế cười:

- Cụ đặc đạo rồi, thà khen nhầm hơn bỏ sót, quyết không đặc tội với các nhà thơ!

Nói như vậy, nhưng khi vào các cuộc họp Hội đồng tuyển chọn, nhà thơ Tế Hanh làm việc một cách cực kỳ cẩn trọng nghiêm



Với Nhà thơ Tế Hanh - 1994.

(Ảnh: Tác giả)

túc. Cụ ngồi đó, lim dim mắt lắng nghe không sót bài nào, ý kiến nào, và khi lên tiếng là cả Hội đồng phải chăm chú lắng nghe. Cụ có những nhận định chí lý, luôn chỉ ra ngay bản chất nghệ thuật cốt lõi nhất của một tác giả, một bài thơ, và kỳ lạ là có một trí nhớ tuyệt vời, khi nhắc đến tên tuổi ai đó, rất lâu rồi, cùng thời với Cụ, Cụ lại đọc vanh vách một mạch những bài thơ đã đi vào dĩ vãng gần nửa thế kỷ, không quên một từ một chữ nào. Đọc với một giọng say mê, hào hứng, truyền cảm đến kỳ lạ, nhất là những bài thơ Cụ tâm đắc từ thuở mới bước chân vào làng Thơ...

Sau những buổi làm việc, chúng tôi thường cùng nhau ăn trưa, ăn tối ở Nhà hàng số 4 Trần Phú - Nhà khách của UBND Thành phố lúc bấy giờ, vừa ăn vừa tiện thể trao đổi tiếp công việc. Tôi thường xuyên ngồi bên cạnh nhà thơ Tế Hanh, vừa hầu chuyện vừa chăm chút xới cơm, gắp cá thịt cho Cụ, vì Cụ lúc ấy mắt đã mờ nhiều năm rồi, đi đứng đã chậm chạp phải dìu đỡ, ăn uống cũng khó khăn. Vừa bỏ một miếng thịt khá ngon vào chén Cụ, bất ngờ tôi giật mình khi nghe Cụ ngược mặt lên nhìn cô phục vụ đang rót bia cho Cụ, bảo:

- Cô đấy à? Hôm nay cô mặc

áo dài trắng xinh quá nhỉ, hôm qua cô mặc áo màu xanh cũng đẹp lắm!

Ăn xong mấy anh em đi dạo dọc bờ sông Bạch Đằng, tôi kể lại câu chuyện và hỏi nhỏ nhà thơ Ngô Thế Oanh:

- Em tưởng mắt Cụ mờ, không nhìn rõ mà, sao Cụ biết cô phục vụ mặc áo màu gì?

Anh Ngô Thế Oanh lại cười:

- Cụ nhà mình... tinh quái lắm em ơi! Cái gì không cần thấy, thì Cụ không nhìn rõ, còn cái gì nên nhìn, nên... thưởng thức, như cái đẹp, thì Cụ nhìn ra ngay!

... Cũng tại bờ sông Bạch Đằng, một chiều tối, tôi đưa nhà thơ đi dạo hóng gió. Sau một hồi chậm rãi đi dọc bờ sông, hai chú cháu ngồi xuống ghế đá nghỉ chân, tôi gọi hai lon nước ngọt CocaCola, chưa kịp uống thì có một em bé bán vé số lem luốc đến chìa tay xin tiền. Nhà thơ liền đưa ngay cho đứa bé lon nước ngọt mới mở nắp:

- Ngồi xuống đây uống ly nước cho mát đi đã cháu, đi bán cả ngày chắc mỗi chân khát nước lắm!

Rồi quay sang bảo tôi:

- Hai chú cháu uống một lon đủ rồi, chú không thấy khát mấy!

... Năm 1995, biết tôi đang chuẩn bị đưa in tập thơ đầu tay, tập “Thơ từ yên lặng”, nhà thơ bảo tôi gửi tập thơ để ông đọc cho và có thể thì viết vài dòng

kỷ niệm. Năm đó mắt nhà thơ đã mờ nặng, không đọc được nữa, nhưng Cụ vẫn bảo cụ bà ngồi giở từng trang đọc cho nghe, rồi lại nhờ cụ bà viết cho đôi dòng nhận định gửi để tôi in vào bìa 4 tập thơ. Thật cảm động là khi nghe tôi gọi điện thưa có nguyện vọng muốn có bút tích nhà thơ, nhà thơ Tế Hanh liền gượng dậy ngồi viết cho tôi một bức thư với nét chữ ngả nghiêng xiêu vẹo không hàng lối mà mãi tôi mới đọc ra được nhà thơ viết những gì!

Nhà thơ đã viết cho tập thơ đầu tay của tôi những dòng đầy chân tình ưu ái: “Nguyễn Kim Huy viết những bài thơ đầu tay trong một hoàn cảnh thơ ca đang có những chuyển động mạnh mẽ. Từ những bài thơ nói về mối tình đầu đến những bài thơ gợi nhớ quê hương, thơ Nguyễn Kim Huy như đang tìm tòi một cách nói riêng cho mình:

Đêm qua bầu trời có khóc không

Mà sáng dậy nước mắt ướt đầm ngọn cỏ

Và ban mai ơi, có điều gì muốn nói

Mà lặng lẽ lau những giọt nước mắt đêm?

(Điều gì muốn nói)

Đọc thơ Nguyễn Kim Huy, tôi nghĩ đến quê hương Núi Thành của Huy, nơi tôi quen biết từ trước - một vùng quê nghèo khổ đầy sỏi đá nhưng trong chiến

tranh đã có một thành tích vang dội với trận đấu diệt Mỹ... - Hà Nội, tháng 3-1995 - Tế Hanh”.

Một điều rất lạ, là trong tập thơ tôi gửi nhà thơ đọc, có một bài tôi viết trong hoàn cảnh riêng, rất thực của mình, trong một đêm mưa bão khi tôi còn ở trong ngôi nhà sắt số 01 Lý Tự Trọng, chỗ Tòa Hành chính Thành phố bây giờ - bài “Bão”, lời lẽ giọng điệu và mạch thơ có khác, nhưng không ngờ tên bài thơ và tứ thơ trùng lặp y như một bài thơ của nhà thơ Tế Hanh. Cụ đọc bài thơ mà... điềm nhiên không nói gì, không cả một lời nhắc lại bài thơ rất hay in từ lâu rồi của mình. Nhưng khi đọc bản thảo tập thơ, nhà thơ Thanh Quế phát hiện ra ngay, bảo: “Em bỏ bài này ra đi, bài thơ trùng tứ thơ bài thơ nổi tiếng của cụ Tế Hanh đấy!”. Tôi ngạc nhiên “Sao em không nhớ bài thơ của Cụ nhỉ? Mà em gửi Cụ đọc, Cụ cũng không bảo em?”.

Anh Thanh Quế cười:

- Nhà thơ Tế Hanh là Chân thi sĩ! Em có lấy thơ của Cụ in, Cụ cũng không nói gì đâu, hướng chỉ bài thơ chỉ trùng ý tứ mà lời lẽ giọng điệu lại khác!

Năm 1996, khi biên tập tập thơ “Gửi Miền Bắc” của nhà thơ Tế Hanh, tôi mới có dịp đọc lại tường tận bài thơ và hú hồn vì mình suýt mang tội... vô tình đạo thơ của nhà thơ mình yêu quý!

Nhưng mà nhờ thế, mỗi lúc làm thơ đọc thơ, tôi lại nhớ những kỷ niệm không nhiều mà rất lớn, rất ý nghĩa quý giá trong cuộc đời mình, khi mình có những ngày gần gũi với một nhà thơ lớn, một thi nhân Việt Nam nhân hậu, tinh tế, bao dung mà mình kính yêu từ thuở học trò!

Những năm cuối đời, khi Nhà thơ Tế Hanh lâm trọng bệnh phải nằm một chỗ rất nhiều năm tại căn gác nhỏ số 10, Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội trong sự chăm lo tận tình của Cụ bà, mỗi khi có dịp đi Hà Nội, tôi vẫn luôn đến thăm Nhà thơ. Lần cuối, trong một dịp Đại hội Nhà văn Việt Nam, tôi cùng nhà thơ Thanh Quế và nhà văn Nguyễn Tam Mỹ tranh thủ lúc nghỉ chạy đến thăm ông... Nhà thơ nằm đó, trên chiếc giường nhỏ, lặng lẽ, rất lặng lẽ đối diện cùng côi hư vô... Ngày 20 tháng 6 năm 2009, nghe tin Cụ ra đi, không quá ngạc nhiên, lòng tôi vẫn cứ thần thờ, lặng lẽ tiễn biệt một tâm hồn thi ca đích thực đang trở về với con sông quê hương...♦

Đà Nẵng, 24/5/2021

GHI CHÚ:

(*) Nhà thơ, Nhà Xuất bản Đà Nẵng.

Huế nhớ Tế Hanh

○ NGUYỄN DU*

Tròn một giáp trước, một sáng mai mùa hạ năm Kỷ Sửu 2009, tôi thức dậy, uống ly nước trà sớm vào mạng được tin nhà thơ “Nhớ con sông quê hương” qua đời. Ngoài kia nắng đã tràn xuống khu vườn xanh thắm mà lòng lại chùng xuống miên man dù biết rằng nhà thơ đã bệnh lâu lắm rồi! Tế Hanh, “Nhớ con sông quê hương”, những tên gọi, cụm từ thân thương quá đỗi...

Với tôi, chính “Nhớ con sông quê hương” của Tế Hanh cùng với “Quê hương” của Giang Nam, “Quê mẹ” của Tố Hữu... những năm đầu sau năm 1975 đã làm tôi rẽ qua con đường khác, xa rời ước mơ tuổi nhỏ (trở thành thầy giáo dạy toán học hay bác sĩ...) chuyển dần qua các môn học xã hội để sau này vào khoa Ngữ Văn của trường Đại học Tổng hợp Huế.

Sáng mùa hạ Kỷ Sửu ấy, tôi đến cơ quan muộn hơn thường lệ để được đi trên phố thưa người,

chầm chậm trên con đường Lê Lợi đầy hương long não, cung đường từ Ga Huế đến trường Quốc Học, con đường Jules Ferry, con đường Áo trắng, con đường Tình yêu của cậu học trò - thi sĩ Trần Tế Hanh ngày trước “*Mười lăm tuổi xa nhà ra Huế học / Tôi bắt đầu cùng các bạn làm thơ*”. Trường Quốc Học thuở ấy mang tên là Trường Khải Định, một người con ưu tú khác của Quảng Ngãi đã từng theo học trước đó là Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Còn Tế Hanh, người học trò xứ Quảng sông Trà thế hệ sau đã từng đi trên cung đường này những ngày nghỉ học, để có “Nghẹn ngào” mà 18 tuổi đã đạt giải thơ của Tự Lực Văn Đoàn.

*Những ngày nghỉ học tôi hay tới
Đón chuyến tàu đi đến những ga
Tôi đứng bơ vơ xem tiễn biệt
Lòng buồn đau xót nỗi chia xa
(Những ngày nghỉ học)*

Trên con đường Tình yêu đầy hương long não ấy, người

học trò Quốc Học Huế cũng đã từng yêu, từng say mê dù đó là tình yêu của tuổi nhỏ học trò thường thêu dệt nhiều kết cục của tình tan, sầu khổ, chết chóc mà vẫn nhẹ như chiếc lá bên đường:

Anh là kẻ say mê nhưng nhút nhát

Không hiểu giùm em lại nở cho anh

Là không yêu, là một kẻ vô tình
Anh tức quá đau lòng ao ước tẻ

...

Nếu em chết chắc là anh có thể
Tổ mối tình lặng lẽ quá sâu thâm
(Ao ước)

Dù có những dòng thơ trần trở về cuộc đời, say đắm tình yêu nhưng nói đến Tế Hanh là nói đến quê hương yêu dấu, quê hương tình tự. Trong “Thi nhân Việt Nam”, Hoài Thanh - Hoài Chân đã trích đăng đầu tiên trong chùm thơ của Tế Hanh là bài “Quê hương”.

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới

Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông

(Quê hương).

Tuy nhiên, thế hệ 6X của chúng tôi lại thuộc nằm lòng “Nhớ con sông quê hương”, đơn giản vì đó là bài học trong sách giáo khoa, đơn giản vì ai cũng có con sông của riêng mình, của ký ức tuổi thơ. Tế Hanh nhớ con sông quê hương là nhớ đến dòng Trà Bồng đổ vào vịnh Dung Quất nhưng tình cảm

trong bài thơ là dành cho mọi dòng sông nước Việt. Tôi cũng có sông Hương của xứ Huế quê tôi, tuổi thơ tôi và cả bây giờ tôi vẫn ở bên dòng sông đó nhưng thực tình tôi thích có con sông quê hương của Tế Hanh. Sông Hương nổi tiếng quá, dòng sông của lịch sử, đế đô, của bao tao nhân mặc khách, dòng sông di sản và của cả bao nàng kỹ nữ áo xanh. Tôi thích con sông lặng lẽ “*Khi bờ tre riu rít tiếng chim kêu / Khi mặt nước chập chờn con cá nhảy*”. Trên đó tôi có thể “*Tôi giơ tay ôm nước vào lòng / Sông mở nước ôm tôi vào dạ*” (Nhớ con sông quê hương). Dòng sông Hương như thiếu nữ đẹp kiều sa làm sao tôi giữ được cho riêng mình, tôi thích một dòng xanh nho nhỏ, hồn hậu, chân quê như nàng thôn nữ hoà vào đoàn người trên bến nước: “*Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ. Khắp dân làng tấp nập đón ghe về*” (Quê hương).

Cũng như núi Ngự sông Hương, núi Ấn sông Trà mới là hình ảnh của Quảng Ngãi. Dòng Vệ Giang ở phía Nam lượn lờ qua Mộ Đức, Tư Nghĩa cũng khơi nguồn thi hứng cho bao thi sĩ. Chỉ mỗi Tế Hanh nhớ con sông quê hương Trà Bồng đã làm cho triệu người hình dung về hình ảnh của con sông miền Nam nước Việt thương yêu. Chỉ một bài thơ đã đáp bao công ơn dòng sông xứ sở. Mỗi lần xuôi về Nam, qua thị trấn Châu Ổ

của Bình Sơn tôi thường muốn trôi theo dòng Trà Bồng đến cù lao của làng Đông Yên để được nhìn thấy đôi bờ dòng sông quê ấy. Mảnh đất Bình Sơn này cũng là nơi mà người bạn Mỹ Nhung của lớp Văn ngày cũ đã sinh ra, lớn lên, làm thơ và sớm trở về đất mẹ. Hẳn ngày xưa Tế Hanh cũng có hình ảnh của người thôn nữ Bình Sơn trên sông nước Trà Bồng.

*Mặt em như tấm gương
Anh nhìn thấy quê hương
Kìa đôi mắt, đôi mắt*

*Dòng sông yêu trong vắt
(Mặt quê hương).*

Sinh viên khoa Ngữ Văn chúng tôi ngày ấy có lúc thắc mắc sao trong “Nhớ con sông quê hương” của Tế Hanh đây ký ức lại không có hình ảnh của người thôn nữ sông quê. Có người suy diễn rằng biên tập đã cắt đi một khổ thơ khi lần đầu tiên đăng báo, có người thì cho rằng cấu trúc bài thơ như thế là đã hoàn hảo... Hai mươi năm sau, tôi được đọc đoạn thơ mà có người cho rằng đó là một phần trong bài thơ “Nhớ con sông quê hương”:

Tôi nhớ mãi em đôi má ửng hồng

*Thuyền em đậu trong lòng
anh mãi mãi*

*Em có nhớ những buổi chiều
êm ái*

*Nắng vàng rơi trên mặt nước
long lanh*

Gió thổi lồng xáo trộn bóng

em anh

*Tiếng sóng vỗ, tiếng ta cười
nhịp điệu*

*Nước chảy đời trôi, anh vẫn
nín*

*Những sắc màu tươi thắm
của ngày qua*

*Một mùa xuân thơm ngát
hương hoa...*

Đây là một khổ thơ hay vì đã diễn tả những hình ảnh rất đẹp, gợi cảm, là ký ức về một người con gái mà mình yêu thương đang ở miền Nam. Chiến tranh đã lùi xa gần nửa thế kỷ, cần sự tìm hiểu để xác nhận có hay không đoạn thơ này, nếu thực sự của tác giả thì cần phục hồi nguyên bản bài thơ để hình ảnh quê hương, dòng sông và bóng hình người em quê hương được trọn vẹn trong lòng mỗi người đọc hôm nay.

Ngày ngày tôi vẫn đi trên đường Lê Lợi, con đường đã được tu sửa đẹp hơn bên dải công viên xanh, Huế lại dang tay để đón ai về, nghe long nã trên đường chụm vào nhau thắm thì kể chuyện, ngày xưa có những chuyện tình! Trường Quốc Học, ga Huế vẫn còn nguyên kiến trúc như ngày nào, luôn gợi nhớ chàng trai Quảng Ngãi những ngày ra Huế học và bước vào con đường thi ca♦

GHI CHÚ:

(*) Nhà báo, Đài PT-TH Thừa Thiên Huế.

Tế Hanh - Sáng tác, dịch thuật và phê bình

○ NGUYỄN HỮU SƠN*

Tế Hanh tên thật là Trần Phố (Trần Tế Hanh); sinh ngày 20 tháng 6 năm 1921 (Sách Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh - Hoài Chân ghi ngày sinh theo âm lịch: 15 tháng 5 năm Tân Dậu), mất ngày 16 tháng 7 năm 2009; quê ở vịnh chài Đông Yên, xã Bình Thủy (nay thuộc xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi); chính quán cách một con sông, ở làng Giao Thủy (thuộc xã Bình Thới, cùng huyện Bình Sơn). Cha ông là Trần Tất Tố, theo nghề dạy học và bốc thuốc. Ông có bốn anh em, trong đó người em út là nhạc sĩ Trần Thế Bảo. Thuở nhỏ Tế Hanh học trường làng, trường huyện, sau ra học tại trường Quốc học Huế. Ông sáng tác thơ từ sớm và tham gia phong trào Thơ mới với tập *Nghẹn ngào* (1939), nhận giải khuyến khích của Tự lực văn đoàn. Tham gia Việt Minh từ tháng 8 năm 1945, trải qua các công tác văn hoá, giáo dục ở Huế, Đà Nẵng, là Ủy

viên giáo dục trong Ủy ban lâm thời thành phố Đà Nẵng. Năm 1947, làm việc trong Ban phụ trách Trường trung học bình dân Trung Bộ. Năm 1948, tham gia Ban phụ trách Liên đoàn văn hoá kháng chiến Nam Trung Bộ và là Ủy viên thường vụ Chi hội Văn nghệ Liên khu V, được nhận Giải thưởng Phạm Văn Đồng do Chi hội Văn nghệ Liên khu V tặng cho tập thơ *Nhân dân một lòng* (1953). Năm 1957, khi thành lập Hội Nhà văn Việt Nam, ông tham gia Ủy viên thường vụ Hội khoá I, II; Ủy viên thường vụ Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam (1963), tham gia Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam nhiều khóa, giữ các chức vụ: Trưởng ban đối ngoại (1968), Chủ tịch Hội đồng dịch thuật (1983), Chủ tịch Hội đồng thơ (1986)... Bên cạnh hoạt động sáng tác, Tế Hanh còn dịch nhiều tác phẩm của các nhà thơ lớn trên thế giới, viết giới thiệu, phê bình văn học. Với những



Cổng làng Đông Yên - quê hương nhà thơ Tế Hanh. (Nguồn: baoquangngai.vn)

đóng góp xuất sắc của mình cho nền thơ cách mạng, ông được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật đợt I (1996)...

Đóng góp về văn học của Tế Hanh được chia thành hai giai đoạn lớn: trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945.

Vào giai đoạn trước Cách mạng, thành tựu thơ Tế Hanh chủ yếu gắn với phong trào Thơ mới. Ông sáng tác từ sớm, đặc biệt từ khi ra học trường Quốc học Huế. Tại đây ông quen biết Huy Cận và nhập cuộc với Thơ mới. Những bài thơ sáng tác ở thời kỳ này tập hợp lại trong tập *Nghẹn ngào*, được nhận giải khuyến khích của Tự lực văn đoàn năm

1939; sách *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh - Hoài Chân ghi “đã được giải khuyến khích” (*Từ điển văn học, Bộ mới* (2004) ghi “giải chính thức”, “được Giải khen tặng”); sau Tế Hanh bổ sung, xuất bản và lấy tên *Hoa niên* (Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1945; nhiều tài liệu ghi năm xuất bản 1944 nhưng sự thực bản thảo đưa in cuối năm 1944, in xong và phát hành đầu năm 1945)... Đương thời thơ Tế Hanh đã được nhà thơ Thế Lữ, nhà văn Nhất Linh, nhà phê bình Hoài Thanh - Hoài Chân... cùng quan tâm tìm hiểu, phân tích, đánh giá cao.

Trong mục *Tin thơ* trên báo *Ngày nay* (1938), nhà thơ Thế Lữ viết lời đề từ nêu rõ quan

niệm về việc điểm tin thơ, đọc thơ, luận bình và phân tích mọi nhẽ những bài lai cảo: “Mục *Tin thơ* mở trên báo *Ngày Nay* chỉ có một chủ ý khiêm tốn: làm một thứ thi đàn nhả nhận cho các nhà thi sĩ. Đó cũng là một hộp “lá thăm”, nhận và đưa tin cho các bạn trong cuộc giao tiếp với Nàng Thơ. Trong công việc đưa tin, tôi thường nhân cơ hội để ngỏ những ý kiến riêng về thơ văn, và thường được các bạn chú ý. Những bức thư hoan nghênh, và nhất là những tác phẩm gửi về ngày một thêm nhiều, một thêm sốt sắng, bao giờ cũng khiến tôi sung sướng mà yêu mến thêm cái gánh nặng êm ái của mình”, rồi Thế Lữ cảm nhận và đi sâu dẫn giải đặc điểm thơ Tế Hanh (bên cạnh thơ của Mai Chi, Đào Cung, Huy Tiến):

“Cũng đáng yêu, những câu thơ sau này, tả cái buồn buổi chiều của Tế Hanh, một bạn làm thơ không nản chí. Ông Tế Hanh trước có gửi thơ nhưng tôi không nói đến vì tôi còn đợi ở ông những bài có ý vị hơn bài *Chiều* là dấu vết một sự tấn tới đáng mừng:

*Làn gió đen đêm tự xứ Buồn,
Đưa chiều từng mảnh choáng
trời luôn.*

*Quanh tôi, bóng tôi bao vây đặc,
Vài mảnh dần lên tới đáy hồn.*

*Hoa để hương ra, bước ngập
ngừng,*

Cây chìm trong tối. Tiếng kêu

nuơng (?)

*Đàn chim chấp cánh về mong
đợi (?)*

Vơ vẩn trên trời mây nhớ thương.

Nhưng cũng như ông Huy Tiến, ông Tế Hanh vẫn chưa chịu kén chọn lời thơ. Hai câu tôi đánh dấu trên kia, ý còn hồ đồ vì những lời còn ngượng. Ở bài *Chiều* cũng như bài ở *Ý xuân*, trong đó tôi thấy ông chịu ảnh hưởng rõ ràng của Xuân Diệu, và cũng như ở bài *Nhớ* tôi trích ở dưới đây, ông Tế Hanh diễn tả những ý kín đáo và thắm tươi bằng những lời hơi bối rối:

*Nghìn năm trước tôi sinh bên
khóm liễu,*

*Nhớ nhung nhiều cúp ngọn
kiếm xa xôi.*

*Ở căn nhà lặng ngấm bóng
buồn trôi,*

*Về mong đợi, từ từ trong nước
yếu.*

*Dáng dượt dượt ngày đi như
lẻ thiếu,*

*Trời xanh buồn, mây trải
mảnh hồn tôi.*

*Hương muôn màu bùng bực
muốn chia phôi,*

*Cùng với tiếng chim chờ luôn
hoa điệu.*

Những câu lúng túng này mang những tình cảm mới mẻ và phong phú. Nhưng người đọc phải nhân nhượng quá và phải cố đoán mới thấy được. Nhà làm thơ nên lấy điều đó làm bất mãn và tìm những lời thơ xứng đáng với ý thơ của mình”⁽¹⁾.

Qua hơn một năm hầu như không thấy Tế Hanh in thơ ở báo nào. Sau khi tập *Nghẹn ngào* được nhận giải Khuyến khích của tổ chức Tự lực văn đoàn, nhà văn Nhất Linh - người đứng đầu văn đoàn - đã viết bài *Nghẹn ngào của Tế Hanh* in trên báo *Ngày nay* (1940), trong đó trân trọng giới thiệu gương mặt nhà thơ trẻ 19 tuổi đời với ba năm tuổi nghề:

“*Nghẹn ngào* là thơ của một người có tấm lòng giàu, dễ rung động trước muôn nghìn cảnh, hoặc tầm thường hoặc éo le ở đời. Tập *Nghẹn ngào* gom góp lại tất cả những rung động phức tạp của một đời thiếu niên và không có một chủ ý gì về sự liên lạc của toàn thể như *Bức tranh quê* (của Anh Thơ – NHS thêm).

Cuốn *Nghẹn ngào* có độ hơn mười bài về tình và độ hai mươi bài về các việc linh tinh ghi chép lại vì đã cảm động tác giả. Ông Tế Hanh là một nhà thơ cũng thuộc về một loại với Xuân Diệu và Huy Cận, có lẽ gần Huy Cận hơn.

Ngay trong bài thơ đầu ông đã tỏ ra là một người đa cảm và có những rung động băng quơ trước cuộc đời:

*Chiều chiều đến tựa người
bên cửa sổ*

Đợi hồn nào trở lại ở trên sông

*Hay nghe ngóng ý gì trong
tiếng gió.*

Cho nên trong tập thơ *Nghẹn ngào* có đủ các cảnh rất khác

nhau; lẫn trong các bài thơ về tình, có những bài nói về quyền vờ nháp, những ngày nghỉ học ra ga tiễn vu vơ, những bài nói về “ông và tôi”, lời một con đường quê...

Đặc biệt nhất trong tập thơ có hai bài *Quê hương* và *Những ngày nghỉ học*, có thể gọi là hai bài thơ hay của thi ca Việt Nam và hai bài đó đủ định giá trị của nhà thơ Tế Hanh.

QUÊ HƯƠNG

*Làng tôi ở vốn làm nghề chài
lưới,*

*Nước bao vây, cách biển nửa
ngày sông.*

*Khi trời trong, gió nhẹ, sớm
mai hồng,*

*Dân trai tráng bơi thuyền đi
đánh cá.*

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như
con tuấn mã,*

*Phăng mái chèo, mạnh mẽ
vượt trường giang.*

*Cánh buồm trương to như
mảnh hồn làng,*

*Rướn thân trắng bao la thâu
góp gió...*

*Ngày hôm sau, ồn ào trên bến
đổ,*

*Khắp dân làng tấp nập đón
ghe về.*

*“Nhờ ơn trời, biển lặng cá đầy
ghe”,*

*Những con cá tươi ngon thân
bạc trắng.*

*Dân chài lưới, làn da ngăm
rám nắng,*

*Cả thân hình nồng thở vị xa
xăm.*

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở
về nằm,*

*Nghe chất muối thấm dần
trong thớ vỏ.*

*Nay xa cách lòng tôi luôn
tưởng nhớ,*

*Màu nước xanh, cá bạc, chiếc
buồm vôi.*

*Thoáng con thuyền rẽ sóng
chạy ra khơi,*

*Tôi thấy nhớ cái mùi nồng
mặn quá!*

NHỮNG NGÀY NGHỈ HỌC

*Những ngày nghỉ học tôi hay
tới,*

*Đón chuyến tàu đi, đến những
ga.*

*Tôi đứng bờ vơ xem tiễn biệt,
Lòng buồn đau xót nỗi chia
xa.*

*Tôi thấy tôi thương những
chiếc tàu,*

*Ngàn đời không đủ sức đi mau.
Có chi vương vãi trong hơi
má,*

*Mấy chiếc toa đầy nặng khổ
đau.*

*Bánh nghiền lăn lăn quá
nặng nề,*

*Khói phì như ghen nỗi đau tê.
Lâu lâu còi rúc nghe rên rĩ,
Lòng của người đi réo kẻ về.*

*Kẻ về không nói bước vương
vương...*

*Thương nhớ lan xa mấy dặm
đường.*

*Lẽo đẽo tôi về theo bước họ,
Tâm hồn ngỡ ngẩn nhớ muôn
phương.*

Tiếc rằng trong tập thơ được
độ mười bài khá như: *Cẩn đào,*
Tám lịch đời, Độc ác, Ao ước,
Chuyện buồn, Người hà tiện,
Sầu tên, v.v... ít quá để có thể
nghĩ đến việc tặng thưởng.

Dẫu sao, ông Tế Hanh rất
nhiều hứa hẹn trở nên một nhà
thi sĩ có tài; ông có một linh hồn
rất phong phú, có những rung
động rất sâu sắc và để diễn tả
linh hồn, ông có đủ nghệ thuật
và cách đặt câu, tìm chữ. Ông chỉ
còn chờ thời gian để có thể gặp
được nhiều cảnh và viết thêm
được nhiều bài hay⁽²⁾.

Theo chủ soái Tự lực văn đoàn
Nhất Linh thì hai bài thơ hay
nhất của Tế Hanh chính là *Quê
hương* và *Những ngày nghỉ học*
và nhấn mạnh “ít quá để có thể
nghĩ đến việc tặng thưởng”. Cả
hai bài sau này đều được Hoài
Thanh - Hoài Chân tuyển vào
Thi nhân Việt Nam. Riêng bài
Những ngày nghỉ học nổi tiếng
nói trên vốn có trong tập *Nghẹn
ngào* lại được đổi tên thành *Vu
vơ* và được Tế Hanh ghi “Tặng
Nguyễn Văn Bổng”...

Ngay sau thời gian này, Tế
Hanh tiếp tục in thơ trên báo
Ngày nay. Khởi đầu là chùm hai
bài cùng số báo, in liền nhau.
Bài thứ nhất nhan đề *Trao đổi*
theo thể lục bát:

Tôi dư một ít lời thơ,
Tôi dư thương sớm, sẵn ngo
ngẩn chiều;
Chất chen xa lạ, vô liêu,
Tràn đầy trắng gió, rất nhiều
mùa thu...

Nhưng tôi nghèo lắm: than ôi,
Đó đây lẻ chiếc, trọn đời bơ
vơ!
Tủi thân chỉ gặp hững hờ,
Lòng đơn lạnh lẽo nay chờ
mai trông.

Bạn ơi! đây của đây lòng,
Xin đem tặng bạn! - tặng
không đủ rồi;
Có chẳng mong mỗi đôi hồi,
Bạn cười tôi với, ngó tôi ít
lần⁽³⁾.

Bài thứ hai nhan đề Lời con
đường quê có 16 câu, chia đều 4
khổ, các khổ thơ đều nương theo
thể thất ngôn tứ tuyệt:

"Tôi, con đường nhỏ chạy lang
thang,

Kéo nỗi buồn không dạo khắp
làng;

Đến cuối thôn kia hơi cỏ
ướng,

Hương đồng quuyến rũ hát lên
vang.

Từ đấy mình tôi cỏ mọc đây,
Giộc lòng hoa dại để hương
lây;

Tôi ôm đám lúa, quanh nương
sấn,

Bao cái ao rêu nước đục lầy...

Tôi đã từng đau lửa nắng hè,

Đa tôi rạn nứt bởi khô se;
Đã từng lạnh lẽo khi mưa
lụt,
Tôi lở, thân tôi rã bốn bề.

Tuy thế tôi không biết nỗi buồn,
Trong làng. Cực khổ, đắm say
luôn;

Tôi thâu đau đớn trong da
thịt,

Hương đất, hương đồng chẳng
ngớt tuôn⁽⁴⁾.

Sau này, khi đưa vào tập
Nghẹn ngào, Tế Hanh đã bổ sung
thêm hai khổ thơ (tám câu) và
chỉnh sửa khá nhiều câu chữ. Văn
bản bài thơ *Lời con đường quê* do
Hoài Thanh - Hoài Chân tuyển
vào *Thi nhân Việt Nam* chính là
theo bản in sau trong tập *Nghẹn
ngào*. Đây là câu chuyện dài dài
của văn bản học...

Cách một số báo sau, Tế Hanh
lại cho in liên tiếp hai bài. Bài
thứ nhất nhan đề *Người hà tiện*
chuyển tải ý vị hài hước, có 16
câu, chia đều 4 khổ, các khổ thơ
đều nương theo thể thất ngôn tứ
tuyệt:

Tôi là triệu phú: rất nhiều
yêu,

Buồn nhớ mùa thu với buổi
chiều...

Nhưng cả đời nghèo nàn, túng
thiếu,

Bởi vì tôi chẳng dám chi tiêu.

Cảnh đẹp người tươi chẳng
dám trông,

Sợ lòng xao động lửa say
nồng⁽⁵⁾;

*Thoáng yêu ý nhớ vô tình đến,
Đã vội “Người kia có biết
không?”.*

*Tay đề lên đóng cở vô biên⁽⁶⁾,
Mắt ngó thao thao sợ mắt
tiền;
Ngơ ngác như người đi lạc lối,
Người cho kiểu cách kẻ cho
diên.*

*Nhưng mặc! Tôi riêng chỉ biết
tình,
Ai cười ai nói cũng làm thình.
Tôi dành vàng ngọc cho người
ấy,*

*Tôi có tiêu đâu lấy một mình⁽⁷⁾.
Bài thứ hai nhan đề *Sống vội*,
có phụ đề “Tặng Huy Cận” với
12 câu lục bát, chia đều ba khổ
thơ:*

*Trong tôi văng vẳng dư vang,
Điệu buồn của lá thu vàng rơi
thưa⁽⁸⁾.*

*Trong tôi thoang thoảng
hương đưa,
Có hoa tàn cũ, mộng xưa vẫn
mầu⁽⁹⁾.*

*Mây trời nhuộm bóng thương
đau,
Lá hoa héo rũ, nắng nhàu
mình tơ.*

*Hơi sương nhỏ lạnh lòng thơ,
Tôi nghe rợn ngợp nước mờ
nao nao...*

*Biệt ly tụ họp thời nào,
Thương vương khắp nẻo, nhớ
bao tứ bề...
Thu đi lâu quá không về,*

*Lòng chờ vội sống giữa hè ít
thu⁽¹⁰⁾.*

Lại cách một số báo sau, Tế Hanh in tiếp chùm hai bài thơ. Bài thứ nhất nhan đề *Những ngày nghỉ học⁽¹¹⁾*, như đã nói trên, ban đầu chưa ghi tặng ai và khi xuất bản tập thơ mới đổi tên thành *Vu vơ* và chỉ đổi có một chữ “đường - trường” trong câu *Thương nhớ lan xa mấy dặm đường* thành *Thương nhớ lan xa mấy dặm trường*. Sách *Thi nhân Việt Nam* cũng theo bản sau này. Bài thứ hai nhan đề *Trao đổi* không hiểu sao lại in y nguyên như bài đã in số trước.

Tiếp liền ngay số sau, Tế Hanh in tiếp chùm hai bài. Bài thơ *Chứa chất* có 16 câu, chia đều 4 khổ, các khổ thơ đều nương theo thể thất ngôn tứ tuyệt.

*Mùa thu đã đến... Cả người
tôi,*

*Hoảng hốt như thu đã hết rồi;
Lo lắng giờ thay cho ngóng
đợi:*

Thu làm tôi cực quá đi thôi!

*Mắt mở to luôn chứa, chứa
nhiều,*

*Những hình ảo lả, sắc xiêu
xiêu;*

*Tai thêm linh thánh lo thâu
góp,*

*Những điệu ly sầu, tiếng tịch
liêu.*

*Lòng ngực phồng to ráng hít
vào,*

Phổi ghi không khí đến nôn nao;

*Da tê xúc động niềm thương
nhớ,*

*Máu động hương thu sắc bớt
đào...*

*Đi mãi ngoài không, chẳng ở
nhà,*

*Đầu trần, áo mỏng để lòi da;
Hơi thu ẩm áp như hơi thịt⁽¹²⁾,
Tôi dựa vào thu dịu lắm
mà!⁽¹³⁾*

Bài thứ hai nhan đề *Trao đổi*, rất lạ, không hiểu sao lại in y nguyên như bài đã in số trước.

Qua năm sau, hai nhà phê bình Hoài Thanh - Hoài Chân tuyển 4 bài thơ *Quê hương - Lời con đường quê - Vu vơ - Ao ước* của Tế Hanh vào *Thi nhân Việt Nam* (Nguyễn Đức Phiên Xb, Huế, 1942), ngang bằng số bài của các bậc thi bá (Đông Hồ, Anh Thơ, J. Leiba, Đoàn Văn Cừ, Vũ Hoàng Chương). Trong phần tổng quan *Một thời đại thi ca*, hai ông xác nhận vị thế Tế Hanh ngay đầu bàn nhĩ: “Chung quanh đôi bạn Xuân Diệu - Huy Cận có vô số thi sĩ bàn nhĩ bàn ba: Tế Hanh, Huyền Kiêu, Đình Hùng, Phan Khắc Khoan, Thu Hồng, Nguyễn Đình Thư, Xuân Tâm, Huy Tân, Huy Chúc, Phan Thanh Phước, Nguyễn Đức Chính, Tường Đông... Đôi nhà thơ như Lan Sơn Trong tập *Thơ của một đời*, Thanh Tịnh, lúc này đã thấy một bên Thế Lữ, bây giờ lại kéo nhau về đây. Và Thế Lữ ngồi một mình trong dĩ vãng chừng thấy lẻ loi cũng về đây nốt”⁽¹⁵⁾, tiếp đó giới

thiệu và nhấn mạnh:

“Họ Trần. Sinh ngày 15 tháng 5 năm Tân Dậu (1921) ở làng Đông Yên, phủ Bình Sơn (Quảng Ngãi). Chánh quán: làng Giao Thủy, cách làng kia một con sông. Đậu sơ học rồi ra Huế học trường Khải Định. Ở đó quen Huy Cận và được Huy Cận chỉ vẽ cho nhiều. Hiện học năm thứ hai ban trung học.

Những bài thơ trích sau đây rút trong tập *Nghẹn ngào* đã được giải khuyến khích của Tự lực văn đoàn năm 1939.

Tôi thấy Tế Hanh là một người tinh lắm. Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy cả những điều không hình sắc, không thanh âm như “mảnh hồn làng” trên “cánh buồm giương”, như tiếng hát của hương đồng quế rữ con đường quê nho nhỏ. Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cái thế giới những tình cảm ta đã âm thầm trao cho cảnh vật: sự mỗi một say sưa của con thuyền lúc trở về bến, nỗi khổ đau chất chứa trên toa tàu nặng trĩu, những vui buồn sâu tủi của một con đường. Tế Hanh luôn nói đến những con đường. Cũng phải. Trên những con đường ngưng lại biết bao nhiêu băng khuâng hồi hộp!

Nhưng Tế Hanh sở dĩ nhìn đời một cách sâu sắc như thế là vì người sẵn có một tâm hồn

tha thiết. Hôm đầu tôi gặp người thiếu niên ấy, người rụt rè ngượng nghịu như một chàng trẻ mới. Nhưng tôi vẫn nhớ đôi mắt. Đôi mắt nồng nàn lạ. Tôi nghĩ ở một người như thế những điều cảm xúc, những nỗi đau xót sẽ quá mực thường và có khi khác thường.

Như khi yêu, người thấy:

Kìa em, lên! Rực rỡ bốn phương trời;

Đôi mắt to ném lửa sáng nơi nơi;

*Vùng trán rộng, hào quang
lòa chói rực.*

*Ta thấy sáng! Hồn phiêu diêu
thoát tục,*

*Lòng lâng lâng không muốn
ước mơ chi,*

*Mắt lim dim đầu cúi gục chân
quỳ...*

Tuy lời thơ còn có gì lệch với hồn thơ nhưng không có một tâm hồn đắm đuối không thể viết nên những lời như thế.

Khi thất vọng thi nhân ước cho người yêu chết đi để được ngồi trên mồ nhỏ từng giọt nước mắt thấm xuống tấm thân lạnh lẽo.

Tệ hơn nữa, người muốn hưởng cái thú tàn nhẫn được thấy người yêu “đau quằn quại”, được nghe tiếng khóc của người yêu, tiếng khóc:

*Rách đau thương như lụa xé
toi rời.*

Chúng ta sẽ ngạc nhiên và băn khoăn không biết ở những chỗ sâu kín trong lòng ta có gì

giống như thế không. Dầu sao, sự thành thực của thi nhân không thể ngờ được.

Nhưng tôi chưa muốn nói nhiều về Tế Hanh. Tế Hanh còn trẻ lắm và cũng mới bước vào làng thơ, chưa có thể biết rõ những con đường người sẽ đi”⁽¹⁶⁾...

Thơ hay không đợi tuổi. Tế Hanh thuộc số những nhà thơ trẻ nhất trong số các nhà thơ trẻ thời Thơ mới. Người đương thời đã triu mến đón nhận ông, cảm nhận đầy đủ vẻ đẹp một giọng thơ dịu nhẹ, chân thực và thẳng thắn chỉ ra cả những câu chữ, lời thơ chưa thật trau chuốt, qua đó kỳ vọng một sự bứt phá, hoàn thiện. Từ bản thảo *Nghẹn ngào* đến *Hoa niên*, quả là Tế Hanh đã cố gắng tự vượt lên chính mình, phần nào đáp ứng sự kỳ vọng của đồng nghiệp và đưa tập thơ đến với đông đảo công chúng bạn đọc.

Vào giai đoạn sau tháng Tám 1945, sự nghiệp văn học của Tế Hanh rộng mở với cả sáng tác, dịch thuật và viết phê bình.

Như phần đông các tác gia Thơ mới khác, Tế Hanh vất vả chuyển mình theo nền văn học cách mạng công nông binh, sáng tác theo phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Trong tập thơ *Hoa mùa thi* (mùa thi đây là *thi đua*, 1949) có bài *Đi* (được viết vào năm 1947-1948) phản ánh rõ thái độ nhận đường và ý thức dứt bỏ một cái “tôi” xưa cũ:

*Sang bờ tư tưởng, ta là ta,
Một tiếng gà lên tiền nguyệt
tà.*

*Ta đứng bên này đêm quyết
liệt:*

Con người quá khứ đã theo ma.

*Trắng nay ra trắng, đen ra
đen,*

Ta để lòng ta rơi ánh đèn.

Ta hiến đời ta cho lửa cháy,

*Khác chiều theo gió tiếng chê
khen.*

Vui buồn theo thế kỷ hai mươi,

*Ta ngó về phương chói mặt
trời.*

*Nhân loại trườn qua đêm màu
tối,*

Đưa đời vươn tới cõi xuân tươi.

Chuyển mình bằng tập thơ *Nhân dân một lòng* (Giải thưởng Phạm Văn Đồng, 1953; Chi hội Văn nghệ Liên khu Năm in tháng 5-1954), Tế Hanh thực sự nhập cuộc với nền văn học mới qua các tập thơ *Lòng miền Nam* (1955), *Gửi miền Bắc* (1958), *Tiếng sóng* (1960), *Bài thơ tháng bảy* (1962), *Hai nửa yêu thương* (1963), *Khúc ca mới* (1966), *Đi suốt bài ca* (1970), *Câu chuyện quê hương* (1973), *Theo nhịp tháng ngày* (1974), *Giữa những ngày xuân* (1977), *Con đường và dòng sông* (1980), *Bài ca sự sống* (1985), *Giữa anh và em* (1992), *Vườn xưa* (1992), *Em chờ anh* (1994) và các tập thơ viết cho thiếu nhi như *Chuyện em bé cười ra đồng tiền* (1961), *Những*

tám bản đồ (1965), *Thơ viết cho con* (1974), *Tiếng sáo, tiếng đàn, tiếng hát* (1983); sau này được chọn in trong các tập *Tuyển tập Tế Hanh*, hai tập (1987, 1997) và *Thơ Tế Hanh 1938-1988* (1989)... Có thể khẳng định thơ Tế Hanh sau 1945 cơ bản thuộc về nền thơ xã hội chủ nghĩa, gắn bó với giai đoạn văn học chống Mỹ cứu nước và tiếng nói chân thành ngợi ca chế độ mới, con người mới, cuộc sống mới. Ông không nhằm đến và cũng không kịp nhập cuộc với nền văn học thời đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo (1986). Tuy nhiên, trên chặng đường thơ từ khi đi theo Đảng, theo cách mạng cho đến cuối đời, Tế Hanh vẫn có được nhiều tứ thơ trữ tình sâu lắng, phản ánh rõ một tâm hồn nhiều suy tư, nhân ái, nhiều cảm thông, ân nghĩa.

Gắn bó với dòng sông quê, bài thơ *Nhớ con sông quê hương* của Tế Hanh thực sự là đỉnh cao của tiếng thơ yêu nước và khát vọng thống nhất đất nước. Tất cả bộc lộ nhuần nhuyễn qua những kỷ niệm buồn vui của một thời thơ trẻ, những chia ly bởi chiến tranh và khắc khoải một ngày đoàn tụ:

*Quê hương tôi có con sông
xanh biếc*

*Nước gương trong soi tóc những
hàng tre*

*Tâm hồn tôi là một buổi trưa
hè*

*Toả nắng xuống lòng sông lấp
loáng.*

*Chẳng biết nước có giữ ngày,
giữ tháng*

*Giữ bao nhiêu kỷ niệm giữa
dòng trôi?*

*Hỡi con sông đã tắm cả đời
tôi!*

*Tôi giữ mãi mối tình mới
mẻ...*

*... Khi bờ tre riu rít tiếng chim
kêu*

*Khi mặt nước chấp chờn con
cá nhảy*

*Bạn bè tôi túm năm tùm bảy
Bầy chim non bơi lội trên*

sông

*Tôi dang tay ôm nước vào
lòng*

*Sông mở nước ôm tôi vào dạ
Chúng tôi lớn lên mỗi người*

một ngã

*Kẻ sớm khuya chài lưới bên
sông*

*Kẻ cuốc cày mưa nắng ngoài
đồng*

*Tôi cầm súng xa nhà đi kháng
chiến*

*Nhưng lòng tôi như mưa nguồn
gió biển*

*Vẫn trở về lưu luyến bên
sông...*

*... Quê hương ơi! Lòng tôi cũng
như sông*

*Tình Bắc Nam chung chảy
một dòng*

*Không gành thác nào ngăn
cản được*

*Tôi sẽ lại nơi tôi hằng mơ ước
Tôi sẽ về sông nước của quê*

hương

*Tôi sẽ về sông nước của tình
thương.*

*Với Bài thơ tình ở Hàng
Châu, Tế Hanh dâng trào cảm
xúc, băng khuâng trong cảnh
nước mây Bồng Lai tiên cảnh,
đắm thắm nỗi nhớ thương đất
nước và ước mong một ngày
thanh bình:*

Anh xa nước nên yêu thêm nước

Anh xa em càng nhớ thêm em

Trăng Tây Hồ vời vợi thâu đêm

Trời Hàng Châu bốn bề êm ái

Mùa thu đã đi qua còn gửi lại

*Một ít vàng trong nắng trong
cây*

Một ít buồn trong gió trong mây

*Một ít vui trên môi người
thiếu nữ...*

*Những ngày buồn nghĩ đến
thấy vui vui*

*Những ngày vui sao lại thấy
ngùi ngùi*

*Anh không muốn hỏi nhiều
quá khứ*

*Ngày đẹp nhất là ngày rồi
gặp gỡ...*

*Đôi khi nhà thơ một mình đối
diện với lòng mình, một mình
suy tưởng, chiêm nghiệm, trở lại
với mạch thơ lãng mạn bi thương
tưởng đã dồn nén, xua tan, gột
rửa tự lâu rồi. Bài thơ Bão như
một cơn bão tình yêu lạc mùa
thổi lại:*

Cơn bão nghiêng đêm

Cây gãy cành bay lá

Ta nắm tay em

Cùng qua đường cho khỏi ngã

Cơn bão tạnh lâu rồi

Hàng cây xanh thắm lại

Nhưng em đã xa xôi...

Và cơn bão lòng ta thổi mãi.

Cho đến một ngày kia, thi nhân thơ thần đi tìm lại một nửa hồn mình. Bài thơ lục bát *Hà Nội vắng em* gieo từng khổ hai câu nối cái nhìn đo đếm, cái cảm sâu xa, cái gọi quá vắng đơn côi và nối với nhau bằng những bước chân bất định, đi từ phố này đến phố khác:

Thế là Hà Nội vắng em

Anh theo các phố đi tìm ngày qua

*Phố này bên cạnh vườn hoa
Nhớ khi đón gió, quen mà chưa thân*

*Phố này đêm ấy có trăng
Cùng đi một quãng nói bằng lặng im*

*Phố này anh đến tìm em
Người qua lại tưởng anh tìm bóng cây*

Tìm mãi, tìm mãi để rồi cuối cùng thi nhân nhận lại được cả một thi tứ:

Anh theo các phố đó đây

Thêm yêu Hà Nội vắng đầy cả em.

Đi tìm em nhưng chẳng thấy em đâu, chỉ thấy những bóng hình, những kỷ niệm “vắng đầy cả em”! Tứ thơ bình dị mà thật nhân văn, sâu lắng, nao nao hồn người, tình người, tình yêu đôi lứa. Khác với dòng thơ nhiệt huyết như tiếng chào rơi của kẻ qua đường, thăm thẳm trong hồn thơ Tế Hanh vẫn là tiếng nói trữ tình và chính điều đó đã

giúp thơ Tế Hanh vượt lên mọi hệ lụy lịch sử, trở nên tinh lọc, sống mãi trước thời gian.

Bên cạnh sáng tác thơ, Tế Hanh còn là dịch giả xuất sắc, có những đóng góp quan trọng nối nền thơ thế giới với nền thơ dân tộc. Vốn là người thành thạo Pháp văn, ông đặc biệt quan tâm đến các nhà thơ Pháp với nhiều bản dịch thơ của Vích-to Huy-gô (Victor Hugo), Rơ-nê Sa (René Char), Guy-dôm A-pô-li-nơ (Guillaume Apollinaire), Giắc-cơ Prê-ve (Jacques Prévert), Pôn Clô-đen (Paul Claudel), Pôn Va-lê-ry (Paul Valéry), Xanh Giôn Péc-xơ (Saint John Perse), Pôn Ê-luya (Paul Eluard), Lu-i A-ra-gông (Louis Aragon),... và nhiều tác phẩm của các nhà thơ Nga - Xô, Hunggari, Bungari, Đức, Ba Lan, Chi Lê, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Angiêri, Ăng-gôla, Séc, Mỹ, Tây Ban Nha, Iran, Haiti, Palestin, Mađagaxca, Thụy Điển, Mêhicô, Indônêxia⁽¹⁷⁾...

Đến đây xin dẫn bản dịch bài thơ *Em ơi! Em đừng hát* của nhà thơ Nga Aleksandr Sergeyevich Pushkin (1799 - 1837):

Em ơi! Em đừng hát

Những tiếng hát Gruzi

Vị chua cay nhắc lại

Một bờ bên kia, một đời bên kia.

Nghe giọng em ta nhớ

Một đêm trên cánh đồng

Dưới ánh trăng trong

Một người con gái xa xăm đau khổ.

*Cái bóng ấy đáng thương và
bất hạnh*

*Mỗi lần thấy em ta quên đi
Nhưng khi nghe tiếng em hát
Hình ảnh kia lại về.*

*Em ơi! Em đừng hát
Những tiếng hát Gruzi
Vị chua cay nhắc lại*

*Một bờ bên kia, một đời bên
kia.*

Nhà thơ, dịch giả Bằng Việt cho rằng có những câu thơ Tế Hanh dịch “hay đến mức xuất thần” và xác định: “Tế Hanh dịch thơ rất tài hoa, và nhiều bài thơ dịch của anh đã trở thành những bản dịch mẫu mực, khó ai vượt qua nổi”...

Đến đây cũng cần ghi nhận những đóng góp quan trọng của Tế Hanh trong hoạt động phê bình, nhận diện nền văn học hiện đại, đặc biệt nền thơ thế kỷ XX. Trên thực tế, phải đến thời kỳ sau 1954 Tế Hanh mới bắt tay vào viết phê bình. Sau khoảng nửa thập kỷ, ông đã có tập tiểu luận, phê bình *Thơ và cuộc sống mới* (1961) gồm tròn 10 mục bài, trong đó nhấn mạnh ý nghĩa thời đại của nền thơ cách mạng và trân trọng giới thiệu tiếng thơ của Tố Hữu, Huy Cận, Xuân Diệu. Trong các thời kỳ sau này, ông còn nhiều lần nhắc nhớ, luận bình và ghi lại kỷ niệm về các nhà văn Đặng Thai Mai, Khương Hữu Dụng, Trần Mai Ninh, Xuân Diệu, Nguyễn Tuân, Chế Lan Viên, Quách Tấn, Hoài Thanh, Thanh Tịnh, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Huy

Cận, Bàn Tài Đoàn, Sóng Hồng, Thanh Hải, Nam Trân, Vân Đài, Ý Nhi, Vương Linh, Nguyễn Viết Lâm, Nguyễn Khoa Điềm... Tiếc rằng những trang viết giàu chất văn học sử và kinh nghiệm sáng tác này lại không được nhà thơ lưu tâm tập hợp, in thành sách ngay khi còn tại thế.

Như đã nói trên, bên cạnh niềm say mê dịch thơ, Tế Hanh còn có nhiều mục bài giới thiệu, phác thảo chân dung cuộc đời và sự nghiệp của nhiều nhà thơ nổi tiếng thế giới trên các trang báo uy tín như *Văn nghệ*, *Tác phẩm mới*, *Tạp chí Văn học*, *Văn học nước ngoài*... Có thể ghi nhận nhiều bài giới thiệu về nền thơ lãng mạn Pháp, thơ Công xã Paris, thơ “Những nhà thơ da đen”, thơ Campuchia, thơ thế giới viết về Việt Nam hay các trang viết về từng nhà thơ cụ thể như A. Pushkin, X.A. Êxênin, A. Blôk, H. Hainơ, P. Êluya, A. Józsep, A. Vôznêxenxky, L. Aragon, M.G.N. Migjeni, S. Aidich,... đã thực sự là những tiểu luận nghiên cứu chuyên sâu, giúp người đọc mở ra những ô cửa liên thông với nền thơ thế giới.

Trong nền thơ Việt Nam hiện đại, thơ Tế Hanh thể hiện là một giọng điệu dung dị, khiêm nhường, không rực rỡ, tân kỳ, không bắt ngờ, ào ạt. Thơ ông cũng như con người ông, nhỏ nhẹ và mực thước, vừa đủ để tạo nên dấu ấn riêng. Nói cách khác, thơ ông như dòng sông quê hương bình dị, trôi chảy êm đềm mà đậm chất trữ tình,

ân nghĩa. Ở thời kỳ nào, giai đoạn nào ông cũng có những bài thơ hay, được giới phê bình và người đời nhắc nhớ, ghi nhận. Vượt lên số bài thường thường bậc trung, thi sĩ Tế Hanh để đời bằng những tứ thơ đậm thắm tình người, tình đời, man mác những yêu thương, nhớ thương, ước nguyện. Không chỉ thành công ở vị thế nhà thơ - người sáng tác, Tế Hanh còn được biết đến trên tư cách dịch giả và nhà phê bình, người giới thiệu nhiệt tình các giá trị thi ca (đặc biệt từ nguồn thơ Pháp ngữ) đến với nền thơ Việt hiện đại♦

Hà Nội, tháng 12-2012

CHÚ THÍCH:

(*) PGS-TS, Nhà văn, Viện Văn học Việt Nam.

(1) Thế Lữ (1938), “Tin thơ”, *Ngày nay*, số 121, ra ngày 31-7, tr.9+22.

(2) Nhất Linh (1940), “*Nghẹn ngào* của Tế Hanh”, *Ngày nay*, số 209, ra ngày 25-5, tr.9.

(3) Tế Hanh (1940), “Trao đổi”, *Ngày nay*, số 218, ngày 27-7, tr.7.

(4) Tế Hanh (1940), “Lời con đường quê”, *Ngày nay*, số 218, ngày 27-7, tr.7.

(5) Bài trong tập *Nghẹn ngào* in: Sợ lòng xao động **lửa** say nồng (NHS chú).

(6) Bài trong tập *Nghẹn ngào*

in: Tay đề lên đồng **của** vô biên. Có thể bài in báo xếp chữ nhầm (NHS chú).

(7) Tế Hanh (1940), “Người hà tiện”, *Ngày nay*, số 220, ngày 10-8, tr.7.

(8) Bài trong tập *Nghẹn ngào* in: Điều buồn của lá **phai** vàng rơi thưa (NHS chú).

(9) Bài trong tập *Nghẹn ngào* in: Có hoa tàn cũ, mộng xưa vẫn **sầu** (NHS chú).

(10) Tế Hanh (1940), “Sống vội”, *Ngày nay*, số 220, ngày 10-8, tr.7.

(11) Tế Hanh (1940), *Những ngày nghỉ học*. *Ngày nay*, số 222, ra ngày 24-8, tr.7.

(12) Bài trong tập *Nghẹn ngào* in: Hơi thu **mơn trớn** như hơi thối (NHS chú).

(13) Tế Hanh (1940), *Chứa chất*. *Ngày nay*, số 223, ra ngày 31-8, tr.7.

(14) Trong tập *Thơ của một đời*.

(15) Hoài Thanh - Hoài Chân (1989), “Một thời đại trong thi ca”, *Thi nhân Việt Nam*, 1932-1941. Tái bản. Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.35-36.

(16) Hoài Thanh - Hoài Chân (1989), “Tế Hanh”, *Thi nhân Việt Nam*, 1932-1941. Tái bản. Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.149-153.

(17) Xin xem Tế Hanh (2012), *Tế Hanh toàn tập* (Nguyễn Hữu Sơn - Nguyễn Thanh Tâm sưu tầm, tuyển chọn), hai tập. Nxb. Văn học, Hà Nội, Tập I, 972 trang; Tập II, 992 trang.

Tế Hanh - Một đời thơ gắn bó với đất nước, quê hương

○ LƯU KHÁNH THƠ*

Nhà thơ Tế Hanh - một trong những đại biểu cuối cùng của phong trào Thơ mới đã ra đi lúc 12 giờ 20 phút ngày 16-7-2009. Khi chúng tôi đến nhà riêng của ông tại số 10 Nguyễn Thượng Hiền thì xe ô-tô chuyển thi hài ông tới nhà tang lễ vừa chuyển bánh dưới trời Hà Nội mưa như trút nước. Cách đây đúng mười năm, tại lễ kỷ niệm 40 năm Bộ đội Trường Sơn tổ chức tại Cung Văn hóa Hữu nghị Hà Nội, nhà thơ Tế Hanh đến dự và bị một cơn tai biến. Và từ đó đến nay, ông nằm trên giường bệnh, nhiều lúc chấp chờn trong vô thức. Mọi sinh hoạt của ông hoàn toàn phải trông cậy vào sự giúp đỡ của vợ ông - bà Lâm Yến, và những người thân trong gia đình.

Tế Hanh sinh ngày 20-6-1921, quê ở xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi - một vùng gần biển có phong cảnh khá đẹp và dân cư sống chủ yếu bằng nghề chài lưới. Thân phụ Tế

Hanh là một người yêu thích và cũng thường xuyên sáng tác thơ ca. Lớn lên trong hoàn cảnh đó, lại có năng khiếu từ nhỏ và sớm được tiếp xúc với thơ văn lãng mạn Pháp, Tế Hanh đã đến với phong trào Thơ mới như một lẽ tự nhiên. *Những ngày nghỉ học* là bài thơ đầu tiên ông viết năm 1938 và những sáng tác trong tuổi hoa niên của ông đã được tập hợp lại, in trong tập thơ *Nghẹn ngào*. Tập thơ đã giành được giải thưởng của Tự lực văn đoàn năm 1939. Có thể nói rằng, Tế Hanh là một “bông hoa nở muộn” trên thi đàn Thơ mới. Khi Thơ mới đã bắt đầu đi vào các đề tài, siêu thực, siêu hình thì thơ Tế Hanh lại hấp dẫn người đọc bằng sự chân chất và tình cảm. Trong khi mỗi nhà thơ là một thế giới riêng với bao vui buồn, đau thương, tuyệt vọng,... thì thơ Tế Hanh với khuôn mặt học trò dễ thương với những cảm xúc chân tình, bé nhỏ đã được người đọc đón nhận nồng nhiệt. Hàng loạt những bài

như Lời con đường quê, Những ngày nghỉ học, Chiếc rổ may... đã ghi lại dấu ấn của một trái tim nhân hậu phẳng phất những nỗi buồn trong trẻo. Đặc biệt trong thời kỳ này, ông đã để lại bài thơ thật đặc sắc viết về làng quê chài lưới với dòng sông, với biển cả, với vị men nồng mặn của đất trời, với: *Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng/ Cả thân hình nồng thở vị xa xăm/ Con thuyền im bến mỏi trở về nằm/ Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.* Tuổi trẻ với tình cảm hồn nhiên của mình, ông đã cảm nhận vẻ đẹp và sức sống bền vững của quê hương qua những hình ảnh thơ đẹp, giàu sáng tạo:

*Cánh buồm trương to như
mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu
góp gió.*

Và Quê hương là một bài thơ toàn bích được cấu tạo nên bởi hương vị mặn mòi của làng quê, bởi tuổi trẻ giàu yêu thương và khát vọng. Ngày ấy, tình cảm trong thơ Tế Hanh thể hiện rõ những cảm xúc của tuổi học trò trong trắng ngây thơ, tuy không khỏi có lúc hần lên những buồn khổ, đau thương của cuộc đời:

*Tôi thấy tôi thương những
chiếc tàu*

Ngàn đời không đủ sức đi mau

*Có chi vương vãi trong hơi
máy*

*Mấy chiếc toa đầy nặng khổ
đau.*

So với những tiếng nói thơ

ca đương thời từng trải như Chế Lan Viên, Huy Cận... thì nỗi buồn trong thơ Tế Hanh vẫn mang một vẻ non tơ, trong trẻo. Ở giai đoạn này Tế Hanh không viết về cuộc đời chung quanh mà chỉ nói về tâm hồn mình.

Từ bước ngoặt lịch sử Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thơ Việt Nam đã phát triển với một nhịp độ nhanh chóng, có sự chuyển biến mạnh mẽ về nội dung và hình thức, vừa mở đầu cho một thời kỳ mới, vừa là cơ sở để thơ tiếp tục phát triển trong các giai đoạn sau. Sự chuyển biến ấy được thể hiện một cách cụ thể và sinh động trong hàng loạt các sáng tác của các nhà thơ thời kỳ này. Tế Hanh cũng không là một ngoại lệ. Nhà thơ đã để lại được trong tập thơ đầu tay những hình ảnh cụ thể và da diết của những cánh buồm, dòng sông, con đường quê, sân ga... Có lẽ do gần được, gần được với cuộc đời cần lao - làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới,... do không quá dấn sâu vào cái tôi hư vô, tuyệt vọng, nên nhà thơ không bị ngấm quá nhiều một cái buồn định mệnh - dấu vẫn chưa dứt hết được nỗi ám ảnh “núi lở, sông mòn, hoa rơi, là chết”. Bài thơ của ông viết về quê hương lấy chính tên Quảng Ngãi làm đầu đề (Tiên phong số 10, 1-5-1946) với lời thơ, điệu thơ hoàn toàn khác trước, để biểu đạt một cảm xúc mới - gân guốc, một nhận thức mới - cách



Liên khúc hát múa Bình Sơn yêu thương và Câu hò quê hương trong đêm thơ - nhạc “Tưởng nhớ 10 năm ngày mất nhà thơ Tế Hanh” tại Bình Dương quê hương ông.
(Ảnh: Đăng Lâm)

mạng, theo cách cảm, cách hiểu riêng của tác giả, tuy nhiên bài thơ vẫn còn khô cứng và máy móc. Phải nhiều năm sau bài Quảng Ngãi, Tế Hanh mới đến được với sự giản dị, hồn nhiên trong Người đàn bà Ninh Thuận - một dấu ấn quan trọng, đánh dấu sự chuyển đổi cảm xúc và thi liệu của nhà thơ. Cuộc sống mới với những đổi thay quan trọng đã định hướng cho mọi xúc cảm thơ và tạo nên những phẩm chất nghệ thuật mới như nhà thơ đã từng viết:

*Dòng thơ tôi càng thưa bóng
mây sầu*

*Càng lấp lánh những ánh trời
hy vọng;*

Sang bờ tư tưởng ta là ta

Một tiếng gà lên tiền nguyệt tà.

Nếu nói rằng thơ chống Mỹ bắt nguồn từ thơ đấu tranh thống nhất nước nhà thì Tế Hanh là một trong những nhà thơ có nhiều đóng góp hơn cả. Là nhà thơ miền Nam tập kết ra Bắc, Tế Hanh luôn luôn hướng về quê hương. Có thể nói những bài thơ của Tế Hanh về đề tài đấu tranh thống nhất, về nỗi nhớ quê hương được xếp vào loại những bài thơ hay nhất, thành công nhất: *Nhớ con sông quê hương, Mặt quê hương, Nói chuyện với sông Hiền Lương, Chiêm bao...* Đất nước liền một dải, cố sao lại cắt chia:

*Trời vẫn xanh một màu xanh
Quảng Trị*

*Tận chân trời mây núi có chia
đâu.*

Tên gọi các tập thơ của Tế Hanh cũng đã phần nào nói lên tình cảm ruột thịt giữa hai miền nam - bắc trong suốt 20 năm đấu tranh: *Lòng miền Nam* (1956), *Gửi miền Bắc* (1958), *Tiếng sóng* (1960), *Hai nửa yêu thương* (1963), *Khúc ca mới* (1966), *Đi suốt bài ca* (1970), *Câu chuyện quê hương* (1973), v.v... Nửa sau những năm 60 của thế kỷ trước, Tế Hanh đã nổi bật lên bằng những bài thơ về tình cảm nhớ thương quê của mình. Rung động chân tình, sáng tạo trong nghệ thuật cấu tứ, nhiều bài thơ của ông đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc. Xuyên suốt các bài thơ của ông là một ý thức, một trách nhiệm đối với quê hương:

Tâm hồn lớn lên với thời gian

*Tôi không để tháng ngày
thành nước chảy*

*Sống sao cho xứng với miền
Nam*

*Nửa nước anh hùng đang rực
cháy.*

Tình cảm quê hương được triển khai và nâng lên trong tình yêu đất nước. Thiên nhiên miền nam trong thơ ông tươi rói những sắc màu kỷ niệm. Con người miền Nam trong thơ ông là hiện thân của phẩm chất anh hùng cách mạng. Thơ Tế Hanh chân thành, trong sáng, giản dị, tình cảm đậm ấm, rung động tinh tế. Nhiều bài thơ hay của ông là sự việc, câu chuyện được dẫn dắt bằng một tình cảm tha

thiết dưới ánh sáng của trí tuệ, là sự hài hòa giữa mô tả và biểu hiện, giữa kể và tâm tình. Các tập thơ sau này như *Khúc ca mới* (1966), *Đi suốt bài ca* (1970), *Câu chuyện quê hương* (1973), *Theo nhịp tháng ngày* (1974), *Giữa những ngày xuân* (1977), *Con đường và dòng sông* (1980), *Bài ca sự sống* (1985), *Thơ Tế Hanh* (1989), *Giữa anh và em* (1992), *Em chờ anh* (1994)... đã ghi những dấu mốc quan trọng trên chặng đường sáng tạo của nhà thơ. Các tập thơ của ông là sự thể hiện những rung động sâu sắc về các vấn đề riêng - chung, về các sự kiện xã hội, về con người và cuộc sống theo cái "tạng" riêng của ông. Những bài thơ kể chuyện nhưng lại kết hợp được chất tự sự và trữ tình, hiện thực đời sống và hiện thực tâm trạng. Ông viết với một tấm lòng và một bước tiến mới về nghệ thuật. Tế Hanh là một nhà thơ giàu cảm xúc và cảm xúc của ông luôn chân thành, trong sáng. Điểm mạnh trong thơ ông là tình cảm, là tâm trạng với giọng điệu thơ tâm tình, thủ thủ, có tác dụng thẩm mỹ cao khiến người đọc rung động. Có một nỗi nhớ dòng sông quê hương khắc khoải chảy suốt một đời thơ không ngừng nghỉ. Nó hiện lên trong kỷ niệm, trong xa cách, trong xao động lung linh tưởng nhớ. Từ những ngày đầu tiên mới bước vào đời đến những năm tháng sau này đi theo cách mạng, đi theo kháng

chiến, biên biệt xa nhà, Nhớ con sông quê hương luôn luôn là một nỗi nhớ thường trực trong tâm hồn ông.

Sẽ là một thiếu sót lớn nếu không nhắc đến những bài thơ tình thật đặc sắc của Tế Hanh như *Vườn xưa, Em ở đâu, Bài thơ tình ở Hàng Châu, Bão, Hà Nội vắng em, Không đề, Văn xuôi cho em...* Khi đã bước vào tuổi “xưa nay hiếm”, ông vẫn có những câu thơ da diết đến nao lòng:

Tặng em thế kỷ chúng ta

Niềm vui nỗi khổ đều qua vội vàng;

Biển một bên và em một bên

Ta đi trên bãi cát êm đềm

Thân buông theo gió hồn theo mộng

Sóng biển vào anh với sóng em.

Có thể nói xa cách, nhớ thương là chủ đề tâm đắc nhất trong thơ tình Tế Hanh. Âm điệu da diết nhớ thương với những nỗi buồn man mác dịu nhẹ đã tạo nên nét tài hoa, dịu dàng đầy thương cảm.

Những năm cuối đời, nhà thơ Tế Hanh bị bệnh về mắt, thị lực giảm sút nhiều. Hàng loạt bài thơ viết trong thời gian này in rõ dấu vết của gánh nặng thời gian tuổi tác và cảnh ngộ riêng của tác giả: *Mắt anh không được như xưa / Nhìn đêm bờ ngõ, nhìn trưa bàng hoàng / Nhìn mai như thể xuân sang / Nhìn chiều như thể thu choàng cỏ cây / Mắt em ngày trước hồ trong / Anh nhìn*

đôi lúc ngỡ vòng sương rơi / Nói sao hết được em ơi / Anh không thể bắt cuộc đời đứng yên / Em không thể mãi là em / Dẫu anh còn mãi cái nhìn ngày xưa. Và đây nữa, nhà thơ diễn đạt thật tài tình và chua xót thực trạng của mình:

Cái thời đá bóng hăm hai đứa

Nay đánh cờ sông có một mình.

Nhưng trên tất cả những nỗi buồn nhân thế vẫn là một mạch sống hồn hậu, tin yêu chảy trong đời như không bao giờ vơi cạn: Ta vẫn tin mãi nằm bên sự sống - Như đất như trời như núi như sông.

Dòng sông thơ của Tế Hanh đã chảy qua nhiều vùng, nhiều thời điểm của đất nước, đã phản chiếu một cách chân thành và trung thực bức tranh xã hội rộng lớn cũng như hành trình tâm trạng của chính mình. Tài năng và năm tháng đã đem lại cho nhà thơ Tế Hanh một cái nhìn đầy đủ hơn, ý thức hơn về quê hương, về dân tộc và cả về những rung động riêng tư. Gần một thế kỷ sống và sáng tạo, nhà thơ Tế Hanh thật sự ghi một dấu ấn quan trọng vào nền thơ Việt Nam hiện đại♦

GHI CHÚ:

(*) PGS-TS, Nhà văn, Viện Văn học Việt Nam.

Tế Hanh - Người thơ giữa hai bờ yêu thương

○ LÊ DỤC TÚ*

Thưở học trò, những ai, dù không yêu thơ cũng không thể không nằm lòng những câu thơ tha thiết đẹp cả về ngôn từ lẫn hình ảnh như thế này của Tế Hanh khi viết về quê hương:

*Quê hương tôi có con sông
xanh biếc*

*Nước gương trong soi tóc
những hàng tre*

*Tâm hồn tôi là một buổi trưa
hè*

*Toả nắng xuống lòng sông
lấp lánh*

(Nhớ con sông quê hương).

Tế Hanh sinh ngày 20 tháng 6 năm 1921, tại một làng chài ven biển tỉnh Quảng Ngãi. Ông khởi nghiệp thơ từ rất sớm (17 tuổi) với bài thơ đầu tiên *Những ngày nghỉ học* viết vào năm 1938. Nhưng chàng trai trẻ Tế Hanh chỉ thực sự được bạn đọc biết đến từ phong trào Thơ Mới bằng giải khuyến khích cho tập thơ *Nghẹn ngào* viết năm 1939 (sau này đổi thành *Hoa niên*) do Tự lực văn

đoàn - một tổ chức văn học có uy tín lúc bấy giờ trao tặng.

Với *Hoa niên*, người đọc mến yêu một hồn thơ bình dị với những tình cảm gần gũi thân thương, luôn nặng lòng với quê hương xứ sở và những kỉ niệm tuổi thiếu thời. Những tình cảm ấy, sau này sẽ được xóa đi những phần còn ủy mị và nhân lên cái phần sâu lắng thiết tha để làm nên một Tế Hanh vẫn bình dị, trầm lắng nhưng sâu sắc và luôn hòa nhịp được với bước đi của đất nước, dân tộc.

Trước Cách mạng, thơ Tế Hanh cũng không tránh khỏi nỗi buồn - một nỗi buồn muôn thuở của không gian Thơ Mới lúc bấy giờ. Nhưng cũng như bao bạn thơ khác cùng thế hệ (Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên...), cách mạng đã trở thành một dấu mốc quan trọng, hướng hồn thơ Tế Hanh sang một cõi bờ tâm tư khác. *Lòng miền Nam* - tập thơ viết vào năm 1956, sau ngày Tế Hanh ra Bắc tập kết đã ghi nhận

những bước trưởng thành đầu tiên trên bước đường tư tưởng và nghệ thuật của ông như lời tự vấn của nhà thơ “*Giấc chiêm bao đêm trước / Soi sáng cả ngày sau*”. Nhiều bài thơ trong tập đã đạt đến sự tiến bộ vượt bậc không chỉ ở nội dung tư tưởng mà cả chất lượng nghệ thuật. Lòng miền Nam là tấm lòng sâu tình nặng nghĩa của một thanh niên miền Nam sống ở đất Bắc luôn hướng về quê mẹ với nỗi niềm đau đáu nhớ thương. Nhưng ở đây không chỉ đơn thuần là sự giải bày tình cảm. Đúng như nhà thơ Vũ Quần Phương đã nhận xét, ở tập thơ này, Tế Hanh đã “Tìm được mối hòa hợp đúng nhất của hồn thơ anh với chất thơ của đời sống” trong những nhận thức mới về cách mạng: hướng trái tim mình từ bến bờ quê hương, làng xóm sang bến bờ của đất nước, dân tộc, hướng tâm hồn mình vào một thứ tình cảm lớn lao hơn: sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước. Nhà thơ nhận thức được trong cảnh ngộ của một người có cảnh ngộ của muôn người, trong nỗi niềm riêng tư có nỗi niềm dân nước. Tình cảm này như “một nỗi tràn đầy” trong tâm tưởng của nhà thơ và trở thành tình cảm chủ đạo trong 4 tập thơ tiếp theo: *Gửi miền Bắc* (1958), *Tiếng sóng* (1960), *Bài thơ tháng bảy* (1962) *Hai nửa yêu thương* (1967), trong đó nổi trội nhất là tập *Gửi miền Bắc*. Ở tập thơ này độ chín trong tình cảm của nhà

thơ được thể hiện qua giọng thơ tự tin, hồn nhiên, ở những xúc cảm lâng lâng, ở những suy nghĩ đậm chất suy tư, chất triết lý rất đời - đó là kết quả của sự hòa quyện tinh tế giữa cái chung và cái riêng, giữa cảm xúc nội tâm sâu sắc và bản sắc thi sĩ. Những tiền đề về tư tưởng và nghệ thuật ở tập thơ này là cầu nối cho sự ra đời của các tập *Tiếng sóng* và *Bài thơ tháng bảy*. Ở hai tập thơ này, đúng như lời nhà thơ thổ lộ: “*Như chiếc đảo bốn bề chao mặt sóng / Hồn tôi vang tiếng vọng của hai miền*”. *Tiếng sóng I* là tình yêu thương chân thành và sự ngưỡng mộ cảm phục đến những người con của miền Nam ruột thịt đang chịu nhiều hy sinh mất mát như chị Duyên, anh Hải, em Ái... *Tiếng sóng II* là tiếng hát ca ngợi những những đổi thay kì diệu ở miền Bắc trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhiều câu thơ viết về mảng đề tài này đã có sức lay động lớn. Viết về vẻ đẹp rộng lớn ở một nông trường cà phê, tác giả có những cách thể hiện thật ấn tượng “*Nông trường ta rộng mênh mông / Trăng lên trăng lặn vẫn không ra ngoài*” (*Nông trường cà phê*). Ở hai tập thơ này, với bề dày của chất liệu thực tế, Tế Hanh đã trưởng thành thêm một bước. Nhà thơ đã khá nhạy cảm trong việc xử lý các vùng đề tài dưới một quan điểm thẩm mỹ mới để tạo nên những câu thơ giàu chất liệu đời sống mà vẫn giữ được những cảm

xúc trữ tình thiết tha, sâu lắng của cái “tôi” nhà thơ.

Trên nền cảm xúc của hai bờ “yêu thương và hy vọng”, Tế Hanh đã lao động hết mình để hoàn thành tiếp tập các tập *Hai nửa yêu thương* (1967), *Khúc ca mới* (1967), *Đi suốt bài ca* (1970), *Theo nhịp tháng ngày* (1974). Các tập thơ mới này một lần nữa cho chúng ta thấy Tế Hanh đã ngày càng có thêm “cái nhìn mới giàu thêm cuộc sống”. Gắn bó với nhịp sống dựng xây xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, Tế Hanh đã trải rộng hồn thơ của mình đến những vùng đất thân yêu, những sự kiện chính trị xã hội lớn của đất nước: khu đường sắt Thái Nguyên, khu công nghiệp Việt Trì, một hợp tác xã nông nghiệp, cả những thành tựu chinh phục vũ trụ của đất nước Liên Xô anh em... Yêu miền Bắc nhưng cũng vẫn không nguôi thương nhớ miền Nam. Những tin tức từ miền Nam vọng về luôn được anh ngóng trông, chờ đợi để rồi kết tụ thành thơ. Ở đây ta thấy có sự cộng hưởng của lòng căm thù lẫn ý chí chiến đấu đã tạo nên những câu thơ, bài thơ có sức khái quát cao, đạt tới độ trữ tình bền chắc mà *Mặt quê hương* là một trong những bài thơ điển hình chạm đến chất lượng nghệ thuật ấy. Năm 1965, khi giặc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc, Tế Hanh lại có một liên khúc ca mới. Ba tập thơ liên tiếp ra đời trong vòng 8 năm *Khúc ca mới* (1966),

Đi suốt bài ca (1970), *Theo nhịp tháng ngày* (1974) đều có chung một phong cách viết. Tuy chất lượng nghệ thuật của ba tập thơ này chưa có gì thật nổi trội so với những tập thơ trước nhưng cái mà bạn đọc ghi nhận ở đây là sự xông xáo và gắn bó máu thịt của tác giả với nhịp sống khẩn trương sôi động của những ngày cả nước đánh Mỹ. Với những địa danh ghi ở dưới mỗi bài thơ cho ta thấy Tế Hanh đã đi và viết hết mình. Và điều đáng nói hơn là ở các tập này, tác giả đã có sự thể nghiệm nhiều chất giọng, bút pháp, từ thủ thi tâm tình đến đả kích chính luận và suy tưởng. Nhiều bài thơ trong các tập trên đã được bạn đọc ghi nhận bởi những sáng tạo trong cấu tứ như *Cái giếng đầu làng*, *Bay lên*, *Bài học nhỏ về nhà thơ lớn*...

Những năm sau khi đất nước thống nhất, trong niềm vui lớn của sự sum họp, hồn thơ của Tế Hanh dường như cũng được thăng hoa. Mặc dù lúc này nhà thơ bị bệnh nặng về mắt, thị lực giảm nhiều phải nằm trên giường bệnh nhưng ông vẫn không nguôi trăn trở về đời, về thơ và về cả chính bản thân mình. Các tập thơ *Con đường và dòng sông* (1980), *Bài ca sự sống* (1985), *Vườn xưa* (1992), *Giữa anh và em* (1992), *Em chờ anh* (1993) không chỉ có những nét mới trong đề tài, chủ đề mà còn còn là sự tổng kết những gì nhà thơ đã suy tư, nếm trải. Vì thế, những dòng xúc cảm ở những

tập thơ trên, ngoài sự thủ thủ tâm tình là nét đặc trưng đáng quý vốn có ở thơ Tế Hanh ta còn thấy có thêm màu sắc triết lý, thể hiện một sự nhận thức mới, sâu sắc hơn về cuộc đời: “*Em không thể mãi là em / Dẫu anh còn mãi cái nhìn ngày xưa*”; “*Trên cái chết là vô cùng sự sống / Trên mất mát là vô cùng hy vọng*”. Càng sống, nhà thơ càng tỏ ra nhạy cảm trong sự nắm bắt chất thơ của đời sống hàng ngày để để gìn giữ nó, yêu thương nó và không vô tình với nó dù chỉ là một cây mít, một chút ánh nắng ở góc sân hay một mùa thu đã đi qua để rồi kết tụ lại bằng những câu thơ xao xuyến đến nao lòng: “*Mùa thu đã đi qua còn gửi lại / Một ít vàng trong nắng trong cây / Một ít buồn trong gió trong mây / Một ít vui trên môi người thiếu nữ*” (Bài thơ tình ở Hàng Châu).

Nói đến Tế Hanh, nhiều người vẫn cho rằng quê hương, đất nước là những chủ đề thường trực trong thơ ông và chính ở mảng đề tài này ông đã có những bài thơ xuất sắc lưu dấu. Nhưng cũng ít ai biết rằng thơ tình của Tế Hanh cũng hay không kém. Nhiều bài thơ tình của Tế Hanh đã được bạn đọc yêu thích như *Những ngày nghỉ học*, *Bão*, *Vườn Xưa*, *Bài thơ tình ở Hàng Châu*, *Em ở đâu...* Bi kịch của tình yêu say đắm và sự chia ly đau đớn đã được nhà thơ diễn tả sâu sắc trọn vẹn “*Con bão nghiêng đêm, / Cây gãy cành, bay lá / Ta nắm tay em / Cùng qua*

đường cho khỏi ngã / Con bão tanh lâu rồi / Hàng cây xanh thắm lại / Nhưng em đã xa xôi / Và con bão lòng ta thổi mãi” (Bão).

Một đời thơ với hơn 20 tập thơ được xuất bản đã chứng tỏ sức làm việc cho đời cho thơ của Tế Hanh. Không chỉ có thơ, Tế Hanh còn có những sáng tác viết cho thiếu nhi. Ngoài ra ông còn có một tập tiểu luận phê bình *Thơ và cuộc sống* (1961). Hơn nữa, một thời ông còn là một cây bút dịch thơ chủ lực và giới thiệu với bạn đọc Việt Nam. Nhiều bài thơ của các nhà thơ lớn trên thế giới như Hy Lạp, Hung ga ri, Nga... qua bản dịch của Tế Hanh đã trở thành những bài thơ hay, giàu cảm xúc bởi cách thể hiện ngôn ngữ chọn lọc, sinh động.

Một đời thơ lao động nghiêm túc và cần mẫn của Tế Hanh đã được ghi nhận bằng nhiều giải thưởng xứng đáng: Giải thưởng văn học Tự lực văn đoàn năm 1939, giải thưởng Phạm Văn Đồng do Hội Văn nghệ Liên khu V tặng, giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật đợt I năm 1996.

Cùng với Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Bính... Tế Hanh xứng đáng là một trong những nhà thơ hàng đầu của Văn học Việt Nam thế kỉ XX♦

GHI CHÚ:

(*) PGS-TS, Viện Văn học Việt Nam.

Tế Hanh - Đời tôi thực hay mộng, đời tôi buồn hay vui

○ Ý NHI*

Trong các nhà thơ hiện đại Việt Nam, Tế Hanh có dáng vẻ của một thi sĩ hơn cả, không phải chỉ bởi “đôi mắt nồng nàn lạ” (Hoài Thanh - Hoài Chân: Thi nhân Việt Nam) mà còn là, hay chính là, bởi vẻ buồn ngơ ngác của ông, không phải chỉ trên vẻ mặt mà cả trong cách hành xử, ứng đối của ông với mọi người, mọi sự.

Quan lộ của ông hanh thông. Những việc, những địa vị nhiều người thèm muốn, cạy cục chạy vạy lại đến với ông hoàn toàn tự nhiên.

Có lẽ, một phần do uy tín văn chương của ông, đức độ của ông, phần khác, do ông không âm mưu, không phe phái, không khiến bất cứ ai phải dè chừng. Ông là một trong những ủy viên Ban chấp hành “chuyên nghiệp”, có lúc là Ủy viên thường vụ, có lúc là Trưởng ban Đối ngoại, có lúc tham gia lãnh đạo báo Văn nghệ, Nhà xuất bản Văn học... Tôi không biết, không hình dung

được, con người “*đur một ít lời thơ*”, “*dur thương sớm, sẵn ngơ ngẩn chiều*”, con người “*Gặp em câu cuối cùng chưa nói / buổi sớm qua rồi, sắp hết trưa*” ấy đã hoàn tất những công việc quan trọng đó như thế nào. Có lẽ, một cách cũng ...: “*Vừa thực lại vừa mộng / Vừa gần lại vừa xa*” mà thôi (Mùa thu Yanta).

Tế Hanh rất hiền. Rất thật thà. Rất giàu yêu thương. Nhiều bạn văn chương như Quách Tảo, Chế Lan Viên, Khương Hữu Dụng, Tô Hoài, Nguyễn Xuân Sanh, Hoàng Trung Thông, Nguyễn Viết Lãm, Nguyễn Đình, Tịnh Hà, Hà Minh Đức, Phạm Hổ, Nguyễn Đình Thi, Võ Văn Trực, Mã Giang Lân, Vũ Quần Phương... nhận được lời đề tặng trước các bài thơ của ông. Trong số bạn văn nghệ, hình như ông gần gũi, thân thiết hơn với Huy Cận, Xuân Diệu, Hoàng Trung Thông, Chế Lan Viên. Giữa họ có sự khăng khít của mối tình bè bạn từ nhiều năm tháng của cuộc đời. Bài thơ ông viết sau

khi Xuân Diệu mất thắm thía chân tình:

Mọi khi đến nhà anh

Tôi gọi to: Diệu ơi

Nghe anh trả lời:

Hanh đó hả

Hôm nay đến nhà anh

Tôi gọi thăm: Diệu ơi

Và chỉ nghe tiếng tôi:

Diệu ơi...

Cái tiếng vọng thiết tha, âm thầm mà da diết này chính là Tế Hanh, là thơ Tế Hanh. Nhưng ông thân với Chế Lan Viên hơn cả. Chế Lan Viên là nhà thơ sắc sảo nhất của làng thơ Việt. Tôi có cảm giác Chế Lan Viên cần sự hồn hậu ở bạn và Tế Hanh thì “nuơng tựa” vào sự mạnh mẽ, quyết đoán của Chế Lan Viên. Tôi được một chị bạn làm việc tại văn phòng Hội Nhà văn kể lại câu chuyện sau: Một hôm, có cuộc họp gay gắt về một vấn đề nào đó của Đảng đoàn Hội. Giữa chừng, Chế Lan Viên có điện thoại, ông phải xuống văn phòng để nghe (hồi đó chưa có di động mà máy cố định cũng rất ít). Chế Lan Viên đang nói chuyện thì thấy Tế Hanh chạy từ tầng trên xuống, giọng lo lắng: Hoan ơi, nhanh lên, họ phản công rồi. Chế Lan Viên vội vã theo chân bạn trở lại cuộc họp.

Có vẻ như những cuộc họp kiểu đó, những gay gắt, những đối đầu đều không chút thích hợp với Tế Hanh. Ông không muốn tham dự nhưng lại không thể né tránh. Những khi nghe ông thăm

thì các câu chuyện tưởng là thâm cung bí sử của giới lãnh đạo nhà nước, giới lãnh đạo văn nghệ mà hầu như ai ai cũng đã biết, mới thấy hết sự mơ màng thi sĩ của ông. Những lúc như vậy, tôi có cảm giác ông đang bước lạc vào một thế giới xa lạ và lại nhớ tới nhận xét “người rụt rè, ngượng nghịu như một chàng rể mới” của Hoài Thanh.

Nhưng Hoài Thanh cũng từng viết về con người rụt rè, ngượng nghịu ấy: “Tôi thấy Tế Hanh là một người tinh lắm”. Vâng, Tế Hanh là một người tinh lắm trong cội Thơ của mình. Hoài Thanh cũng viết: “Tế Hanh sở dĩ nhìn đời một cách sâu sắc như thế là vì người có sẵn một tâm hồn tha thiết.” Vâng, Tế Hanh có một tâm hồn tha thiết với những nơi chốn, những tình cảnh, những con người ông yêu mến, xót thương. Chế Lan Viên đã viết rất hay, rất chính xác về cái tạng của Tế Hanh, về bầu khí nuôi dưỡng thơ Tế Hanh: “Dù anh viết khá hay về biển, biển trong bão dữ, nghĩ đến anh, tôi vẫn nghĩ đến cái êm đềm của những dòng sông. Chim anh viết hay, không phải hải âu mà là chim én. Anh có thể tả mùa hè rục rờ nhưng hình như anh xúc động nhất mùa thu... Nếu vào trong khu vườn, Xuân Diệu sẽ ngoạm vào các trái hồng lẫn trái xanh, Huy Cận lắng nghe chất nhựa trên cành, người nào đó sẽ hí hục tìm thơ trong bộ rễ âm thầm, còn với Hanh thì

màu xanh của lá cũng đủ cho anh hạnh phúc” (Tế Hanh hay Thơ và Cách mạng - Tuyển tập Tế Hanh, Nxb. Văn học, 1987). Nhưng dường như chưa thỏa, vài lần khác trong bài viết, Chế Lan Viên nhấn lại ý trên: “Và giữa bao nhiêu cái rộn ràng ấy, thì cái lõi, cái thực chất Tế Hanh, người tình nhân (Tôi nhấn mạnh), vẫn còn lại đó” (Sđd). Sở dĩ tôi trích Chế Lan Viên nhiều như vậy, một phần bởi ông là người bạn tri âm tri kỷ của Tế Hanh, ông là người yêu và hiểu Tế Hanh, yêu và hiểu thơ Tế Hanh hơn bất cứ ai. Phần khác, tôi có cùng cảm nhận như ông khi đọc Tế Hanh, khi gặp Tế Hanh, ngoại trừ việc ông cho rằng, nếu cách mạng không đến, có khi Tế Hanh: “thành nhà thơ trùu tượng cũng nên” (Sđd). Chính Tế Hanh đã chẳng từng khẳng định: *Tôi muốn viết những dòng thơ dễ hiểu/ Như những lời mọc mọc trong ca dao*” đó thôi. Có thể, những lời đó được viết trong một cảnh ngộ cụ thể nào đó, một trạng thái tình cảm nào đó nhưng từ trong bản chất, thơ Tế Hanh thuộc dòng thơ tình cảm, hơn thế, trực cảm. Những câu thơ hay của Tế Hanh như món quà bất ngờ trời đất ban tặng, như một bông hoa quý hiếm chợt hiện ra trên đường, ngay trước mắt và trong tầm tay.

Trong bài thơ *Viết sinh nhật 60*, Tế Hanh đã rất thành thật khi nói rằng:

Khi tôi hai mươi tuổi người ta

đọc thơ tôi

Khi tôi ba mươi tuổi, người ta quên thơ tôi

Khi tôi bốn mươi tuổi, người ta lại đọc thơ tôi

Khi tôi năm mươi tuổi, người ta còn đọc thơ tôi.

Thực ra thì khó có một thời điểm dứt khoát, rạch ròi đến vậy. Ta chỉ có thể nói đến một khoảng thời gian nào đó mà thôi. Khi Tế Hanh ở độ tuổi đôi mươi, ông có Quê hương, Lời con đường quê, Những ngày nghỉ học, Phơi phới, Dễ thương, Vườn cũ, Hoàng hôn... những bài thơ sau hơn 70 năm vẫn còn in dấu trong tâm tưởng người đọc. Những câu thơ như:

Tôi, con đường nhỏ chạy lang thang

Kéo nỗi buồn không chạy khắp làng” (Lời con đường quê);

*Tôi đứng bơ vơ xem tiền biệt
Lòng buồn đau xót nỗi chia xa
Tôi thấy tôi thương những
chiếc tàu*

*Ngàn đời không đủ sức đi mau
Có chi vương vãi trong hơi máy
Máy chiếc toa đầy nặng khổ
đau...*

*... Lẽo đẽo tôi về theo bước họ
Tâm hồn ngơ ngẩn nhớ muôn
phương (Những ngày nghỉ học);*

*Cảm giác êm êm khẽ động vừa
Lan từ bóng lá ủ ê đưa
Âm thầm cửa hé trông xa vắng
Như lúc đầu thu những buổi
trưa (Dễ thương);*

*Nhà người yêu mến ngang qua
đấy*

Vắng mặt nên lòng thấy biệt

ly” (Có những con đường);

*Nắng nhớ rừng rưng chớp lệ mờ
Mây buồn đôi mảnh vẫn lơ thơ
Cỏ cây im lặng như từ thuở
Đôi lúa xa nhau vẫn đợi chờ*

(Vườn cũ);

Lẻ loi cho đến cả bên chân

*Cái bóng trung trinh cũng
chẳng quang* (Hoàng hôn)...

đã lặn vào, đã ẩn sâu trong tâm hồn nhiều thế hệ yêu văn chương Việt Nam.

Khi Tế Hanh ở độ tuổi 40- 50 người đọc thường nhắc đến *Nhớ con sông quê hương*, *Chiêm bao*, *Liễu*, *Bài thơ tình ở Hàng Châu*, *Bão*, *Vườn xưa*, *Cha ngồi ở giữa*, *Mặt quê hương*, *Mặt mùa xuân*, *Gặp xuân ở ngoại thành*, *Chăn con*, *Tiếng sóng*, *Gửi miền Bắc*, *Rét nàng Bân*, *Điệu quê hương*, *Mùa thu Yanta*, *Phạm Thái*, *Tình yêu của sách*, *Cái nhìn*, *Kinh nghiệm làm thơ*, *Tặng*, *Sóng*, *Hà Nội vắng em*... của ông. Đây là khoảng thời gian hồi sinh của Tế Hanh, sau thời gian “người ta quên thơ tôi” (trong thực tế, thời gian ở độ tuổi 30, Tế Hanh viết rất ít hay có thể nói, ông gần như không viết được. Và không chỉ riêng Tế Hanh. Nhiều nhà thơ của phong trào Thơ Mới như Huy Cận, Xuân diệu, Chế Lan Viên đều hăng hái tham gia cách mạng tháng 8 và kháng chiến giải phóng dân tộc nhưng cũng viết ít và không để lại dấu ấn. Và, không chỉ các nhà thơ. Tìm hiểu nguyên nhân của hiện tượng này là một công việc đòi hỏi nhiều công phu và xin bàn

vào dịp khác).

Bài thơ tình ở Hàng Châu được viết trong một chuyến thăm Trung Quốc, vào những ngày hòa bình đầu tiên sau cuộc kháng chiến 9 năm. Cảnh trí thanh bình, “bốn bề êm ái”, trăng “vời vợi thâu đêm” và Mùa thu đã đi qua còn gửi lại/ một ít vàng trong nắng trong cây/ Một ít buồn trong gió trong mây/ Một ít vui trên môi người thiếu nữ... chính là bầu khí, là đất sống của thơ Tế Hanh. Một ít buồn, một ít nhớ nhung, một ít xót xa, thương cảm, một ít day dứt: *Lá phong đỏ như mối tình đượm lửa/ Hoa cúc vàng như nỗi nhớ dây dưa và Những ngày buồn nghĩ đến thấy vui vui/ Những ngày vui sao lại thấy buồn ngủi*... là Tế Hanh, nhà thơ tình cảm, nhà thơ của mùa thu, của ánh trăng, của dòng sông êm, của cánh lá xanh, của ánh vàng sót lại sau thu, của “*hoa bắt đầu thưa thớt cuối đường xuân*” của “*sợi gió đến se cùng sợi liễu*”... Cố nhiên, Tế Hanh lúc này không còn là cậu học trò trốn học “*tâm hồn ngơ ngẩn nhớ muôn phương*” nữa. Nỗi nhớ của ông đã có địa chỉ: nhớ mẹ, nhớ Vườn xưa, Nhớ miền Bắc, ông đã lắng nghe “*Điệu quê hương*”, lắng nghe “*Tiếng sóng*”, cái tiếng sóng “*đã bao lần vang động giữa thơ tôi*”, ông đã nhìn thấy một dòng Hiền Lương: “*Nước chảy xuôi dòng bỗng chảy ngang*” bởi nỗi đau chia cắt đôi bờ... Và, ông đã yêu:

Ta đã yêu em

Như yêu sự sống

Ngày hiện trong đêm

Thực hòa với mộng,

Ông nhìn thấy quê hương
thương yêu, trù mến qua khuôn
mặt người con gái:

Mặt em như tấm gương

Anh nhìn thấy quê hương...

Ơi miền Nam yêu dấu

Trên mặt em yêu dấu

Ơi tháng năm nhớ thương

Mặt em là quê hương.

Ông hân hoan cùng cảnh trí:

*“Tôi từ nội thành ra ngoại thành /
Vừa gặp mùa xuân đi ngược lại”...*

Và, trong tâm hồn hiền hậu của
Tế Hanh đã có một cơn bão: *Cơn
bão nghiêng đêm / Cây gãy cành
bay lá / Ta nắm tay em / Cùng
qua đường cho khỏi ngã / / Cơn
bão tanh lâu rồi / Hàng cây xanh
thắm lại / Nhưng em đã xa xôi /
Và cơn bão lòng ta thổi mãi”...*
Cơn bão, chính là một chỉ dấu sự
thay đổi của Tế Hanh trong giai
đoạn này.

Trong vài ba mươi năm Tế
Hanh đã xuất bản hàng chục tập
thơ: *Gửi miền Bắc, Tiếng sóng,
Hai nửa yêu thương, Khúc ca mới,
Đi suốt bài ca, Câu chuyện quê
hương, Theo nhịp tháng ngày,
Giữa những ngày xuân, Con đường
và Dòng sông.* Đây là giai đoạn Tế
Hanh viết nhiều và có nhiều bài
thơ hay. Tuy nhiên, như Tế Hanh
từng viết, một cách khiêm tốn:

Đem bày tỏ nỗi lòng

Trong câu thơ cảm khái

Có đôi khi thành công

Và nhiều khi thất bại

Ông chỉ thực sự thành công

ở những bài thơ tình cảm, hợp
tạng của mình.

Trong một bài viết về Tế Hanh,
Thanh Thảo cho rằng: *“Thơ Tế
Hanh có lẽ gần nhất với âm nhạc
đồng quê, gần nhất với những khúc
ca quê mà người ở đầu sông hay
cuối bãi vẫn thầm hát cho chính
mình. Không hề cố gắng, không
tỉa tót hay triết luận, thơ Tế Hanh
đến ngay người đọc theo con đường
thẳng, như cách của một người
bạn thật thà, chân thành và đôn
hậu, thuyết phục ta bằng sự hồn
nhiên bẩm sinh, bằng tiếng nói
nguyên thủy của con người khi yêu
thương, bằng sự dễ dàng còn lại
sau mọi phức tạp đã qua (Từ Hoa
niên tới mãi mãi - Tưởng nhớ nhà
thơ Tế Hanh, NXB Hội Nhà văn,
2009).* Thanh Thảo cũng cho rằng,
dù đọc rất nhiều thơ nước ngoài,
am hiểu thơ hiện đại phương Tây,
yêu thích Aragon, Eluard, Rene
Char, Saint-John-Perse...và dịch
nhiều thơ, Tế Hanh *“vẫn rất mộc
mạc, thật hồn nhiên và với ông,
kỹ thuật thơ, dù là kỹ thuật tân
kỳ, vẫn không khiến ông quan tâm
bằng chính cảm xúc và sự hồn
nhiên, đôn hậu (Sđd).* Nhận xét
này của Thanh Thảo làm tôi nhớ
tới những lần được nghe Tế Hanh
trò chuyện, nhận xét về thơ Ta,
thơ Tây. Tế Hanh cũng là người
“tĩnh lặng” trong việc thẩm định
thơ.

Nhà thơ Việt Phương kể với
tôi, vào năm 1963 ông đem mấy
bài thơ tình nhờ Tế Hanh đọc.
Ít lâu sau, Tế Hanh nói với Việt

Phương: *“Phương viết những bài nghĩ về tình yêu chứ không phải những bài thơ tình”*. Đến hôm nay Việt Phương vẫn còn nhớ lời nhận xét ấy hẳn vì nó vừa chân tình vừa xác đáng. Lại nhớ, trong bài *Kinh nghiệm làm thơ*, Tế Hanh có một đoạn thơ so sánh thâm thúy giữa việc làm thơ/ bài thơ và tình yêu/ người yêu:

Mỗi lần làm thơ tôi lại như bắt đầu

Hơn mười năm làm thơ, tôi chưa rút ra kinh nghiệm

Như một người đang yêu, tôi chỉ biết

Tôi yêu. Tình yêu có kinh nghiệm gì đâu

và *“Một bài thơ hay như bóng dáng người yêu/ Càng lâu càng mơ, càng xa càng nhớ”*. Tế Hanh tự hỏi: *Tôi phải làm thế nào/ Khi tôi bảy, tám mươi tuổi người ta vẫn còn đọc thơ tôi*.

Có lẽ không ít người nghĩ đến điều đó nhưng chỉ duy nhất Tế Hanh thổ lộ trước chúng ta. Sự chân thành này nuôi sống thơ Tế Hanh. Hàng trăm năm sau người đọc vẫn sẽ nhớ đến những dòng thơ chân tình tha thiết, những nỗi buồn thương của Tế Hanh. Cái ánh ngọc dịu dàng ấy sẽ mãi lặng thầm tỏa sáng trong tâm hồn chúng ta.

Ta sẽ già từ đời. Thơ vẫn ở

Trong mùa xuân vĩnh viễn góp vui chung.

Các bác, các chú Khương Hữu Dụng, Yến Lan, Trinh Đường, Nguyễn Đình, Nguyễn Văn Bổng, Tế Hanh là bạn của ba tôi từ hồi

còn ở Văn Nghệ Liên khu 5. Khi tập kết ra Bắc, mối quan hệ này vẫn tiếp nối, thân tình, gần gũi. Ba tôi chuyên ngành Sân khấu, con của các bác các chú lại ít ai theo nghiệp cha. Vì vậy, tôi được các bác các chú để tâm dìu dắt. Bác Khương Hữu Dụng, chú Trinh Đường và chú Tế Hanh thường gặp gỡ, trò chuyện với tôi về Thơ, như với một người đồng nghiệp trẻ. Em trai của chú Tế Hanh, nhạc sĩ Thế Bảo là bạn thân của nhà tôi từ ngày nhỏ ở quê Bình Sơn, Quảng Ngãi. Mối quan hệ nhiều riêng mối này khiến chú cháu thân nhau hơn. Có lần chú đến nhà tôi ở khu tập thể Đại học Tổng hợp, phố Lò Đúc tặng tập *Thơ thiếu nhi* cho các con tôi. Tiếc là tập thơ đã bị thất lạc, trong tủ sách của chúng tôi chỉ còn lại *Tuyển tập Tế Hanh* in năm 1987 với lời đề tặng: *Tặng Ý Nhi, gửi Nguyễn Lộc của chú*. Năm 1974, sau một thời gian làm thơ, có thơ in nơi này nơi khác, tôi được chú Tế Hanh nhắn chọn thơ đưa tới nhà xuất bản Văn học- nơi chú đang làm việc. Sau này, thơ tôi và Lâm Thị Mỹ Dạ được in chung trong tập *Trái tim - Nỗi nhớ*. Nếu không có lời nhắn của chú, hẳn tôi không dám đem thơ đến một nhà xuất bản lớn như vậy. Tôi hiểu, ngoài sự quan tâm đến thơ trẻ nói chung, chú còn quan tâm đến đứa cháu cùng tên với người con gái đầu lòng, do hoàn cảnh chiến tranh, chú chưa được gặp. Sau ngày thống nhất đất nước,

chú vào Đà Nẵng. Vốn rụt rè, chú nhờ ba tôi đưa đến thăm gia đình cô Phụng và Ý Nhi. Ba tôi kể, suốt cuộc gặp gỡ, chú rất xúc động, gần như không nói được điều gì. Dịp khác, chú cùng vợ chồng Ý Nhi đến thăm ba mẹ tôi. Ý Nhi có đôi mắt đẹp giống chú.

Sau 1975, tôi về làm việc tại Nhà xuất bản Tác Phẩm mới, cùng ở trong số nhà 65 Nguyễn Du của Hội Nhà văn. Nhà chú ở Nguyễn Thượng Hiền, cùng khối nhà với cơ quan nên chú thường đi bộ đến Hội. Thỉnh thoảng chú lại ghé lên Nhà xuất bản, khi thì trò chuyện với Vương Trí Nhàn, Lại Nguyên Ân, khi thì trò chuyện với Xuân Quỳnh, Lê Minh Khuê, khi ghé vào phòng giám đốc, gặp Vũ Tú Nam, Nguyễn Kiên và thường ghé vào Phòng biên tập Thơ của tôi.

Câu chuyện của chú chỉ xoay quanh chuyện văn chương, mặc dù ở Hội Nhà văn lúc ấy có khối chuyện để người ta thì thầm to nhỏ. Có lần, chú đến chơi gặp lúc Nhà xuất bản đang họp (NXB thời kỳ này tập họp được một số anh chị em xuất sắc trong các lĩnh vực. Ai cũng lo làm việc, chẳng màng chuyện địa vị, chức tước... nên không khí rất vui). Tế Hanh kéo ghế ngồi cạnh Xuân Quỳnh và tôi - 2 tên đến trễ, ngồi bên ngoài, đang mải mê tán chuyện. Như mọi khi, chú chỉ ghé chơi, chẳng để tâm đến việc người ta đang bàn luận và biết vậy, mọi người vẫn tiếp tục bàn soạn công việc, tranh cãi, thảo luận, không

ngân ngại. Tế Hanh là vậy, thực thà, hiền hậu, mơ màng. Có lúc yêu một ai đó, Tế Hanh cũng chỉ biết làm thơ: *Em biết không giữa anh và em / Không nói được nhiều hơn là nói được*, cũng chỉ biết: *"Cùng đi một quãng nói bằng lặng im"*, cũng chỉ có thể *Thêm yêu Hà Nội vắng đầy cả em*". Mà nếu muốn tặng quà thì cũng chỉ có thể tặng em:

Mây nổi trên ngàn

Trăng phơi dầu bến, biển vang cuối bờ...

Tặng em thế kỷ chúng ta

Nỗi vui nổi khổ đều qua vội vàng.

Chẳng may, em bỏ ta mà đi thì đành tự an ủi: *"Mất người yêu ta còn lại tình yêu"*.

Nhưng chú đọc thơ thì thật tinh ý, thật nhạy cảm. Năm 1981, sau chuyến đi Tiệp Khắc, tôi in hai bài thơ trên báo Văn Nghệ. Gặp tôi trước cổng Hội Nhà văn, chú bảo: Hai bài đều khá nhưng chú thích bài *Một buổi chiều ở Praha* hơn. Chú bảo, chú cũng có viết về Praha nhưng đó là một Praha khác. Nghĩ một chút, chú nói thêm:

Mà cháu cũng khác rồi. Mãi sau này, khi đã qua một thời gian viết và chuẩn bị cho xuất bản *Người đàn bà ngồi đan*, tôi mới hiểu hết ý của chú. Quả thật, *Một buổi chiều ở Praha* là bài thơ mở đầu cho một giai đoạn khác của thơ tôi. Nhà xuất bản nhờ chú đọc giám định tập *Người đàn bà ngồi đan*. Chú gặp tôi, bàn bạc kỹ cách chọn bài và đề nghị rút

bài *Nguyễn Du*, 1813 ra khỏi tập. Tôi tiếc lắm nhưng vẫn làm theo vì biết chú lo cho tôi. Quả nhiên, khi bài thơ in trên Tạp chí Sông Hương, có người đã gọi bài thơ là, Ý Nhi, 1983, có ý cho rằng tôi có tâm trạng không tích cực... Khi tập thơ được nhận giải thưởng của Hội Nhà văn, với tư cách ủy viên Hội đồng Thơ, chú đã có bài viết nhận xét, đăng trên báo Văn nghệ, có tiêu đề **Sự hình thành một bản lĩnh thơ**. Chú cho rằng: “*sự phản ánh thực tại ở đây là tâm trạng của nhà thơ... tất cả là độc thoại... những cảm xúc nội tâm ấy được nâng lên trong một lối diễn tả mới mẻ. Ý Nhi thuộc vào lớp những nhà thơ đã đi xa cách diễn tả sẵn có từ phong trào thơ mới*”.

Hồi chú Tế Hanh bị đau mắt, tôi thường ghé qua nhà thăm cô chú. Chú buồn lắm vì đi lại khó khăn, và nhất là vì không được đọc sách. Tôi nhớ, ít nhất chú có 3 bài thơ liên quan đến sách: *Tình yêu của sách, Câu chuyện đọc sách, Cái tủ sách của cha tôi*. Chú từng viết:

*Có tập thơ dính đầy bụi bặm
Thời gian toan phủ một màu
quên*

*Có tập bị chuột ăn, gián gặm
Tôi tưởng chừng da thịt tôi rên...*

*Chỉ có sách: một niềm chung
thủy*

Sách chẳng bao giờ nở bỏ ta...

Vậy mà, oái oăm thay, đôi mắt đẹp của chú cứ ngày một mờ đi:

*Mắt anh không được như xưa
Nhìn đêm bờ ngõ, nhìn trưa*

bàng hoàng...

*Mắt em ngày trước hồ trong
Anh nhìn đôi lúc ngỡ vòng
sương rơi /*

Nói sao hết được em ơi

*Anh không thể bắt cuộc đời
đứng yên.*

Không thể đọc sách, không thể đi xa, chú thường đi quanh hồ Thiền Quang, cái hồ rất đẹp chỉ cách nhà chú vài trăm mét. Nếu như ngày trước:

*Tôi đi quanh hồ hàng nghìn
cây số*

*Bước tôi đi đo thử bước thời gian
Trong đời tôi những vui buồn
sương khổ*

*Hồ biết không, hơi hồ Thiền
Quang...*

Thì sau này:

*Đi dò dẫm bên hồ từng bước
Tôi thấy hồ như một khối mơ hồ
Tôi biết hồ nhờ nghe qua hơi
nước*

*Đi bên hồ như bước giữa hư
vô...*

Trên đường đến nơi làm việc, tôi thường nhìn thấy Tế Hanh bước chậm rãi quanh hồ, dáng phân vân, nghĩ ngợi. Hình ảnh đó đã gợi cho tôi viết bài thơ *Nhà thơ và cái hồ nhỏ* (xem bài trang 92). Tôi muốn dùng bài thơ để kết thúc bài viết về Tế Hanh, người từng đặt câu hỏi:

Đời tôi thực hay mộng

Đời tôi buồn hay vui♦

GHI CHÚ:

(*) Nhà thơ, TP. Hồ Chí Minh.

Tế Hanh và những ngày nghỉ học để trò chuyện cùng hoa

○ MAI BÁ ÁN*

1. Tế Hanh và “Những ngày nghỉ học”

“Những ngày nghỉ học” là thi phẩm đầu tay của nhà thơ Tế Hanh được chính thức công bố trên văn đàn vào năm 1938 - năm nhà thơ vừa tròn 17 tuổi (Tế Hanh sinh năm 1921). 17 tuổi đối với tuổi học trò bây giờ quả thật là còn khá ngây ngô, vậy mà mới 17 tuổi đầu, vào “Những ngày nghỉ học”, chàng trai Quảng Ngãi hiền lành ấy đã buồn bã lang thang ra sân ga để gửi nỗi buồn thương, u ẩn của lòng mình theo những chuyến tàu đi rồi đến, hòa nỗi đau riêng mình vào nỗi đau chung của những số phận người, của cả dân tộc trong những tháng năm u tối, bế tắc, đọa đày dưới chế độ phong kiến thuộc địa trước 1945. Có thể nói rằng, thơ ca lãng mạn 1930-1945 có rất nhiều nỗi buồn cá nhân, cô đơn, tuyệt vọng, lênh đênh... nhưng chàng học trò trẻ tuổi Tế Hanh lại thổ lộ nỗi buồn của lòng mình theo một cách khác. Càng đọc thi phẩm, tôi càng ngộ

ra rằng: nỗi buồn trong “Những ngày nghỉ học” của Tế Hanh là một “nỗi buồn lớn” không đơn thuần là nỗi buồn riêng phổ biến trong thơ ca của một thế hệ thơ thời ấy.... Xét thời gian sáng tác và bối cảnh bài thơ, ta dễ nhận ra cái sân ga trong bài thơ chính là ga Huế. Từ trường Quốc học ra ga Huế chỉ non nửa cây số, cho nên “Những ngày nghỉ học”, chàng học trò Tế Hanh lang thang ra sân ga cũng là chuyện bình thường. Nhưng tại sao lại ra sân ga mà không tìm đến một nơi nào khác, khi mà Huế là đất của rất nhiều thắng cảnh và di tích nổi tiếng! Sẽ có người bảo rằng: do sân ga là bối cảnh rất phổ biến trong thơ lãng mạn và tiểu thuyết Tự lực văn đoàn trước 1945 thì có gì đâu phải thắc mắc? Nào là “Bóng người trên sân ga” của Nguyễn Bính, cái ga xép eo sèo, đìu hiu trong truyện ngắn Thạch Lam, cả cái tiếng còi tàu u uẩn, nhiều cảm xúc cứ ám ảnh đi về trong tùy bút Nguyễn Tuân... Nghĩa là, cũng như

mùa thu, sân ga là một ám ảnh thẩm mỹ phù hợp nhất với tâm trạng và tâm thế sáng tạo của văn nghệ sĩ thời bấy giờ. Đúng là như thế, nhưng cũng không hẳn là như thế. Nếu Nguyễn Bình chỉ bất chợt đến sân ga để nhìn thấy, để chợt phát hiện ra: *Những cuộc chia lìa khởi từ đây / Cây đàn sum họp đứt ngang đây*” Thì Tế Hanh đến sân ga với tư thế hoàn toàn có chủ đích:

Những ngày nghỉ học tôi hay tới

Đón chuyến tàu đi đến những ga

Tôi đứng bơ vơ xem tiễn biệt

Lòng buồn đau xót nỗi chia xa

“Tôi hay tới” có nghĩa là khẳng định hành động thường xuyên của chủ thể “tôi”. Tới đó để làm gì? Để “đón chuyến tàu”. Như vậy mục đích của việc đến ga được xác định rất rõ ràng. Đây là một sở thích rất cá nhân vì chàng học trò Quảng Ngãi này đến ga chỉ có riêng mình chứ không phải đi cùng bè bạn. Cho nên “Tôi đứng bơ vơ xem tiễn biệt”. Như vậy là... một mình đến sân ga để “đón chuyến tàu”, để “xem tiễn biệt”, để rồi thấy: “Lòng buồn đau xót nỗi chia xa”. Chủ động đến để rồi cảm nhận vào lòng mình cả một trời buồn thương, chua xót, biệt ly. Thấy người ta chia tay nhau, tiễn biệt nhau đã dâng lên nỗi buồn đau, chua xót, có lẽ đây là tâm trạng chung của tâm hồn thi sĩ cho dù chưa hẳn trong rất nhiều những cuộc tiễn đưa kia chỉ toàn là những cuộc tiễn đưa buồn. Thế nhưng qua khổ thơ thứ

hai, ta nhận ra cái riêng của “nỗi buồn Tế Hanh”:

Tôi thấy tôi thương những chiếc tàu

Ngàn đời không đủ sức đi mau

Có chi vương vãi trong hơi máy

Mấy chiếc toa đầy nặng khổ đau.

Nếu ở “Bóng người trên sân ga”, Nguyễn Bình chỉ chú trọng đến những cuộc chia tay cụ thể và hòa nỗi buồn của mình vào những nỗi buồn đau cụ thể ấy (chia tay giữa hai mẹ con, hai người bạn gái, hai người yêu...) thì Tế Hanh lại thương một tình thương, đau một nỗi đau của cả một con tàu. Tại sao một phát minh vĩ đại của khoa học kỹ thuật tạo nên động cơ hơi nước để đẩy cả đoàn tàu chuyển bánh mà con tàu của nền văn minh kỹ thuật Pháp đưa vào Việt Nam lại không chạy nổi để Tế Hanh phải thương xót cho số phận của nó! Chỉ một điều đơn giản là vì: con tàu ấy chở trên những toa xe của nó không phải là hàng hóa vật chất mà các toa tàu chỉ chứa đầy “những nỗi khổ đau”. “Nỗi khổ đau” đè nặng khiến con tàu quần quai không thể chuyển bánh lao đi nhanh bởi trong “hơi máy” “vương vít” bao nhiêu niềm đau xót. Cứ thử làm phép so sánh đoạn thơ này với bài hát “Tàu anh qua núi” của Phan Lạc Hoa chúng ta sẽ cảm nhận rõ hơn về cái “nỗi đau lớn” ấy. Con tàu Việt Nam trong đêm trường nô lệ chỉ chở trên toa toàn “nỗi khổ đau” nên nó không thể nào chuyển bánh,

quay nhanh. Số phận con tàu cũng chính là số phận của một dân tộc với quần quai nổi đau mất nước, nổi nhục nô lệ. Không dừng lại ở đó, chàng học trò Tế Hanh lại nhận ra rằng: chính vì chở toàn “nỗi khổ đau” nên sự quần mình nặng nề khiến con tàu phát ra toàn những âm thanh chua xót, xé lòng. Khổ thơ thứ ba cũng bốn câu nhưng nhà thơ đã sử dụng năm từ tượng thanh để lột tả đúng nhất, sâu sắc nhất tiếng kêu đón đau của toàn dân tộc:

Bánh nghiêng lặn lặn quá nặng nề

Khói phì như nghẹn nỗi đau tê

Lâu lâu còi rúc nghe rền rĩ

Lòng của người đi réo kẻ về.

Không cần phải tốn công phân tích nhiều, bạn đọc thử lắng lòng để cảm nhận cái âm thanh dữ dội phát ra từ con tàu khi chuyển bánh sẽ thấy rằng những “toa tàu chứa khổ đau” kia nó nặng đến nhường nào. Nó khiến cho bánh tàu “nghiến” trên đường ray, khói “phì” lên đầy nghẹn ngào, uất hận, tiếng còi “rúc” lên nghe “rền rĩ” đình tai nhức óc, đó cũng chính là tiếng “réo” kêu thẳng thốt, đau thương của muôn muôn số phận người.

Đọc thơ Tế Hanh, ai cũng dễ nhận ra, thơ ông vốn rất nhẹ nhàng, giản dị, thật thà, trong sáng, nhưng cái khúc dạo đầu của chàng học trò 17 tuổi này quả là tiếng thơ của một nỗi đau dữ dội - một nỗi đau đời, một nỗi đau thời đại. Gọi cái buồn đau trong

bài thơ này là một “nỗi buồn đau lớn” chính vì lẽ ấy. Nhưng dù có quần quai, nặng nề thì cuối cùng tàu cũng chuyển bánh, rời ga, người đi đã ra đi, kẻ ở im lặng, lui thủi trở về với cõi lòng nặng trĩu nỗi vấn vương, nhớ thương tưởng chừng như ngập tràn lan tỏa cả một không gian rộng “mấy dặm trường” vì người đi mang nhớ thương đi, kẻ ở nặng lòng thương nhớ theo về làm nặng cả bước chân: *Kẻ về không nói bước vương vương / Thương nhớ lan xa mấy dặm trường*. Tàu đã chạy, kẻ đến tiễn đưa đã ra về, nhà thơ không còn có lý do ở lại nên cũng “lèo đèo” theo về sau những người đưa tiễn: *Lèo đèo tôi về theo bước họ / Tâm hồn ngơ ngẩn nhớ muôn phương*. Đó là cái “ngơ ngẩn” của “tâm hồn” chàng học trò 17 tuổi. Hai câu thơ kết nghe có vẻ ngu ngơ, nhưng kỳ thật, cái “nỗi nhớ người đi” (vì Tế Hanh đến sân ga không phải để tiễn đưa ai cả) cứ phủ ngập tâm hồn tác giả hòa cùng với nỗi buồn thương chung của đoàn người đưa tiễn, lan tràn nỗi nhớ đến “muôn phương”.

Hòa được nỗi đau riêng mình vào nỗi đau chung của phận con người, của cả một thời đại đen tối trong lịch sử dân tộc, khiến “Những ngày nghỉ học” của Tế Hanh buồn mà không hề bi lụy, không tự chôn mình trong nỗi đau tư riêng lẻ mọn phổ biến trong thơ ca lãng mạn lúc bấy giờ như Chế Lan Viên từng thú nhận: *Lũ chúng ta ngủ trong giường chiếu*

hẹp/ Giấc mơ con đè nát cuộc đời con. Có lẽ vì thế mà sau 1945, Tế Hanh đã đi thẳng đến với thơ ca cách mạng một cách nhẹ nhàng và gặt hái được nhiều thành công trong chặng đường thơ kế tiếp.

2. Tế Hanh vẫn trò chuyện cùng hoa

Giữa tháng 7/2008, trong lễ truy điệu ngày người anh cả thơ ca Quảng Ngãi - Tế Hanh từ giã cõi đời, nhà thơ Thanh Thảo đã khẳng định rằng: “Tế Hanh vẫn trò chuyện với dòng sông”. Vâng, thơ Tế Hanh trong vắt như sông quê - nơi tuổi thơ anh đã từng nô giỡn giữa dòng, thời đất nước cắt chia đã từng nhớ nhung cháy bỏng, thời thanh bình đã từng hoài vọng khôn nguôi... Nhưng ít ai biết rằng, Tế Hanh cũng là một hồn thơ ngập tràn hoa lá. Mà suy cho cùng, sông nước, lá hoa cũng chính là những biểu hiện của một hồn thơ bình dị, sáng trong, chân chất, hiền hòa như chính cuộc đời hiền hậu, sáng trong, khiêm nhường của anh vậy. Tôi cứ trộm nghĩ: có phải vì tập thơ đầu của anh mang tên *Hoa niên* chẳng mà đời thơ của anh rợp đầy sức xanh của cỏ, cây, hoa lá! Phải khẳng định thêm rằng, trong thơ Việt Nam, người viết nhiều nhất về cây, lá, hoa, quả có lẽ là Tế Hanh. Trong thơ anh, ta có thể chọn ra được cả một danh mục các loài hoa khá đa dạng và lý thú. Ở *Mùa Xuân nói chuyện hoa*, anh nói tới 12 loài: hồng hồng, hồng đỏ, hồng trắng, hồng vàng, cúc vàng, cúc trắng,

cúc tím, cúc xanh, đào phai, đào thắm, đơn ghép, đơn đơn. Trong *Hoa Đà Lạt*, anh chọn 03 loài tiêu biểu: Mimoda, hoa hồng và hoa đào. Rồi từ trong ngát ngây hương nhựa thông Đà Lạt, anh liên tưởng đến loài hoa Hot - tăng - xa màu xanh mà một nhà thơ nổi tiếng Pháp từng ca ngợi. Nghĩa là, từ bé thơ, khi trưởng thành, những năm đất nước cắt chia, máu lửa, cả trong ngày tháng thanh bình... khi trong nước, khi ở nước ngoài, nhìn đâu anh cũng thấy rợp trời hoa lá. Ngoài những loài hoa nở đột ngột ở từng câu riêng lẻ trong thơ anh (trên 30 loài hoa), riêng những bài về hoa cũng đã rất nhiều như các bài: *Hoa đào, Hoa sen, Mai nở hai lần, Hoa nở theo trăng (Quỳnh), Hoa phượng (2 bài), Hoa đồng tiền (Chuyện em bé cười ra hoa đồng tiền), Hoa giấy, Hoa hồng Bungary, Hoa báo mùa, Hoa xuyên tuyết, Hoa trắng (Trăng tàn), Hoa cỏ...* Vẫn biết, thống kê vẫn chỉ là những con số thống kê, song dù sao, con số ấy cho ta những liên tưởng thú vị về vị trí của Tế Hanh trong chủ đề hoa. Nhưng anh không phải là nhà thực vật học, cho nên qua hoa, anh gửi gắm nhiều suy nghĩ và tình cảm cũng như những triết lý thú vị về cuộc sống, nhân sinh. Bài *Mùa Xuân nói chuyện hoa*, sau khi kể về 12 loài hoa, anh kết luận:

Hoa cứ đẹp nhiều hơn

Nhờ bàn tay lao động.

Thử đi theo thứ tự thời gian các loài hoa xuất hiện trong thơ

anh, ta sẽ thấy tâm hồn anh quả là một vườn Xuân rộn rã lá hoa. Đó là đuốc phượng tươi như máu và chói đỏ niềm tin: *Ơi phượng! Người là cây đuốc sáng / Đốt đầy tin tưởng vọng lên không / ... / Cầu người hơi phượng, tươi như máu / Dâng sáng linh hồn, cánh dọn bay* (Phượng - 1944); *Phượng thay hoa mấy lần hồng mặt đất* (Bài thơ tháng Bảy - 1958); *Có phải hoa là hoa phượng ơ!* / *Tập trung cao nhất lòng yêu đời / Soi trời bó đuốc từ khi nở / Dệt đất, ra đi, tám thảm ngời* (Hoa phượng - 1969; *Lung linh hoa phượng kết bằng lưu ly* (Giấc mộng Xuân - 1985). Hôm chuẩn bị bàn thờ cho Lễ truy điệu Tế Hanh tại Quảng Ngãi, đang ở Đà Nẵng, nhà thơ Thanh Thảo điện về dặn chúng tôi là nhớ có một quả dưa hấu Bình Sơn quê Tế Hanh đặt trên bàn thờ. Chúng tôi đã mua đúng loài dưa hấu Bình Sơn. Nhưng nói về loài trái cây đặc sản để ăn, ai cũng thường nghĩ về trái, vậy mà Tế Hanh lại không quên cái thời quần quai làm hoa để kết trái của loài hoa dễ bị lãng quên này:

Đây nặng niềm xuân máu nhớ bông

Điểm thưa chòm biếc lá chen hồng

Nhị vàng giây phút âm dương gặp

Khao khát tình cây, ân ái nồng (Trái chín - 1944).

Trăng (Nguyệt) trong thơ xưa nay thường được ví với mặt người con gái hoặc nụ cười, nét

hiền dịu, khoan dung trên khuôn trăng (mặt) ấy, vậy mà Tế Hanh lại nghĩ trăng lại là hoa theo suy tưởng riêng mình:

Cánh bằng ngọc, sáng ngời màu ảo huyền

Nhị bằng vàng ẩn hiện bóng tơ giăng (Trăng tàn - 1944).

Mùa thu, xưa nay cũng thường đi cùng nỗi nhớ, chọn hoa cúc để nói về mùa thu là lẽ đương nhiên, nhưng cái cách nói về nỗi nhớ kiểu này thì hình như chỉ có Tế Hanh phát hiện: Hoa cúc vàng như nỗi nhớ day dưa... (Bài thơ tình ở Hàng Châu - 1956) và những Thiên trúc, Hoàng mai, Quế, Táo nở rộ quanh nhà Lỗ Tấn:

Hoa thiên trúc

Hoa hoàng mai

Và hoa quế hương bay man mác

Mảnh vườn xanh của tuổi nhỏ

thơ anh...

... Cạnh nhà Lỗ Tấn có hai cây táo

đã ra nụ ra hoa... và... Những vườn đào táo ngát hương thơm trên quê hương của đại thi hào nước Đức (Bài thơ về Gót). Hoa sen là loài hoa được nói đến quá nhiều trong thơ ca cũ mới, nhưng cách khái quát và những lời nhấn nhủ của Tế Hanh vẫn chứa bên trong nhụy sen bao niềm sâu kín: *Hai ta như sen mùa hạ, cúc mùa thu* (Vườn xưa - 1957, *Kết tinh đẹp nhất hoa ơ!* / *Cho ta nhấn gửi đôi lời với hoa* (Hoa sen). Bình sinh, Tế Hanh là người thơ giản dị giữa cuộc đời, vì lẽ đó, với cày, anh không chú ý đến vị đắng,

màu nâu, mà chỉ là những chùm hoa trắng khoe hương giữ núi đồi xanh thắm: *Đầu mùa hoa nở trắng cành / Hương thơm bay đầy vòng quanh núi đồi (Nông trường cà phê - 1958)*. Giã từ màu trắng hoa cà phê Tây Nguyên, anh lại đến với hoa Ban giữa điệp trùng Tây Bắc: *Chờ ai vấy vấy cánh hoa ban (Đến Mộc Châu)* và:

*Phan Đình Giót, Bế Văn Đàn
Mà tâm hồn trắng mãi với hoa ban...*

*...Giữa mùa ban nở trắng ngát
ngào hương*

*Ta sẽ cắm một cành hoa trên
đồi A1 (Thăm đồi A1-1959).*

Thăm Điện Biên Phủ lấy lòng rồi, anh lại về với chính hồn mình để tỉ tê cùng một loài hoa dại: *Tôi đi để mặc cỏ may / Hai bên bờ biếc găm đầy quân tôi (Mùa thu ở nông trường - 1962)*. Ai đã từng đến với vùng biển mới thấy giữa cát trắng chói chang kia cái lộng lẫy của màu hoa Tỳ Ngộ và cũng mới hiểu hết lòng yêu hoa của Tế Hanh bình dị đến nhường nào: *Nắng nghiêng xế bông hoa tí ngọ / Đã khép môi bé nhỏ hồng hồng (Thăm nhà người đánh cá - 1963)*. Còn niềm yêu hoa Mai thì trải dài suốt cuộc đời anh từ đóa Mai những ngày gian khổ chiến tranh đến những đóa Mai xuân hòa bình nở như tầng gấp đôi sức lực:

*Nhớ cái tết bên đường mai nở
Hai đứa chia nhau mấy củ
khoai lang (Gửi bạn - 1963),*

*Trong tay cầm nhành mai rừng
Về thăm mảnh đất Miền Nam*

của mình (Qua những dòng sông hòa bình - 1973) và: Có phải vì vui quân giải phóng / Quá xuân mai lại nở hai lần (Mai nở hai lần). Cùng nỗi niềm đón ngộ hoa Mai của Cao Chu Thần thi sĩ: *Suốt một đời đứng thẳng / Chỉ cúi trước cành mai (Cao Bá Quát)*. Đã là nhà thơ của những loài hoa, ắt nói về Mai, Tế Hanh chẳng thể quên Đào: *Giữa rừng núi Sơn La bóng Tô Hiệu vấy hoa đào (Mẹ đi - 1965)*, *Suốt năm hoa hời đi đâu? / Bây giờ nở rộ bắt đầu xuân sang (Hoa đào)*. Rồi thì Hoa dâm bụt: *Mỗi năm xuân đến về quê tết / Dâm bụt quanh nhà hoa nở son (Mẹ có nghe thơ con - 1966)*. Hoa báo mưa: *Góc sân, ánh nắng như lưu luyến / Dừng lại bên cành hoa báo mưa (Hoa báo mưa)*. Hoa hồng: *Tặng cô hai đóa hoa hồng / Bài thơ thỏn thức từng dòng ngọc sa / ... / Hoa hồng hai đóa còn y / Giếng xưa nước vẫn thâm thì giọt tuôn (Giếng nước mắt - 1969)*. Hoa tuyết (Liên Xô): *Những hoa tuyết trên đường bay lấp lánh / Hơi như sương nhỏ giọt thăm thì (Lênin và bản nhạc Bet tô ven - 1967)*. Hoa nhãn: *Mẹ theo đội gái đi trông nhãn / Khóm nhãn ra hoa đã mấy mùa (Cây Bác Hồ - 1970)*. Hoa Phia - bióc: *Hoa Phia - bióc tỏa mùi hương lưu luyến / Con chim ri nhảy nhót chuyện cành (Pác bó - 1970)*. Hoa cẩm chướng: *Một cành cẩm chướng thắm trên tay / Tôi cúi trước Nadim Hít mét (Thăm nghĩa trang danh nhân... - 1973)*. Xem Quỳnh nở dưới trăng,

ai cảm được hoa sẽ thấy lằng lằng một nỗi mơ hồ, Tế Hanh nói hộ cảm giác ấy cho ta thật rõ, rằng: Quỳnh và Trăng đều đẹp, hai vẻ đẹp lẫn lộn, bổ sung nhau tạo nên một vẻ riêng của một rạng rỡ huyền bí giữa đêm khuya:

*Trên hoa trăng sáng một vùng
Dưới trăng hoa nở bừng bừng
nhụy bông*

Hoa là trăng đậu cành cong

*Hoa là trăng ngự trời trong
ngồi ngồi (Hoa nở theo trăng - 1973).*

Rồi thì Hoa lựu: *Chỉ còn cây lựu già/ Từ thời ông để lại/ Đỏ chói một chùm hoa (Vườn cũ - 1975).* Hoa Lila bên vườn Púskin: *Nở từng chùm trắng tím/ Hoa lila ngát cành (Theo dấu Puskin - 1977).* Hoa bằng lăng: *Cây bằng lăng hoa tím tiễn xuân đi (Hồ Thuyền Quang - 1978).* Hoa hoàng lan, Hoa sữa: *Hoàng lan, hoa sữa thơm lừng không gian (Nhớ về Hà Nội hôm nay - 1979).* Hoa phong lan: *Hương phong lan trong giấc ngủ ngọt ngào (Trường Sơn - 1979).* Hoa cỏ: *Tôi là hoa cỏ/ Mọc giữa bụi bờ/ Cùng anh muốn tỏ/ Những lời đơn sơ (Hoa cỏ).* Hoa xuyên tuyết: *Tìm màu trắng tuyết, nhưng không thấy/ Chỉ thấy quanh mình màu trắng hoa (Ba Lan - 1984).* Hoa giấy:

Hoa giấy màu gì tôi không rõ nữa

Có lúc vàng như mặt trời treo trước cửa

Có nhiều đêm tôi lại thấy màu xanh

như ánh trăng lấp lánh sau cành (Hoa giấy - 1985).

Hoa bưởi: Hoa bưởi hai mùa/ Chị sinh một bé/.../ Hương bay thơm ngát/ Cây bưởi sau nhà.... Và loài hoa tôi dành ở cuối cùng ta quen gọi là bông vì nó vừa là thời hoa vừa là thời hạt: *Cây lúa ngoài đồng/ Trổ bông trĩu hạt...*

Vâng! Chắc chắn là chưa thể kể đầy đủ về những loài hoa trong thơ anh vì ở bài viết này, tôi chỉ chọn trong Tuyển tập thơ Tế Hanh. Nhưng thôi, hoa xuân của Tế Hanh nhất định sẽ tồn tại mãi cùng thời gian, tồn tại mãi cùng thơ ca và vĩnh viễn nở tươi trong lòng bạn đọc các thế hệ. Đến 20/6/2021 này, Tế Hanh tròn tuổi 100 và ngày 16/7/2021 đến cũng là ngày kỷ niệm 12 năm anh vĩnh viễn về với thế giới người hiền. Anh ra đi nhưng tâm hồn bao la, tươi tắn của một người thơ sẽ luôn luôn “một cõi đi về”. Và có lẽ xin được kết luận bài viết nhân này bằng hai câu thơ bất tử về hoa, về người, về đời và về tình nữa... của anh:

*Ngàn năm sau.. chỗ đôi ta
yêu nhau... có lẽ lá hoa mọc
đây (Không đề)♦*

*Quảng Ngãi,
những ngày tháng 5/2021*

GHI CHÚ:

(*) TS, Nhà văn, Chi hội Nhà văn Việt Nam tại Quảng Ngãi.

Sông trong thơ Tế Hanh

○ NGUYỄN ĐÌNH VINH*

Năm 1941 trong cuốn Thi Nhân Việt Nam, nhà phê bình Hoài Thanh có viết “Tế Hanh còn trẻ lắm và cũng mới bước vào làng thơ, chưa có thể biết rõ con đường người sẽ đi”. Giờ đây sau mấy mươi năm nhìn lại, chúng ta có thể nói một cách mạnh dạn rằng Tế Hanh đã tự khẳng định được tài năng của mình và có một vị thế đáng kể trong nền thơ hiện đại Việt Nam.

Tế Hanh sinh ra và lớn lên ở một cù lao trên sông Trà Bồng, mảnh đất miền Trung - Quảng Ngãi. Quê anh đất cằn cỗi, quanh năm chỉ có gió và cát. Thế nhưng chính vùng đất này đã nuôi dưỡng tâm hồn và tạo nguồn cảm hứng bất tận - vùng đất đẹp và đầy thơ mộng trong thơ anh, nhất là thời gian Tế Hanh phải xa quê. Người ta thường nói đến Tế Hanh với tư cách là nhà thơ của Quê hương. Điều đó có lý của nó. Bởi trước hết, Tế Hanh có thể là nhà thơ nhiều lần nhất sử dụng từ “quê hương” (có tác phẩm từ “quê hương” được ông sử dụng đến hàng chục lần). Rồi những con đường, những cánh

đồng, một bức họa làng quê... cứ hiện rõ lên ngôn ngữ, vừa là chất liệu, vừa là mạch nguồn quan trọng cho dòng chảy của thơ anh. Riêng tôi, cứ mỗi lần đọc và nghĩ đến cảnh vật được nói đến trong thơ Tế Hanh, tôi lại nhớ đến lời nhận xét của Chế Lan Viên “... nghĩ đến anh, tôi vẫn nghĩ đến cảnh êm đềm của những con sông.” Quả thật, mọi sự so sánh đều khập khiễng, mà ở đây lại là lĩnh vực thơ ca, nhưng có một điều chắc chắn rằng Tế Hanh là nhà thơ có nhiều bài thơ hay viết về những con-sông-quê-hương.

Sông trong thơ Tế Hanh hiện lên cả trong sự hoài niệm, trong thực tại và trong những nỗi niềm mơ tưởng. Nó vừa mang hơi thở của thiên nhiên vừa mang hơi thở của hồn người. Nó không đứng yên, bất động mà trái lại luôn cuộn chảy, thay dòng. Không phải theo mùa con nước mà là sự thay đổi của lịch sử, của dân tộc. Có lúc con sông như là một nét vẽ cuối cùng trong một bức họa làng quê để điểm tô thêm cho cái buồn tiêu điều, ảm đạm:



Sông Trà Bồng chảy qua quê hương nhà thơ Tế Hanh.

(Ảnh: Đăng Lâm)

*...Và con sông âm thầm trong
giấc ngủ*

*Về mô côi của một xứ buồn
tênh*

Rồi có lúc, con sông lại là điểm
nối kết cho mạch hồn dân tộc.
Còn nhớ con sông Hiền Lương
trước kia dân ở hai bên “chống
cửa gươm tay chừng vớ” thì
đến ngày phân chia giới tuyến
lại là dấu tích của sự chia cắt.
Nhưng dưới mắt Tế Hanh, Hiền
Lương lúc này vẫn là con sông
của đất Việt, con sông của niềm
yêu thương ngàn đời:

*Có người xuân về xanh bờ Bắc
Nhớ thương ai mong đợi bờ Nam
Nhìn sông thấy bóng thương
yêu vầy*

*Nước chảy xuôi dòng bỗng
chảy ngang*

(Nước chảy ngang)

Nước chảy ngang theo hồn

người và con sông vẫn nằm trong
một thể, thể tổng hòa của sông
núi quê hương:

*Trời vẫn xanh một màu xanh
Quảng Trị*

*Tận chân trời mây núi có chia
đâu*

(Nói chuyện với Hiền Lương)

Tôi vẫn mừng tượng ra cảnh
anh đi qua những con sông, đưa
mắt nhìn theo dòng chảy và đắm
chìm hồn mình để rồi những con
sông cứ bám víu lấy anh, cuộn đầy
kỷ niệm. Còn nhớ tháng 2 năm
1973, anh vào tuyến đầu Quảng
Trị, đi qua những con sông quen
thuộc: sông Gianh, sông Hiếu,
sông Hiền Lương trong cảnh hòa
bình vừa lập lại, anh thấy sông
như vui cùng người:

*Sông Hiền, sông Hiếu, sông
Gianh*

Xôn xao khúc hát hòa bình

sóng reo

(Qua những dòng sông hòa bình)

Anh vui cùng sông và sông
như người bạn thân hữu để anh
bộc lộ những nỗi niềm riêng,
có thể là nỗi niềm về thăm lại
quê cũ, được gặp mẹ, gặp bà con,
được thấy cảnh đổi thay của quê
hương trong ngày mới:

Khi xa nhau mắt tôi đen xanh

*Nay trở lại nửa mái đầu
nhuốm bạc*

*Nhưng hình bóng con sông thì
chẳng khác*

*Vẫn một dòng sông xanh mát
dịu dàng trôi*

(Trở lại con sông quê hương)

Cũng có thể nói không quá
rằng khi viết về những con sông
Tế Hanh luôn gửi vào đó nỗi
niềm tha thiết với quê hương,
với miền Nam trong những ngày
xa cách, với mạch chảy của hồn
dân tộc. Bởi vậy mà có lúc sang
thăm nước bạn Hungary và có
dịp ngắm dòng sông Đa-nyúp,
nhà thơ lại nhớ ngay đến con
sông Hồng quen thuộc:

*Sông Đa-nyúp như sông Hồng
bạn nhỉ*

Trong từng lời sóng vỗ có thơ ta

(Bên bờ sông Đa-nyúp)

Điều làm thơ về sông của Tế
Hanh vẫn còn trẻ mãi, người đọc
tiếp xúc với nó vẫn thấy luôn luôn
mới là do nhà thơ viết rất thật và
bằng một cảm xúc dạt dào, mãnh
liệt. Tế Hanh như phả hồn, như
tâm tình, như thủ thủ với dòng
sông. Do đó có lúc con-người-thơ
Tế Hanh và dòng sông như hòa

quyện làm một. Anh coi sông như
một người bạn cố tri:

Hiền Lương ơi!

Lần thứ hai tôi đến

... Nhà thơ ơi!

Lần thứ hai anh đến

Bốn năm qua

Như lúc gặp ban đầu

(Nói chuyện với Hiền Lương)

Dấu ấn của điều này được thể
hiện rõ nét hơn nữa trong Nhớ
con sông quê hương mà đặc sắc
nhất là hai câu đầy tính gợi:

Tôi đưa tay ôm nước vào lòng

Sông mở nước ôm tôi vào dạ

Ở nước Việt này, trong tim mỗi
người dân, ai cũng có hình bóng
một con sông quê nhà. Con sông
của tuổi thơ tắm mát, con sông
gắn bó với bao kỷ niệm cuộc đời,
con sông của tình yêu quê hương
đất nước. Chính vì thế mà bao thế
hệ độc giả khi mở những trang thơ
của Tế Hanh trong đó có những
tác phẩm viết về sông lại thấy có
bóng mình và ai cũng có quyền
ngâm khê: Quê hương tôi có con
sông xanh biếc... Bởi vậy mà Tế
Hanh, bên cạnh hạnh phúc của
riêng mình là đã tạo dựng được
những-dòng-sông-thực-trong thơ
còn có nguồn hạnh phúc khác
lớn hơn rất nhiều, đó là nguồn
hạnh phúc được mang lại từ
những-dòng-sông-đồng-vọng-nơi
miền độc giả♦

GHI CHÚ:

(*) Tiến sĩ, Ban Tuyên giáo
Thành ủy Đà Nẵng.

Thơ tình Tế Hanh, đọc lại

○ VĂN GIÁ*



Trong suốt dọc đường thơ của mình, nhà thơ Tế Hanh để lại tổng cộng 15 tập thơ (trong đó có tập cuối cùng chưa in thành tập riêng, nhưng đã kịp đưa vào *Tuyển tập Tế Hanh*, Nxb Văn học, 1987. Tuyển tập thông thường được hiểu là một tập hợp các tác phẩm tiêu biểu của một nhà văn nào đó do một (hoặc một nhóm) người làm công việc tuyển chọn theo quan điểm nhất định.

Về sự nghiệp thơ của nhà thơ Tế Hanh cả trên cấp độ tổng quát và cấp độ bộ phận đã có

khá nhiều bài tiểu luận nghiên cứu, phê bình, ghi nhận những đặc sắc và đóng góp của nhà thơ vào nền thơ Việt Nam hiện đại.

Riêng tôi cho rằng, xét trên đại lượng lớn, tầm vóc sự nghiệp của nhà thơ xứ núi Ấn sông Trà này chưa thể gọi là thật lớn, nhất là khi so với các nhà thơ cùng thế hệ. Tuy nhiên, rất lạ, trong một kích cỡ tưởng chừng khiêm tốn ấy, ở một góc/ mảng nào đó nhà thơ lại có những tiếng nói xuất sắc, đến mức không thua kém với bất cứ nhà thơ nào: tôi muốn nói tới mảng thơ tình của Tế Hanh. Có nhiều người khẳng định, nếu chọn một tuyển thơ tình tinh hoa thơ Việt Nam hiện đại thế kỷ 20 theo một tiêu chuẩn mỹ học khắt khe nhất, không thể không chọn thơ Tế Hanh.

Tôi ngồi tỉ mẩn làm công việc thống kê trong *Tuyển tập Tế Hanh* (đã dẫn trên kia), để có được số lượng bài thơ tình tổng cộng 35/258 (không kể các bài viết cho thiếu nhi). Với con số này, có thể tách ra đủ để có một tập thơ tình Tế Hanh xinh xắn và chất lượng.

Nếu ai từng đọc thơ Tế Hanh có hệ thống, sẽ thấy một motif chủ đạo, có tính xuyên suốt, quán xuyên toàn bộ thi cảm nhà thơ, đó là nỗi cách xa. Sự xa cách này như một ám ảnh, phát tán ra khắp các chủ đề như làng quê, chiến đấu, xây dựng, tình bạn, tình yêu lứa đôi gắn liền với các không gian: làng - muôn phương, Nam - Bắc, trong nước - ngoài nước, ở đây - nơi xa... Và thật lạ, chỉ khi nào, mỗi câu thơ/ bài thơ gắn với motif chia xa này mới có thể trở nên xuất sắc.

Điều này có thể giải thích được phần nào, căn cứ vào tiểu sử của nhà thơ. Ngay từ thuở hoa niên, nhà thơ đã ra theo học ở Huế (1936), năm 1943 ra Hà Nội học trường Luật, sau rồi bỏ học trở lại Huế cho đến năm 1945 tham gia tổ chức Văn hóa cứu quốc; sau đó suốt 9 năm ròng tham gia kháng chiến khắp miền Trung Nam Bộ; 1954 tập kết ra Bắc, và đến sau 1975 mới được trở lại thăm quê... Như vậy, ngay từ lúc 15 tuổi, chàng thiếu niên đã phải sống trong xa cách với gia đình, quê hương; và cuộc xa cách ấy kéo dài cho đến hết đời.

Tuy nhiên, việc phải sống xa nhà xa quê từ tuổi hoa niên như nhà thơ Tế Hanh thì không ít người cũng từng trải, và cũng đều ít nhiều có cảm xúc ngậm ngùi. Nhưng khác với họ, chỉ có ở Tế Hanh, nỗi cách xa, chia ly, tiễn biệt với các biến thể của nó mới chụm lại, tập trung và

kết tinh sâu đậm trong hồn thơ này. Chỉ có ở Tế Hanh, cách xa mới trở thành một ám ảnh, mới trở thành nguồn cảm hứng thi ca một cách thường trực trong sáng tạo thơ của ông. Điều này có thể giải thích thêm bằng một điều phi luận lý rằng do cái tâm thể, cái tông tạng của nhà thơ mà thành vậy. Hay cũng có thể do sự “đầy ải” bí ẩn và không kém phần kỳ diệu của con Tạo đối với bản mệnh thi sĩ đã bắt Tế Hanh suốt đời sống cùng với những cách xa? Và như vậy, những bài thơ tình của ông cũng bị phủ trong từ trường đó, cũng toàn những cách xa, tiễn biệt, ngóng trông...

Trong tình yêu lứa đôi, có một dấu chỉ để xác nhận tình yêu đúng là tình yêu, không gì khác hơn là nỗi nhớ. Nhớ chính là yêu. Còn nhớ là còn yêu. Hết nhớ tất hết yêu. Nhặt phai nhớ cũng là lúc tình yêu phai nhạt. Nỗi nhớ trong tình yêu như là năng lượng, là máu, là nguồn sống nuôi dưỡng tình yêu vậy. Thơ Tế Hanh biểu đạt một nỗi nhớ trong tình yêu khá sâu, đa dạng. Có khi là những chiêm bao, những giấc mơ, những mơ vờ; và nhiều khi là nỗi nhớ trực tiếp, cụ thể, hiện sinh trong từng giây phút sống.

Ngay từ tháng 5-1956, nghĩa là mới sau chưa đầy một năm nhà thơ tập kết ra Bắc, sống trong nỗi cách xa, nhà thơ đã có bài thơ “*Chiêm bao*” xuất sắc:

“Chiêm bao bình tĩnh thức / Biết là em đã xa / Trên tường một tia nắng / Biết là đêm đã qua”. Bài thơ có ba khổ, chỉ khổ thơ đầu mới làm nên hồn vía và vẻ đẹp của bài thơ này; chỉ cần khổ thơ này thôi đã hội đủ trọn vẹn cả chiều sâu tâm tình và nỗi nhớ của chủ thể trữ tình; cũng chỉ 4 câu này thôi đã đủ đứng thành một bài thơ độc lập. Cái “tia nắng” trên tường ấy đã như một tín hiệu lấp lánh để nói về một tình yêu sâu nặng của đôi người trẻ tuổi ấy.

Khi đang ở Hàng Châu, sống trong nỗi nhớ dào dạt, người thơ nhìn mùa thu Hàng Châu bằng một cái nhìn của người đang yêu, rất đôi tình tứ: *“Mùa thu đã đi qua còn gửi lại / Một ít vàng trong nắng trong cây / Một ít buồn trong gió trong mây / Một ít vui trên môi người thiếu nữ...”*, theo đó thấy: *“Lá phong đỏ như tình yêu rực cháy / Hoa cúc vàng như nỗi nhớ day dưa”* (Bài thơ tình ở Hàng Châu). Đừng ai nghĩ đó là những câu thơ phong cảnh. Không, nó chỉ là phong cảnh bề ngoài. Còn bên trong là ăm ắp nỗi nhớ của lòng trai đang yêu. Đó là những câu thơ thuộc về thơ tình. Có phải cũng chỉ viết trong xa cách mới có được những câu thơ trác tuyệt như thế?

Như trên đã nói, nhiều bài thơ được cất lên khi chủ thể trữ tình sống trong nỗi nhớ do những cách xa. Có lẽ những người từng đọc thơ Tế Hanh

khó có thể quên được hai bài thơ xuất sắc thuộc dạng này: *Bão*, *Hà Nội vắng em*. Trường hợp thứ nhất đã làm tốn giấy mực không ít của những người yêu thơ. Bài thơ khởi lên từ một cái tứ rất chặt: cơn bão thiên nhiên và cơn bão lòng; trong cơn bão thiên nhiên đôi người còn bên nhau, chăm sóc nhau; sau đấy cơn bão tạnh, tưởng bình yên, nhưng cơn bão của nhớ nhung ập đến do đôi người phải chia xa: *“Và cơn bão lòng anh thổi mãi”*. Bài thơ sống động trong từng hình ảnh, ngôn từ, kiệm lời mà “thổi mãi” vào lòng bạn đọc từ bấy đến nay, không dứt... Trường hợp thứ hai, nỗi nhớ êm ả, hiền lành hơn, nhưng cũng không kém phần sâu sắc, “đây đưa”: *“Anh theo các phố đó đây / Thêm yêu Hà Nội vắng đầy cả em”*. Một cách nói thoát đọc tưởng rất đôi mộc mạc, thật thà; hóa ra không phải, “vắng đầy cả em” là một sáng tạo đột xuất, có tính lạ hóa, khiến câu thơ gây ấn tượng, khứa vào ký ức người đọc. Bài thơ chọn lối thơ lục bát, nhịp nhàng, nhuần nhị suốt bài, bỗng câu cuối đột ngột, gây sửng sốt, biểu đạt một cảm xúc yêu nặng và đầy. Nếu chỉ được chọn một bài thơ tình xuất sắc nhất của Tế Hanh làm đại diện, có lẽ rất dễ xảy ra xung đột khi phải chọn một trong hai bài này.

Ngoài những cảm xúc có tính chất trực tiếp, bộc phát trước một cảnh huống nào đó, đôi lần



Đêm thơ - nhạc kỷ niệm 95 năm ngày sinh nhà thơ Tể Hanh. (Ảnh: Tuấn Vũ)

Tể Hanh cũng hướng vào suy tưởng, mặc dù đây không phải là thế mạnh của ông. Loại thơ này có thể vẫn xuất phát từ tình thế thực tại, tuy nhiên không dừng ở đó, mà chỉ lấy đó làm nguyên cơ, vượt lên để biểu đạt những ý niệm, ý tưởng có tính phổ quát. Cái hay của dạng thơ này chỉ có thể đạt được khi có sự hòa trộn nhuần nhuyễn, tới độ tự nhiên của những ý tưởng khái quát và những hình ảnh, chi tiết trực quan. Dưới đây là một thành công đột xuất của nhà thơ:

*“Em gần gũi, em xa xôi
Sao em như thể chân trời
trước anh?”*

*Đưa tay tưởng với được tình
Bước đi tới mãi mà mình vẫn
xa”*

(Em gần gũi em xa xôi)

Hình ảnh “chân trời”, một hình dung về người con gái mà mình hướng tới; chân trời thì vừa hấp dẫn, mời gọi, vừa vô định, xa xăm... Động từ “với” có tính tình thái, chỉ một ý chí, chạy theo, rượt đuổi, chấp chơi, như có như không, nhờ vậy, câu thơ có hình hài, sống động. Thì ra, tình yêu đơn phương muôn đời vẫn thế, vừa mê đắm, vừa vô vọng, tuyệt vọng. Cũng là một nỗi khổ của giống người.

Quan sát khu vực thơ tình trong nền thơ hiện đại (một cách nói mang tính ước lệ nhằm chỉ quãng từ sau 1945 đến những năm 80 của thế kỷ 20), thấy có hai ngã rẽ: *thứ nhất*, thơ tình có sự kết hợp giữa tình riêng và tình chung, tình đôi lứa với tình cộng đồng, Tổ quốc; và *thứ hai*,

thơ tình được là thơ tình đúng nghĩa. Hầu hết các nhà thơ của một thời văn học cách mạng ở phía Bắc đều có cả hai dạng thơ này. Nếu chỉ làm thơ tình như là thơ tình, rất dễ bị quy là chủ nghĩa cá nhân tiểu tư sản. Cho nên, để tồn tại được, các nhà thơ phải hợp thức hóa bằng cách ở một số bài thơ tình có chêm xen vào tình cách mạng, tình kháng chiến; còn một số đứng riêng, độc lập để trở thành thơ tình thuần khiết. Từ Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, cho đến Quang Dũng, Nguyễn Đình Thi... rất nhiều, trong đó có Tế Hanh đều đi theo cách thức này. Tuy nhiên, vẫn cứ cần ghi nhận ở dạng thơ tình có sự chung sống giữa tình riêng và tình chung thì có lẽ không phải tất cả là đều kết quả của một “chiến lược diễn ngôn”, mà cũng có khi là kết quả của một tình cảm và niềm tin chân thành, bởi khung diễn ngôn thời đại đã chi phối, quy định nên như vậy. Trong khổ thơ “*Ban ngày công tác bạn / Ban đêm dành nhớ em / Ban ngày ở miền Bắc / Ở miền Nam ban đêm*” (Chiêm bao), chỉ một từ “công tác” thôi đã là một tín hiệu ngôn ngữ cho thấy cả một diện mạo xã hội thời chiến lúc bấy giờ. Bài thơ có được sự thành thật của một người trai - cán bộ. Từ “công tác” này còn thấy trở lại một lần nữa trong *Vườn xưa*, một bài thơ tình cũng khá đặc sắc của Tế Hanh.

Cho đến bây giờ, tôi hoàn toàn có thể khẳng định rằng trong số những bài thơ thành công nhất của Tế Hanh, thì phần lớn thuộc thơ tình. Nói ra điều này, có thể ai đó không hài lòng, thậm chí dễ quy kết. Nhưng ở mảng thơ ngoài thơ tình, những bài thơ thuộc đẳng cấp *Quê hương*, *Lời con đường quê*, *Những ngày nghỉ học* (trước 1945), *Liều*, *Nhớ con sông quê hương*, *Vườn xưa*, *Nông trường cà phê*, *Đến Mộc Châu*, *Kinh nghiệm làm thơ 1, 2* (sau 1954) chiếm số lượng hơi khiêm tốn, ít hơn những bài thành công ở mảng thơ tình.

Tôi vẫn cứ cả quyết rằng, phần thành công nhất trong sự nghiệp của nhà thơ Tế Hanh thuộc về mảng thơ tình. Không thế, làm sao có được nhiều bài thơ tình xuất sắc đến vậy. Không thế, làm sao có được những câu thơ tình xuất chúng: “*Chắc gì mắt em như lá liễu / Đã cắt lòng anh một nét dao*” (Liều); “*Anh yêu em như người vào bữa tiệc / Uống cốc rượu đầy không nghĩ đến khi tan*” (Anh yêu em)... Nhờ thế, hồn thơ Tế Hanh mãi thuộc về tuổi trẻ, thuộc về những giá trị nhân bản phổ quát♦

Hà Nội, ngày 22/5/2021

GHI CHÚ:

(*) PGS,TS, Nhà văn, Giảng viên Học viện Báo chí, Tuyên truyền.

Tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh

○ TRẦN HOÀI ANH*

1. Không phải ngẫu nhiên khi suy niệm về tình yêu quê hương, Lacordaire đã xác quyết: “Phát xuất từ chủng tộc và quốc gia tính, lòng yêu quê hương nảy sinh trong lòng người. Nó là tâm tình sâu thẳm được nuôi dưỡng bằng lịch sử của quá khứ và kỷ niệm của cuộc sống cá nhân. Nơi đó tập trung hết những gì ta đã thấy, đã làm, đã sống từ những ngày lành của ấu thời đến những xao động của thời lão thành và đến những viễn tượng của mờ mịt chúng ta”⁽¹⁾.

Quả thật, tình yêu quê hương là một tình cảm đặc biệt trong trái tim mỗi người. Quê hương, vì thế, bao giờ cũng là nơi lưu giữ những gì thiêng liêng nhất trong tâm thức con người suốt hành trình sống ở đời. Điều này, ta có thể tìm thấy ở tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh^(*) mà biểu hiện của tâm thức làng quê ấy chính là tình yêu tha thiết đối với làng quê mà thi nhân rất hạnh phúc,

tự hào, mỗi khi giới thiệu về quê hương mình:

“Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:

Nước bao vây cách biển nửa ngày sông

Khi trời trong gió nhẹ sớm mai hồng

Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang

Cánh buồm trương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...”

(Quê hương)

Quê hương hiện lên trong thơ Tế Hanh bằng những hình ảnh chân mộc, hồn nhiên đến lạ lùng, không hề có một chút “tô vẽ phần son”. Chính vì vậy, Thanh Lăng trong *Bảng lược đồ văn học Việt Nam (Quyển hạ) Ba thế hệ của nền văn học mới* (1862 đến 1945),

Nxb. Trình bày, 1967, đã xếp “Tế Hanh vào khuynh hướng các nhà thơ tả chân cùng với Anh Thơ, Bằng Bá Lân”⁽²⁾. Sự chân mộc ấy, phải chăng được kết tinh từ cuộc sống những người nông dân ở “làng chài lưới” quê ông. Vậy mà, khi đọc lên, không ai, lại không cảm thấy nao lòng khi nghĩ về làng quê của mình. Bởi lẽ, đã là người, ai cũng có một làng quê để chào đời, một làng quê để lớn lên và một làng quê để thương nhớ. Tất cả những điều ấy đã hội tụ lại và kết tinh thành tâm thức làng quê trong mỗi con người. Tâm thức làng quê ấy đã trở thành một sức mạnh tinh thần trong hành trình dựng nước, giữ nước và bảo tồn “giòng sinh mệnh văn hoá” dân tộc. Vì lẽ đó, dân tộc Việt Nam, có thể “bị mất nước nhưng không bao giờ để mất làng” và từ sự trường tồn của làng, chúng ta lại khôi phục lại đất nước. Bởi, nói như Eveque: “Chỉ có tình yêu quê hương có thể làm cho quê hương trường tồn”⁽³⁾. Làng quê, vì thế, không chỉ là nơi nuôi ta lớn khôn mà cũng là nơi để chúng ta tìm về sau những ngày tháng “phiêu linh” vì sinh kế trong cuộc đời trần thế.

2. Cách đây 100 năm, Tế Hanh đã cất tiếng khóc chào đời trên chính quê hương mình ở làng Đông Yên, phủ Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi và cách đây 12 năm, ông đã lặng lẽ đi sau một thời gian trọng bệnh, để trở về với cõi vĩnh hằng, ẩn náu trong “mảnh

hồn làng” mà ông đã ôm ấp từ những ngày còn “tuổi hoa niên”. Tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh, vì thế đã trở thành một phẩm tính trong hành trình sáng tạo thơ của ông, có khả năng diệu kỳ trong việc đánh thức tình yêu làng quê trong tâm thức người đọc.

Từ góc nhìn địa văn hóa, làng quê của Tế Hanh là một vùng sông nước nằm ven bờ hạ lưu sông Trà Bồng, con sông đã “tắm mát đời tôi”, như chính ông đã chia sẻ. Đây cũng là nơi tạo nên nguồn cảm hứng để thi nhân sáng tác những bài thơ nổi tiếng, ẩn chứa trong đó cái “hồn” của tâm thức làng quê mà hình ảnh sông nước quê hương đã trở thành một nổi ám ảnh của vô thức và tâm linh như một tâm thức hiện sinh theo suốt cuộc đời ông, kết tinh thành những dự phóng sáng tạo để cho ra đời những bài thơ đầy mỹ cảm văn chương, mà khi đọc lên lòng ta không khỏi rung rung, xao xuyến. Đó là những bài thơ đã trở thành tượng đài thơ ca khắc họa tâm thức làng quê trong tâm cảm người đọc như: *Quê hương*, *Nhớ con sông quê hương*, *Trở lại con sông quê hương*, *Bài thơ mới về con sông xưa...* Chính vì vậy, trong Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh, Hoài Chân đã không tiếc lời ca ngợi: “Tế Hanh là một người tinh lắm. Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy cả những điều

không hình sắc, không thanh âm như “mảnh hồn làng”, trên “cánh buồm giương”, như tiếng hát của hương đồng quuyến rũ con đường quê nho nhỏ. Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cái thế giới những tình cảm ta đã âm thầm trao cho cảnh vật...”⁽⁴⁾. Phải chăng cái “thế giới rất gần gũi” trong thơ Tế Hanh mà Hoài Thanh - Hoài Chân đã nói đến trong *Thi nhân Việt Nam* chính là cái hồn quê, tình quê da diết kết tinh thành tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh.

Là một thi sĩ vốn sống lặng lẽ, khiêm nhường nên điệu hồn trong thơ Tế Hanh luôn nhẹ nhàng, đầm thắm, đôn hậu, trong trẻo nhưng cũng không kém phần tinh tế và sâu sắc. Tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh, vì thế không bao giờ hiện hữu qua những hình ảnh thơ hoành tráng, mang tính ước lệ như một số nhà thơ cùng thời mà chỉ là những hình ảnh nhỏ nhai, gần gũi, thân quen với cuộc sống hằng thường, nơi một làng quê bé nhỏ, ở một vùng cù lao sông nước xa xăm với đồng ruộng, nương dâu mà ông luôn yêu quý:

*Làng ấy buồn ử rũ một bên sông
Hồn thương nhớ đắm chìm
trong dĩ vãng*

*Thuở phong lưu sắc trời đầy
tươi sáng*

*Tơ lụa vàng chói rạng khắp
bao thôn*

Dùoi trời xanh soi biếc cả tâm

hồn

*Dâu tắm tắm từ đồng ra đến bãi
(Một làng thương nhớ)*

Là hình ảnh những “con đường quê” oằn mình trong mưa nắng để chia sẻ những nỗi vui buồn, gian khổ, cơ cực của người nông dân một nắng hai sương quanh năm lam lũ ở một làng quê xa ánh sáng thị thành:

*Tôi con đường nhỏ chạy lang
thang*

*Kéo nỗi buồn không dạo khắp
làng*

*Đến cuối thôn kia hơi cỏ
vướng*

*Hương đồng quuyến rũ hát lên
vang*

(...)

Tôi trâu tẻ tái trong da thịt

*Hương đất hương đồng chẳng
ngọt tuôn*

(Lời con đường quê)

Là một khu “vườn cũ” với đầy ắp nắng trưa, phủ trên những mái ngói rêu phong chứa đầy bao kỷ niệm tuổi thơ mà giờ đây những hình ảnh ấy vẫn đọng lại trong tâm cảm thi nhân như một ký ức không thể mờ phai. Tâm thức làng quê, vì thế như một tiếng gọi thê thiết luôn hiện hữu trong huyết quản để nuôi dưỡng cái hồn/ tình quê nồng nàn trong trái tim thi sĩ:

Cánh cổng đi vào run rẩy đưa

Lối đi cỏ rậm phủ che vừa

Ngôi nhà mái cũ rêu in lớp

Hé bức rèm đơn đở nắng trưa

(...)

Nắng nhớ rưng rưng chớp lệ mờ

*Mây buồn đôi mảnh vẫn lơ thơ
Cỏ cây im lặng như từ thuở
Đôi lúa xa nhau vẫn đợi chờ*

(Vườn cũ)

Có khi là hình ảnh “cái ga tàu” lặng lẽ nơi phố huyện buồn xa vắng, đơn côi, khi chứng kiến bao cảnh tiễn biệt nơi sân ga. Để rồi với tâm hồn nhạy cảm của một thi nhân, Tế Hanh đã nghẹn ngào, xa xót...

*Tôi thấy tôi thương những
chiếc tàu*

*Ngàn đời không đủ sức đi mau
Có chi vương vãi trong hơi máy
Máy chiếc toa đầy nặng khổ
đau.*

(Những ngày nghỉ học)

Tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh, còn là hình ảnh ngôi trường làng bé nhỏ, ẩn mình lặng im, mà sau những tháng ngày xa cách, khi về thăm, thi nhân không khỏi chạnh lòng trước cảnh xác xơ của cái nơi đã từng ôm ấp bao kỷ niệm mộng mơ của tuổi học trò, giờ chỉ còn lại nỗi quạnh hiu làm tê buốt tâm hồn, khiến người thơ không khỏi bùi ngùi...

*“Hơn bốn năm trời trở lại đây
Trường ơi! Sao giống tấm thân
này?”*

*Mái hư, vách lở buồn xơ xác
Tim héo, hồn đau tủi đoạ đây.*

(Trường xưa)

Và sự hiện hữu của tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh, có khi chỉ là hình ảnh “Chiếc rổ may” đơn sơ, bình dị nhưng chất chứa trong đó biết bao yêu

thương của người mẹ, cả một đời chịu thương khó, hy sinh chính bản thân mình cho hạnh phúc những đứa con:

*Thuở bé nhiều hôm tôi bỏ chơi
Cảm thương đứng ngó mẹ tôi
ngồi*

*Vá bên chiếc rổ mùi thơm cũ
Như tấm lòng thơm của mẹ tôi
(...)*

*Mẹ ơi chiếc áo con đã rách
Con biết làm sao trở lại nhà
Để mẹ vá giùm? Con thấy lạnh
Gió lùa nổi nhớ thấm vào da
(Chiếc rổ may)*

Để rồi, tâm thức làng quê ấy lớn dần theo năm tháng, hằn sâu trong tâm cảm thi nhân, trở thành một dưỡng chất nuôi sống hồn thơ Tế Hanh và tạo nên một phẩm tính riêng có của thơ ông: *chân chất và thành thực, dào dạt và sâu lắng, tha thiết và ngọt ngào, trong trẻo và tinh tế*. Chính vì vậy, cho dầu sau này, khi nhà thơ đã bước “sang bờ tư tưởng” của một cuộc đời mới, không còn “vương vãi” nhiều với những buồn tủi, cô đơn của một “thời thơ thuở trước”. Nhưng không vì thế mà tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh bị biến đổi, trái lại, trong tâm thức làng quê ấy, vẫn còn đó niềm tin yêu với những nhớ thương, thao thức đến nghẹn lòng mỗi khi nhà thơ hồi tưởng về hình ảnh quê hương. Và lúc ấy tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh lại hiện lên với những cung bậc tình cảm mới: da diết và nhói đau. Bởi,

đây là thời gian nhà thơ phải ly hương “xa nhà đi kháng chiến”, để rồi sau đó phải sống dằn dặt xa quê với tâm trạng “ngày Bắc đêm Nam” trong hơn hai mươi năm, khi đất nước bị chia cắt.

Tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh lúc này gắn liền với những hồi ức, những hoài niệm nhưng đó là hoài niệm của một thi nhân đã trải qua một quá trình nghiệm sinh trong đời sống, không phải là hoài niệm của một thi nhân thiếu thời, trong sáng và hồn nhiên nên tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh lúc này cũng ẩn chứa sức nặng của những suy tư, ưu lo về lẽ sống không chỉ của riêng nhà thơ mà của cả đất nước, dân tộc. Vì thế, lúc này tâm thức làng quê hiện lên trong thơ Tế Hanh là hình ảnh một mảnh “vườn xưa” không chỉ có nắng trưa, có chim hót mà đó là một mảnh vườn cháy bỏng khát vọng tìm về trong khắc khoải nhớ thương đối với người mẹ mà tuổi già như một cánh cửa thời gian với những giới hạn đang từng ngày, từng giờ khép lại cuộc đời mẹ, mà hình ảnh người con ra đi kháng chiến vẫn cứ mờ xa trong nỗi chờ mong của mẹ:

*Mảnh vườn xưa cây mỗi ngày
mỗi xanh*

*Bà mẹ già tóc mỗi ngày mỗi bạc
Hai ta ở hai đầu công tác*

*Có bao giờ cùng trở lại vườn
xưa?*

(Vườn xưa)

Là hình ảnh “con sông quê

hương” như một biểu tượng thiêng liêng của tâm thức làng quê, cuộn cuộn chảy trong tâm khảm thi nhân, chuyên chở biết bao hồi ức, nhớ thương mà mỗi khi đọc bài thơ lòng chúng ta không khỏi cồn cào, se thắt khi nhớ về một dòng sông tuổi thơ nào đó!? Còn đây là hình ảnh “con sông quê” trong tâm thức Tế Hanh:

*Quê hương tôi có con sông
xanh biếc*

*Nước gương trong soi tóc những
hàng tre.*

*Tâm hồn tôi là một buổi trưa
hè,*

*Toả nắng xuống lòng sông lấp
lóang.*

*Chẳng biết nước có giữ ngày,
giữ tháng*

*Giữ bao nhiêu kỉ niệm giữa
dòng trôi?*

*Hỡi con sông đã tắm cả đời
tôi!*

Tôi giữ mãi mối tình mới mẻ.

(Nhớ con sông quê hương)

Và với “hồn/ tình quê” day dứt ấy, tâm thức làng quê trong thơ của Tế Hanh không chỉ là hình ảnh “con sông quê hương”, là “mảnh vườn xưa” mà còn là “tiếng sóng” xao xác trong hồn thơ của ông. Vì vậy, cho dù sống trong xa cách nghìn trùng, “tiếng sóng” ấy vẫn hiện hữu trong tâm thức thi nhân. Bởi, với ông cái “hồn quê sông biển” ấy là hiện thân của quê hương, vừa thực lại vừa mộng, khi ẩn, khi hiện, thấp thoáng trong cõi chiêm bao.

“Nơi rất thực và cũng là rất mộng.

*Của đời tôi yêu biển tự bao giờ
Trong giấc ngủ vẫn nghe tiếng sóng*

Như tiếng lòng, giục giã những lời thơ.”

(Tiếng sóng)

Và cũng như bao người dân quê sống bằng “nghề chài lưới”, hình ảnh sông biển đã trở thành một biểu hiện sinh động của tâm thức làng quê, là sự kết tinh của cái “hồn/ tình quê”, của văn hoá làng hiện hữu trong thơ Tế Hanh. Vì vậy, nói đến thơ Tế Hanh không thể không nói đến tâm thức sông biển như một phẩm tính thơ mà ông luôn hướng đến, muốn tìm về:

*Tôi nói đến trời mây, tôi nói đến
Những cánh đồng, nhà máy,
những hoa chim*

Nhưng muốn nói nhiều hơn về xứ biển

Như cái gì thâm kín nhất trong tim

(Tiếng sóng)

Quả thật, tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh chính là kết tinh của “mảnh hồn làng” và đó là cái làm nên giá trị của thơ ông. “Mảnh hồn làng” ấy đã ôm ấp trong nó không chỉ có *sông biển* quê hương, có *con đường quê với những ngày nghỉ học, những toa tàu, những vườn xưa lối cũ, những bãi mía* xạc xào, những tiếng lòng thương nhớ mà còn có cả hình ảnh của những con người dân quê lam lũ “*Sớm*

khuya chài lưới bên sông/ Kể cuộc cày mưa nắng ngoài đồng”, mà kết tinh đẹp đẽ cho biểu tượng của những con người quê hương ở tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh là hình ảnh người mẹ dẫu yêu, bên “*cái rổ may*”, bên “*mảnh vườn xưa*” năm nào với ước mơ: “*Mẹ ơi! Ngày gặp mẹ/ Mùa thu hay mùa hè/ Con sẽ là đứa bé/ Đọc sách mẹ nằm nghe*” (Nhớ mẹ). Nhưng khi, nhà thơ được trở về với quê hương dẫu yêu thì mẹ không còn nữa, chỉ còn tro trọi một nắm mồ quanh quẻ, Tế Hanh như thấy cả đất trời sụp đổ:

*Con lặng nhìn chung quanh
Thấy mồ to mà bé
Và nhìn lại đời mình
Thấy từ đây thiếu mẹ*

(Bên mồ mẹ)

Bên cạnh hình ảnh người mẹ, tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh, còn là hình ảnh người cha mà thi nhân hết mực kính trọng và thương yêu, qua nỗi nhớ về cái tủ sách của cha mà với nhà thơ “*cái hòm nhỏ con con / với tôi là của quý / thơ đã hoá tâm hồn / sách đã thành tri kỉ*” (*Cái tủ sách của cha tôi*) ... Và tất nhiên trong sâu thẳm của tâm thức làng quê ấy, không thể thiếu vắng hình ảnh “người thương” của “*cái thuở ban đầu*”, để rồi, cho mãi đến bây giờ thi nhân vẫn cứ thấy lòng ngẩn ngơ, trong tiếng xạc xào của làn sóng tình êm ái “*ngây thơ tự thuở nào*” với “*cô bạn nhỏ*”:

*Câu chuyện ngày thơ tự thuở
nào*

*Bây giờ nhớ lại ngỡ chiêm bao
Ơi cô bạn nhỏ đâu rồi nhỉ?*

Chỉ thấy trong tôi mía xác xào...
(Mía)

Và, cái làm nên tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh là thế đó. Tất cả chỉ là những ảnh hình thiên nhiên, con người bình thường, gần gũi trong cuộc sống, không hề nhuộm một chút gì “hào nhoáng, màu mè” vậy mà lại ẩn sâu trong tâm cảm người đọc. Thơ Tế Hanh vì thế là thơ của tình yêu thương chan chứa và ông cũng chỉ thành công ở những bài thơ mang nặng tâm tình này. Đó là cái duyên, cái độc đáo trong thơ Tế Hanh tạo nên gương mặt riêng của Tế Hanh trong thơ ca Việt Nam hiện đại. Điều ấy mãi mãi hiện tồn như chính cái “hồn quê” trong thơ ông. Và chính cái hồn quê thấm đẫm chất văn hoá làng thuần Việt này đã trở thành máu thịt nuôi sống ông. Thế nên, dầu đang sống ở Bắc Kinh tráng lệ, thi nhân vẫn thấy hồn quê, tình quê “lai láng chảy” trong tâm thức của mình

*Đêm nay trăng sáng Bắc Kinh
Nhớ trăng Hà Nội thấm tình
quê hương*

*Lòng như cuộn chỉ yêu thương
Quán theo mỗi một đoạn đường
ra đi*

(Dặm liễu)

Để rồi như một qui luật tất yếu của tình cảm đối với đất nước, quê hương mà Tế Hanh đã cảm nhận

từ sự trải nghiệm của mình: “*Anh xa nước nên yêu thêm nước*”, thi nhân đã mơ thấy “*Hàng Châu thành Hà Nội/ Nước Tây Hồ bỗng hoá nước Hồ Tây*” (Bài thơ tình ở Hàng Châu).

Thế mới biết cái tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh sâu nặng đến dường nào!? Và nói như nhà thơ Phạm Hồ, trong lời giới thiệu tuyển tập thơ Tế Hanh (1938 - 1988) do Sở Văn hoá và Thông tin Quảng Ngãi, xuất bản năm 1989: “Nếu tôi không nhầm thì thời ấy, (*thuở phong trào Thơ mới 1932 - 1945 - THA*) khi Xuân Diệu say đắm làm thơ về tình yêu, Lưu Trọng Lư mơ màng làm thơ về sâu mộng, Chế Lan Viên suy tư về sự điêu tàn, Phạm Huy Thông hướng về lịch sử, Huy Cận cảm xúc với đất trời... thì Tế Hanh đã nói đến cái làng quê của mình: *làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới... (Quê hương). Tôi con đường nhỏ chạy lang thang, kéo nỗi buồn không dạo khắp làng - chữ “không” sao mà đáng yêu và đáng thương (Lời con đường quê)*. Và ngay từ đầu, anh đã nói về quê hương của mình với một nỗi buồn lặng lẽ, khá mênh mang... Có lẽ đó là cái “tạng” cái bản chất của anh chăng?”⁽⁵⁾.

3. Suy niệm về hành trình sáng tạo thơ của Tế Hanh, đặc biệt là những bài thơ thể hiện tâm thức làng quê, Phạm Hồ có nhận xét đại ý rằng: Có thể nói, Tế Hanh là một con người có tầm

lòng gắn bó với quê hương một cách tự nhiên như “trời sinh” nhưng cuộc sống lại dành cho Tế Hanh những điều không may, mà lại rất may cho sự nghiệp làm thơ của mình: “Yêu quê hương nhưng không mấy khi được sống với làng quê!”. Phải chăng, chính cái điều tưởng chừng như nghịch lý này lại là căn tố hình thành nên tâm thức làng quê trong thơ Tế Hanh và phóng chiếu thành những năng lượng để thi nhân sáng tạo những bài thơ viết về quê hương, đất nước hay và da diết đến như thế. Những bài thơ không chỉ đi vào sách giáo khoa, để lại những mỹ cảm trong tâm hồn bao thế hệ học trò, cũng như biết bao người đọc mà còn là tài sản vô giá của thơ ca Việt Nam hiện đại. Bởi, nói như Michelet: “Quê hương phải được thấm nhuần trong học đường”⁽⁶⁾. Và điều này đã làm nên hệ giá trị riêng cho thơ Tế Hanh trên thi đàn thơ Việt.

Vì thế, dấu hôm nay Tế Hanh đã đi ra “ngoài cõi sống” để trở về với “mảnh hồn làng” mà ông luôn trân quý và nhớ thương những thơ ông, trong đó có những bài thơ chứa đựng tâm thức làng quê vẫn là một giá trị vĩnh hằng trong cuộc sống, vẫn mãi mãi xanh tươi như “Bài ca sự sống”^(***) chứa chan tình yêu đất nước, quê hương.

Và, hôm nay trong tận cùng niềm yêu thương và tiếc nhớ, nghĩ về Tế Hanh, một người con

dấu yêu, một trong những thi tài của quê hương “Núi Ấn, Sông Trà”, nhân 100 năm sinh của ông, chúng ta không khỏi ngậm ngùi xa xót, thốt lên những lời thê thiết tự đáy lòng: “*Những người muôn năm cũ / hồn ở đâu bây giờ!?*”^(****)◆

GHI CHÚ:

(*) PGS-TS, Nhà văn, Trường Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh.

(**) Thơ trích dẫn trong bài đều lấy trong *Tuyển tập Thơ Tế Hanh*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1987, do Nguyễn Bao (sưu tầm, tuyển chọn).

(***) Tên một tập thơ của Tế Hanh.

(****) Ông Đồ - Vũ Đình Liên.

CHÚ THÍCH:

(1)(3)(6) Hoàng Xuân Việt, *Danh ngôn từ điển*, Nhà sách Khai Trí xuất bản, Sài Gòn, 1972, tr.21.

(2) Thanh Lãng, *Bảng lược đồ văn học Việt Nam (Q. hạ) Ba thế hệ của nền văn học mới (1862 đến 1945)*, Nxb. Trình bày, Sài Gòn, 1967 tr. 802.

(4) Hoài Thanh - Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003, tr.149).

(5) Tế Hanh, *Tuyển tập thơ (1938 - 1988)*, Sở Văn hoá và Thông tin Quảng Ngãi, xuất bản, 1989, tr.5.

Chút tình tưởng nhớ quê hương xa cách

(Đọc bài thơ Quê hương của Tế Hanh)

○ CHÉ ĐIỂM TRÂM*

Nếu phải chọn một, chỉ một bài Thơ mới lãng mạn hợp với tuổi hoa niên bậc Trung học cơ sở, thì có lẽ bài thơ *Quê hương* của nhà thơ Tế Hanh là hợp giọng nhất, bởi làng cảnh miền biển trong trẻo, lời thơ êm đềm, nổi buồn dịu dàng... của thi phẩm.

Bài thơ *Quê hương*, như cái tên của nó, viết về đề tài quê hương, viết khi đang xa cách trong “*tưởng nhớ*” “*nghe ngào*”. Bài thơ có cấu tứ hồi nhớ, mà thường thì, cái gì trong hồi tưởng dường như cũng đẹp hơn, lung linh hơn. Bài thơ có bốn khổ, viết bằng thể thơ tám chữ. Khổ đầu, hai câu, giới thiệu chung về vị trí, khung cảnh làng mình; khổ thứ hai có sáu câu tả cảnh thuyền chài ra khơi; khổ ba, tám câu, tả cảnh thuyền đánh cá trở về bến. Và khổ kết, bốn câu, là nỗi nhớ làng quê da diết.

Nếu trong văn xuôi, các nhà văn trường phái lãng mạn thường có xu hướng thơ hóa văn xuôi thì với thơ, ngược lại, các thi sĩ thích đưa tự sự vào thơ. Sự đan cài hai yếu tố trữ tình và hiện thực có lẽ hợp với tiếng nói của cái tôi nội cảm vừa thích thú thụ cảm sự phong phú của thế giới khách quan vừa bày tỏ những rung cảm một cách thành thực nhất.

Thơ lãng mạn đã để cái tôi cá nhân hiện lên trực tiếp trên dòng thơ. Tế Hanh cũng chọn cách xưng danh ở ngôi thứ nhất:

*Làng tôi ở vốn làm nghề
chài lưới*

*Nay xa cách lòng tôi luôn
tưởng nhớ*

Điều đó làm cho bài thơ, rộng ra là thơ lãng mạn, chuyển sang điệu nói, một cách nói tràn bờ của cảm xúc, dễ dàng đi về trên trục thời

gian: hiện tại - quá khứ - hiện tại, phù hợp với tâm trạng dui dịt thương nhớ.

Làng Đông Yên, xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi của thi sĩ là một cái làng nhỏ như cái cù lao giữa bốn bề sông nước. Con sông Trà Bồng nổi tiếng nên thơ, đến đoạn Bình Sơn, tách ra làm đôi ôm ấp cả một vùng rồi lại hợp dòng xuôi về cửa biển Sa Cần. Chính không gian - địa lý đó đã làm nên giọng điệu mở đầu thật nhẹ nhõm, bay bổng, đầy tự hào:

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:

Nước bao vây cách biển nửa ngày sông.

Không ngờ chàng thư sinh trẻ măng lại có cách giới thiệu quê nhà giản dị, nhẹ nhàng nhưng gắn bó sâu nặng với nơi chôn nhau cắt rốn như một ngư dân lành nghề *“vốn làm nghề chài lưới”* đến vậy.

Suốt hai khổ tiếp theo, tình điệu bay bổng, phóng khoáng khi hồi tưởng về vẻ đẹp chân chất, mộc mạc nhưng thi vị của quê hương được tác giả tập trung thể hiện từ điểm nhìn là *“bến đỗ”*, dõi ánh mắt theo đoàn thuyền ra khơi và trở về *“ngày hôm sau”*. Có lẽ, không phải ngẫu nhiên mà khổ hai, cảnh ra khơi, có sáu câu; còn khổ ba, bến sông *“ồn ào”*, *“tấp nập”* đón những con thuyền trở về *“cá đầy ghe”* lại lên tới

tám câu. Cảnh cuộc sống yên ổn, no đủ bao giờ cũng làm thi hứng lan tỏa rộng và sâu.

Cảnh ra khơi - về bến đều xoay quanh hai hình tượng trung tâm: dân trai tráng và con thuyền, bởi đó là sức vóc, là linh hồn quê hương. Đây là cảnh lên đường:

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng

Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Câu đầu với nhịp 3/2/3 cân đối, nhẹ nhàng (5/8 thanh bằng) nghe như khoan thai, dặt dìu tiếng hò lơ sông nước gọi nhịp sống thanh bình. Khổ thơ có hai so sánh thật đẹp. Chiếc thuyền được ví *“như con tuấn mã”* - con ngựa đẹp, ngựa chiến, vó câu tung xoải, bồm tung tỏa trong gió, trong nắng. Biết bao tự hào, yêu thương và hy vọng trong ánh mắt dõi theo con tuấn mã ấy *“phăng”* sóng, *“mạnh mẽ vượt”* lên ấy. Nhưng, hay hơn, lạ hơn là cánh buồm trắng no gió, no nắng mai được cảm nhận và liên tưởng thành *“mảnh hồn làng”*. Thi sĩ Tế Hanh đã tạo ra một so sánh độc đáo, so

sánh cái hữu hình (cánh bướm giương to) với cái vô hình (như mảnh hồn làng). Lạ và hay, và gọi cảm! Cánh bướm là hình vóc và hồn cốt quê hương.

Bởi thế, cánh bướm trắng ấy còn trở lại ở khổ kết:

Màu nước xanh, cá bạc, chiếc bướm vôi

Cánh bướm vôi (cánh bướm trắng), chữ “vôi” bỗng nhiên nghe quen thuộc, nồng cay, cả môi, cả lưỡi, cả mắt; ấm sức cả nổi lòng, nổi niềm...

Khổ thứ ba dài nhất. Sức bung tỏa ở khổ hai nhường chỗ cho sự đầm thắm, đầm sâu ở khổ này. Giọng điệu ấy hợp với con người - con thuyền đã thắm mệt sau một ngày một đêm vượt trường giang, vượt biển cả; giọng điệu ấy còn hợp với niềm hân hoan, lời tri ân:

“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”

Câu thơ này cùng với câu đề từ: “Chim bay dọc biển đem tin cá” lấy từ thơ của thân phụ của nhà thơ (thơ cụ Trần Tất Tố), như những tiếng reo vui, cảm tạ trời đất ban cho thời tiết thuận hòa, mùa màng bội thu.

Thành công vượt trội của khổ thơ này là ở những ẩn dụ chuyển đổi cảm giác và nhân hóa:

Dân chài lưới, làn da ngăm rám nắng,

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

Cảm hứng lãng mạn khiến nhà thơ chọn tả thân hình chắc khỏe, cường tráng đượm mùi vị mặn mòi khơi xa của những chàng ngư phủ trẻ. Hình ảnh con thuyền đỗ bến có cái êm ái sau bao mệt mỏi vật lộn với biển khơi, có cái thư thái mãn nguyện cuộc sống no đủ, có cái thắm trầm từng trải qua bao vị nồng mặn của nước - sóng - gió - nắng... Nó đã trở thành một sinh thể có tâm hồn, một biểu tượng đẹp của cảnh sắc, của con người quê hương Bình Sơn.

Dường như không chỉ ngũ giác bạn đọc trở nên tinh nhạy mà cái chính là cảm giác, cảm “nghe”, tức là sự liên tưởng, tưởng tượng thoát bung mở tối đa để giao cảm với hình ảnh thơ, ngôn ngữ thơ, nhất là đoạn này. Không có cái cảm nghe này, không thể cảm nhận hết vẻ đẹp của những người con biển cả, cả thân hình vạm vỡ, làn da ngăm nhuộm nắng gió, nồng hương vị biển. Không có sức tưởng tượng bén nhạy, không thể thụ cảm hết cái vị muối thấm thía trong từng thớ gỗ chắc nịch, mặn mòi của con thuyền lim dim trên cát.

Khổ thơ cuối chất chứa cả cảm hứng “tưởng nhớ” hoài niệm, cả cảm xúc thương nhớ

trong “xa cách” dâng cao đến độ không nén được nữa, phải thốt lên thành lời kết âm vang:

*Nay xa cách lòng tôi luôn
tưởng nhớ*

*Màu nước xanh, cá bạc,
chiếc buồm vôi,*

*Thoáng con thuyền rẽ sóng
chạy ra khơi,*

*Tôi thấy nhớ cái mùi nồng
mặn quá!*

Vì vậy, bài thơ ngoài cái cao giọng tự hào, ngậy ngất còn có một giọng nữa ở bề trầm, nhưng kỳ thực nó lại là giọng chính - nhớ ngây ngất, buồn ngùi ngùi. Đó là tiếng thơ của nỗi buồn thương khi các nhà thơ lãng mạn không tìm thấy sự hòa điệu trong thực tại, đã tìm kiếm vẻ đẹp lý tưởng trên nhiều con đường, mà quá khứ vàng son là một cách họ thường chọn. Đó là một trong những nguồn cảm hứng chính của các nhà Thơ mới lãng mạn như Thế Lữ, Vũ Đình Liên, Lưu Trọng Lư, Tế Hanh, Chế Lan Viên, Huy Cận...

Bài thơ gieo vần chân, cả vần bằng lẫn vần trắc, nối qua các khổ: “sóng” (cuối khổ một) - “hồng” (đầu khổ hai), “gió” (cuối khổ hai) - “đỏ” (đầu khổ ba), “vỏ” (khổ ba) - “nhớ” (khổ bốn)... tạo âm hưởng tưởng nhớ triền miên, da diết. Riêng khổ cuối bốn câu thì gieo vần ôm (nhớ - vôi - khơi - quá) như những vòng tay ôm ấp áp, dịu

ngọt hợp với tình hoài hương và chút sầu xứ - những nguồn cảm hứng chính của thơ lãng mạn. Toàn bài thơ (cả thi đề và đề từ) có 169 âm tiết thì có 95 âm tiết mang thanh bằng, chiếm 56%. Sự hài thanh bằng - trắc như vậy là cân đối, tạo ấn tượng nổi nhớ êm đềm, nỗi buồn dịu nhẹ.

Nhà thơ Pháp Brunetiere nhận xét: “Trường phái cổ điển có phong cách mang tính chất kiến trúc, trường phái lãng mạn muốn cạnh tranh với hội họa, trường phái tượng trưng muốn cạnh tranh với âm nhạc”. Đọc bài thơ *Quê hương*, ta cảm nhận được phẩm chất hội họa bằng bạc của thơ lãng mạn, thơ Tế Hanh là một trường hợp tiêu biểu. Song, qua bức tranh *Quê hương* đẹp dễ và tươi tắn, ta cảm nhận được chất nhạc - nhạc lòng êm ái và du dương của người con xa nhà, xa quê Tế Hanh đã âm vang tám thập niên qua, chưa từng phai nhạt trong lòng bạn đọc, nhất là những bạn đọc trẻ tuổi và trẻ lòng♦

GHI CHÚ:

(*) Thạc sĩ, Giáo viên chuyên Văn THPT Lê Quý Đôn, Hội viên Hội VHNT Khánh Hòa.

THƠ VỀ NHÀ THƠ TẾ HANH



○ HỒ NGHĨA PHƯƠNG

Mùa hạ trên sông Trà Bồng

Cánh hoa nào chơi vơi giữa dòng trôi
Cho tôi và em thầm tiếc mãi
Hoa phượng nở với gam màu như lửa
Báo hè sang từ độ tháng năm xa

Sông chao nghiêng giữa chiều gió vừa qua
Cánh buồm ngày xưa nay còn hay mất
Dĩ vãng như một lời nguyện ước
Người ở xa còn thư thả quay về

Con đường ven sông phủ những bóng râm
Ly cà phê hương nồng nàn xa ngái
Ai dang tay trên cây cầu nối đôi bờ luyến ái
Tôi vài lần dịu em đi qua

Mùa hạ đến rồi cảnh phượng thắm liêu trai
Em an yên nhìn ra phía trước
Tôi nhận thấy giữa trời mây sông nước
Tay chèo nhanh đưa muôn sóng xô bờ

Dòng sông quê hương yên ả nên thơ
Tế Hanh đã nói hộ lòng mình dưới bóng cây ngày đó
Tôi chờ đợi đến mùa hoa phượng đỏ
Vùng trời thương rộng mở bao dung...

9h20, ngày 19/4/2021

○ Ý NHI

Nhà thơ và cái hồ nhỏ

*Khi đời đã trụi trần, đối diện với mình đây
(Mùa thu-E. Evtusenko)*

Mặt hồ quen từ buổi thiếu thời
chợt sáng lên như mảnh gương
trong mùa đông của tuổi sáu mươi
và cái ánh mới mẻ ấy
vừa đẩy ông ra xa
vừa vẫy gọi ông
tìm đến soi nhìn.

Những cuốn sách mang tên ông
những phần thưởng
những diễn đàn
những bài viết ngợi khen
những chào mời vô vấp
những bức ảnh in to và rõ nét
những chương trình phát thanh và vô tuyến truyền hình

Phải chăng
đó là cuộc đời ông

Giọt nước mắt ràn rụa qua gương mặt
hạnh phúc
nụ cười cay đắng trước trò đùa nghiệt ngã của số phận
cái giá của tự do
mặt trái của quyền lực
sự nhân nhượng của con người trước cái ác
ranh giới giữa cái đẹp và sự phù phiếm
bao ý nghĩ từng giày vò ông
và như một chứng bệnh
chúng không thể chữa khỏi bằng thứ vinh quang
ông có được

Phải chăng
đó là cuộc đời ông

Lòng đồ kỵ giấu kín dưới từ ngữ đẹp đẽ
sự phản trắc được giải thích bằng những lý lẽ sắc sảo
ham muốn tầm thường
được che đậy bằng câu chuyện bông đùa
và nỗi sợ hãi
hầu như vô nguyên cớ
suốt đời đè nặng ông bằng sức nặng vô hình
suốt đời trói buộc ông bằng dây nhợ vô hình

Phải chăng
đó là cuộc đời ông

Trong những chiều
Nhà thơ thường đi quanh cái hồ quen
vẻ như khách lạ.

4/1987

○ AN RI

Sông thơ vẫn chảy

Anh thoát xác trần gian về phương ấy
Sông quê hương vẫn chảy mãi bên lòng
Chảy từ độ *Hoa niên*^(*) trai trẻ
Đến cuối đời vẫn cứ... *Gửi về em*...^(**)

(*) (**) *Hoa niên* (Tập thơ đầu tiên) và *Gửi về em*
(Tập thơ cuối cùng) của Tế Hanh.

○ NGUYỄN NGỌC HÙNG

Kính lay ông hai lay

Thuở nhỏ
người mang tên Hai Phố
ở làng Đông Yên
có nụ cười hiền
có đôi mắt sáng
“chu choa nề” giọng Quảng Ngãi rất ri

theo dòng cuộc sống người đi
học chữ
tập làm thơ
mơ thành thi sĩ
miệt mài theo đuổi chân thiện mỹ
mắt sáng hơn
giọng Quảng Ngãi vẫn y sì

theo dòng cách mạng
người lại đi
làm văn hóa văn chương giáo dục
ủy viên đôi khi
thường vụ, chấp hành đôi lúc
luôn giữ mình mắt sáng lòng trong
xuyên hai kháng chiến công gai
đạn nổ máu ròng
giọng Quảng Ngãi
vẫn không trầy xước

chấm dứt thời “ngày Bắc đêm Nam”
theo dòng hợp hoan đất nước
ngược về Trung thăm “vườn xưa” mấy lượt
mắt ngời lá thắm hoa tươi
giọng Quảng Ngãi vẫn theo người
gừng cay muối mặn

ngay cả đoạn cuối đời ghen đặng
mắt mờ dần rồi tắt hẳn
bệnh liệt giường
lúc tỉnh lúc mê
vẫn còn một thứ người không lẫn
như “nước gương trong”
giọng Quảng Ngãi
rất ròn

người tên Phố mà quê tận gốc
thơ trăm miền chất Quảng Ngãi đậm sâu
như xứ sở quê hương không hiện diện trong tim
thường trực
với gần ấy năm cách xa
tiếp xúc hàng trăm âm giọng khác
giữ được không
hơi nồng mặn xóm chài...

Ơi Hai Phố - Trần Tế Hanh thi sĩ
trước phục tình người
sau phục tài thơ
niệm sinh nhật tròn trăm
kính lạy Ông hai lạy
một tinh hoa Quảng Ngãi đáng tôn thờ!

Khiêm nhường

Thói thường thiên hạ ta là nhất
Thơ không đầu phượng cũng đuôi rồng
Tự nhận mình mỏng như “gạch nổi”^(*)
Thiết nghĩ trên đời chỉ một Ông!

(*) Lời Tế Hanh: “Tôi chỉ là “gạch nổi” giữa Bích Khê và Thanh Thảo.



○ NGUYỄN KIM HUY

Chiều muộn

Nhớ nhà thơ Tê Hanh

Buổi chiều muộn và đời người đã xế
Ông ngồi đây lặng lẽ với dòng sông
Gió xao xác những vòm cây ngả bóng
Và sông Hàn vẫn nhịp sóng bình yên

Đôi mắt mờ người thi sĩ nhìn gì
Trong đáy mắt mùa thu xưa thấp thoáng
Nụ cười đến trên môi người rất chậm
Khi bờ sông vọng lại tiếng trẻ thơ

Đời đẹp quá giảng tư lòng thi sĩ
Nước trôi xuôi liệu có lúc về nguồn
Con tàu chở kiếp người đang cập bến
Thoảng dòng sông rền rĩ những hồi còi

Giờ Ông đã về bên con sông biếc
Hay đang còn thờ thần với Hàng Châu
Mỗi chiều muộn qua bờ sông ghé đá
Ông như còn ngồi đó. Vẫn trầm tư...

11. XI. 2012

○ PHAN BÁ TRÌNH

Về Bình Dương nhớ Tế Hanh

Nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Tế Hanh

Ai thả khói đồng ngồn ngồn trong gió
Qua đất Bình Dương cay mắt mấy lần
Đau đáu niềm riêng mây phủ chín tầng
Nhộn nhịp làng chài thuyền ghe tấp nập

Con sông Trà Bồng về xuôi trong vắt
Lung linh dịu hiền trong thơ Tế Hanh
Con nước vỗ bờ cứ mãi trong xanh
Xào xạc hàng tre nghiêng mình chải tóc

Nhớ lắm ngày xưa thuở còn đi học
Ai đã từng “*Nhớ con sông quê hương*”
Ai đã có lần *nhìn giếng soi gương*
Và hái ổi trong “*Vườn xưa*” gió mát

Trở lại Bình Dương một ngày biển hát
Vẫn còn nghe mùi biển mặn đầu đây
Phượng đỏ trưa hè thấp lửa trên cây
Để tưởng nhớ một tài thơ đất Việt.

Tháng 5 năm 2021

(*) *Những cụm từ in nghiêng trong ngoặc kép là tên bài thơ, những chữ in nghiêng là chữ của thơ Tế Hanh.*

○ MỸ HƯNG

Trong trẻo một hồn thơ

Mười bảy tuổi viết “Những ngày nghỉ học”
Một năm sau đã xuất bản “Nghẹn ngào”
Tròn hai mươi với “vu vơ” “ao ước”...
Khởi nhập thi đàn lấp lánh ánh sao.

Luôn thấm đẫm vía hồn quê tinh tế
Xanh biếc sông với nông mặn biển chài
Hóa thân vào những con đường quen thuộc
Để khác thường giai điệu khóc cười ai.

“Như trăng tròn không nghĩ đến hồi khuyết”
“Anh đến với em là lẽ tất nhiên”
Cùng nắm tay nhau vượt nghiêng đêm “bão”
“Rét nàng Bân” “nhân ẩm gấp hai” liền.

Xa “quê hương” “nhớ con sông...” tha thiết
“Ở hai đầu công tác” vọng “vườn xưa”
Chơi Hàng Châu càng yêu em yêu nước
“Hà Nội...” ơi, trân quý mấy cho vừa.

Rất mực chân thành vô cùng trong trẻo
Những câu thơ như sông nước vỗ về
Những câu thơ len lỏi vào tâm khảm
Xoa dịu nỗi niềm tươi tắm tình quê.

89 năm sống, yêu và sáng tạo
29 “đứa con” phương trưởng tuyệt vời
Anh lớn hơn những gì Anh đã có
3 giải tượng trưng cho cả một đời...

Ơi nhà thơ của quê hương đất nước
Của yêu thương gần gũi mọi lớp người
“Gửi miền Bắc” “Lòng miền Nam” ruột thịt
Thanh thản về với sông biếc hoa tươi!

Nhớ con sông xanh biếc

Quê mình có bốn con sông
Vệ Giang, Trà Khúc, Trà Bồng, Trà Câu
Sông nào cũng đẹp đầm sâu
Sông nào cũng chứa trân châu ngọc ngà
Vào thơ sáng nhất sông Trà
Trà Bồng không kém mượt mà dòng xanh
Trường Sơn xuôi nước trong lành
Đến Bình Dương bỗng uốn quanh lượn lờ
Như là mê cảnh nên thơ
Dang tay ôm ấp bãi bờ Đông Yên.

Ơi a sông Việt ba miền
Ngắn dài to nhỏ liên miên tuôn dòng
Cho dù nước đục nước trong
Xiết êm cũng nhớ lớn ròng cũng thương
Ngôi vương đâu dễ đo lường
Mỗi dòng sông một sắc hương riêng mà...

Diệu kì thay! Cõi thi ca
Với người được chọn tên là Tế Hanh
Yêu quê tận đáy chân thành
Rút lòng tha thiết dệt xanh biếc tình
Ơi dòng sông chữ lung linh
Độc Ông ai cũng thấy mình trong thơ!



○ LÊ VĂN THUẬN

Dòng sông thơ

Tôi lại về với *con sông quê hương*
Ríu rít bờ tre trưa hè nắng đỏ
Dòng sông xanh lững lờ qua trước ngõ
Chuyến dò chiều chở nặng tuổi thơ qua
Sông Trà Bồng dòng sông của thi ca
Tươi tắm hồn thơ ngọt ngào lai láng chảy
Xa cách bao năm vẫn nhớ về nơi ấy
Mong một ngày trở lại chốn thân thương
Tôi lại về với mảnh đất Bình Dương
Thăm bến dò xưa có *hàng tre soi bóng*
Thăm bãi cát dài trưa hè cháy bỏng
Thăm làng chài *cách biển nửa ngày sông*
Tôi đứng lặng nhìn dòng nước mênh mông
Thăm đọc những vần thơ của Tế Hanh để lại
Dòng sông thơ Ông đã hòa cùng với biển cả
Vẫn thấm vào lòng đất mẹ thân yêu
Thấp sáng quê hương cao vút những cánh diều
Dòng sông yêu thương hiền hòa trôi trôi mãi
Để chiều nay lòng tôi nghe ấm lại
Lắng đọng trong hồn dào dạt bến sông thơ...

* *Chữ in nghiêng là thơ Tế Hanh.*

Về Đông Yên

nhớ TẾ HANH

Nhạc & lời: TRẦN XUÂN TIÊN

Bằng khuâng - nhớ tiếc... ♩ = 55

Bên sông - lời ru xa vắng, Con sóng bằng khuâng- chiều ơi.

Mùa yên vui - Dòng sông sóng trôi - Thơ bay ngang trời - chơi với...

Ru ai - Bình Dương xao xuyến Nghe nắng Đông Yên nhớ Người.

Ngấn nước long lanh - Hồn thơ Tế Hanh- Thơ nghiêng đôi cánh - chiều xa.

"Tôi giờ tay ôm nước vào lòng
"Tôi giờ tay ôm nước vào lòng

Sông mở nước ôm tôi vào dạ... Lai láng trôi lòng
Sông mở nước ôm tôi vào dạ..."

tôi như suối trôi Nước gương trong soi tóc những hàng tre..."(+)

...Sông Trà Bồng một chiều Tháng Sáu Nhớ thăm một
người - Bốn bề thơ bay...

(+): Trích thơ Tế Hanh (các dòng chữ nghiêng).

Cái giếng làng

Nhạc: MINH CHÂU

Thơ: TẾ HANH

Tình cảm - Sâu lắng

Cái giếng đầu làng là của em. Dưới khóm dừa
 xanh tỏa bóng êm đêm. Em đi gánh nước đôi vai mịn màng.
 Em đi gánh nước đòn gánh cong cong. Cái giếng đầu làng là của
 anh. Một buổi trưa hè trời nắng trong xanh. Em múc trao anh một gàu nước
 mát. Mặt nước vô tình hòa bóng đôi ta. cái giếng đầu
 làng là của bà con. Nước trong như lọc vị ngọt thơm ngon. Nơi bao người
 qua hẹn hò gặp gỡ. Chuyện buồn chuyện vui, mặn thắm tình quê
 Cái giếng đầu làng của người bốn phương. Lau giọt mồ
 hôi, đứng bên vệ đường. Uống ngụm nước trong đứng trong chiếc
 nón. Nghe thấm trong lòng tình yêu quê hương. ...hương. Cái giếng đầu
 làng. Em bao kỷ niệm. là mảnh hồn quê trong lòng tôi./.

Hà Nội 1966

Nhạc: THIÊN VƯƠNG
Thơ: TẾ HANH

Trong sáng - Tự hào ♩ = 58

The musical score is written on ten staves of five-line systems. The first staff begins with a treble clef, a key signature of one sharp (F#), and a 2/4 time signature. The tempo is marked '♩ = 58'. The melody is composed of eighth and quarter notes, with some rests. The lyrics are written below the staves, aligned with the notes. The score ends with a double bar line on the tenth staff.

Hà Nội bắt phố đông, Hà Nội bắt ánh điện, Hà
Nội về nông thôn, Hà Nội ra tiền tuyến. Hà nội khoác súng trên
vai, miệng cười tươi bước vững vàng, Hà Nội vẫn xanh nâu, Hà
Nội vẫn yêu nhau... Hà Nội vút mây xanh cánh thiên thần phản
lực. Hà Nội nổi nghìn năm nước sông Hồng thao thức, Hà
Nội ở khắp nơi như lương tâm thời đại, Hà Nội trong mọi
người như trái tim hồng tươi. Hà Nội một góc bom, Quảng
Bình tím sồi sục, tên lửa Hà Nội vang, lòng Sài Gòn rực sáng,
ơi hình Bác thân thương, nước Hồ Gươm sáng
chói, Hà Nội mãi Thủ Đô./

Rét nàng Bân

Nhạc: MAI BÁ ẨN

Thơ: TẾ HANH

Bình dị...

♩ = 60

Khi em đan manh áo ấm tặng anh. Gió còn
 Hoa xuân rơi thừa thớt cuối đường xuân. Lá cành
 Anh đang mang manh áo ấm của em. Thấy lòng
 thối qua bàn tay lạnh. Những đôi chim tìm nhau ủ
 đã pha màu xanh đậm. Tháng ba qua tìm trong giọt
 ấm đông đủ chưa lại. Có tay em cài trong chỉ
 cánh. Mây đầy trời rơi rớt nắng mong manh
 nắng. Đông lại về se sắt rét nàng Bân.
 thắm. Có tình người nên có rét nàng Bân

(ĐK 1,2) Nàng Bân xưa may áo ấm cho chồng. Áo may
 ...đan manh áo ấm cho chồng. Suốt canh

xong trời không còn lạnh nữa. Nàng đã khóc đất trời lệ
 trưa và đêm dài quạnh quẽ. Lòng mơ nắng bên trời lặng

1. Ứa. Rét theo về bù lại nỗi nhớ mong. (Anh đang...)
 lẽ áo đan rồi mùa lạnh đã trôi...

2. 3. ...xa Giờ em... ...xa./